

LUẬT TƯ PHẦN GIỚI BỐN NHƯ THÍCH

QUYỂN MƯỜI

Đời nhà Minh, đất Quảng Châu,
thầy Sa môn Thích Hoằng Tấn,
hiệu Tại Tham (dịch).

Giới thứ sáu mươi tám KHÔNG BỎ ÁC KIẾN

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo dấy lời nói như vậy : Tôi biết pháp của Phật nói : Làm việc dâm dục không phải là pháp ngăn đạo. Tỳ Kheo kia can gián Tỳ Kheo này rằng : Đại đức đừng nói như vậy, đừng chê bai đức Thế Tôn, chê bai đức Thế Tôn không tốt, đức Thế Tôn không nói lời như vậy, đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện, nói làm việc dâm dục, là phép ngăn đạo. Tỳ Kheo kia khi can gián Tỳ Kheo này, mà Tỳ Kheo này giữ bền không bỏ, Tỳ Kheo kia nhẫn đến ba phen can gián bỏ việc này đi, nếu can gián đến ba phen bỏ thì tốt, bằng không bỏ phạm Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước, khi đó có ông Tỳ Kheo tên A Lê Tra, có sinh ác kiến như vậy, các Tỳ Kheo can gián mà không bỏ, của Tỳ Kheo đến bạch Phật, Phật cho chúng Tăng dấy lời quả trách và can gián, bạch tứ Yết Ma cho bỏ sự này, Phật vì thế liền kết giới cấm.

Dấy lời nói như vậy : Nghĩa là lầm dẫn giải lời nói của đức Thế Tôn để làm chứng kiến lời nói của mình, cũng do cái tri kiến của ông kia thấy người tại gia, tuy ở tại gia có vợ như ai, nhưng hay chứng quả Tu Đà Hoàn, cho đến quả A Na Hàm nên mới sinh cái ác kiến như vậy.

Tôi biết : Nghĩa là tự biết hay xét biết.

Pháp Phật nói : Phật là người năng nói, chính là đức Như Lai ứng chính đẳng giác. Pháp bị nói, là tỏ bày cái nghĩa. Chữ Pháp có hai nghĩa : 1) Chính Phật nói. 2) Đệ tử của Phật nói. Tuy đệ tử của Phật nói vì do lời Phật dạy, cũng gọi là Pháp Phật nói.

Làm việc dâm dục : Là làm việc nhơ nhớp, xấu hổ vậy.

Chẳng phải pháp ngăn đạo : Ông kia làm việc dâm dục là thói quen mà cho là không ngăn ngại các Thanh quả của Phật.

Tỳ Kheo kia can gián Tỳ Kheo này rằng : Là dấy lời riêng can gián, như văn sau này có giải.

Đại đức : Tức là lời kêu khen ông kia.

Đừng nói như vậy : Là không nên dấy lời ác kiến như vậy.

Đừng chê bai đức Thế Tôn : Nghĩa là pháp bị nói của đức Phật lia sự dâm dục đi đến chỗ vắng lặng, nếu nói sự dâm dục, chẳng phải là ngăn đạo, tức là trái lời Phật nói, đó là chê bai đức Thế Tôn.

Chê : Nghĩa là buông ra những lời phi lý.

Không tốt : là gây quả báo, đời sau chắc chắn phải chịu cái sự không tốt.

Thế Tôn không nói như vậy : Là Phật không nói sự dâm dục là pháp không ngăn đạo.

Vô số phương tiện v.v... : Là Phật dùng đủ thứ lời quả trách, nói dâm dục là bất tịnh, là pháp hữu lậu, là pháp ngăn đạo...

Khi Tỳ Kheo kia can gián Tỳ Kheo này chấp chặt không bỏ : Là dấy lời can riêng như trước, nếu ông không bỏ chấp chặt ác kiến, nên nói rằng : Ông nay nên bỏ việc này đi, đừng để chúng Tăng phải quả trách lại phạm thêm tội nặng, nếu ông nhận lời thì tốt, như ông không nhận lời, thì phải làm phép bạch Yết Ma can ba lần.

Thế thức phạm tội trong đây là gì ? Xướng ba lần Yết Ma rồi, thì phạm tội Đọa, tác bạch Yết Ma hai lần rồi bỏ, thì phạm ba tội Ác tác. Một lần Yết Ma rồi mà bỏ, thì phạm hai tội Ác tác. Bạch rồi mà bỏ thì phạm một tội Ác tác.

Nếu bạch chưa rồi mà bỏ, hoặc chưa bạch, bàn nói việc phải quấy, hoặc ngăn ông kia đừng bỏ, tất cả phạm Ác tác. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là sao ? Hoặc làm phép Yết Ma phi pháp v.v... ba lần phạm tội Đọa, chỉ phạm một Ác tác.

Luật Nhiếp nói : Phải đối trong đại chúng phát lồ tội Đọa.

Giới thứ sáu mươi chín
CẤM KẾT PHE ĐẢNG
VỚI NGƯỜI KHÔNG BỎ ÁC KIẾN

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, biết người nói như vậy, chưa làm phép không bỏ tà kiến như vậy, lại cung cấp các món cần dùng, cho đồng làm phép Yết Ma, đồng bàn luận, và ngủ nghỉ chung, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Khi ấy ông A Lê Tra bị chúng Tăng quở trách, quở trách can gián mà cố quyết không bỏ, Phật bảo chúng Tăng làm phép cử tội không bỏ ác kiến, bạch tử Yết Ma. Khi đó phái Lục quần cúng cho ổng các món dùng, và cho ổng đồng làm pháp sự, và cho bàn luận ngủ nghỉ, các Tỳ Kheo bạch Phật, Phật liền kết giới cấm.

Người nói như vậy : Là nói pháp của các Tỳ Kheo làm việc dâm dục không phải là pháp ngăn đạo.

Chưa làm phép : Là ông kia bị chúng Tăng cử do ổng cố chấp ác kiến, tâm không ăn năn, nên chúng Tăng chưa làm phép Yết Ma xả tội.

Tà kiến như vậy : Nghĩa là ổng cho cái ác kiến ấy là pháp không ngăn đạo.

Không hổ : Là chúng Tăng can gián quở trách, do ổng chấp chặt không bỏ ác kiến ấy.

Cung cấp các món cần dùng : Đây có hai món : 1.- Là pháp : nghĩa là dạy tu tập tăng thượng giới, tăng tâm, tăng huệ, tăng sự học vấn, tăng sự

tụng kinh. 2.- Là tài : nghĩa là cho y phục, cơm nước, ngựa cù, thuốc thang v.v...

Đồng làm phép Yết Ma : Là đồng tụng giới, hay là các việc pháp sự.

Đồng ngủ nghỉ : Nghĩa là đồng ngủ chung một nhà.

Nhà có 4 thứ : 1.- Hoặc bốn phía có vách và tất cả có lợp. 2.- Hoặc tất cả có lợp, tất cả không ngăn. 3.- Hoặc tất cả ngăn hết, mà tất cả không lợp. 4.- Hoặc không ngăn hết, không lợp hết.

Đồng bàn luận : Là dạy bảo nhau, và cho bình luận các việc tốt xấu.

Thể thức phạm tội : Hoặc Tỳ Kheo vào nhà trước, ông ác kiến vào sau, hoặc ông ác kiến vào trước, Tỳ Kheo đến sau, hoặc hai ông đồng vào một lượt ngủ nghỉ, tùy hông sát đất, tất cả phạm tội Đọa. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Nếu cô Ni tùy thuận theo thầy Tỳ Kheo bị cử, ba lần can không bỏ, phạm Ba La Di.

Không phạm là gì ? Hoặc không biết có ông đó bàn luận, hoặc không biết có ông đó ngủ trong nhà, hoặc nhà che lợp không giáp, hoặc chỗ đất trống, hoặc ổng bệnh phải nằm nghiêng và có các nạn duyên.

Phụ văn : Xét trong Luật văn : Cung cấp cho ổng, cho ổng àm phép Yết Ma, cho ổng ngủ chung một nhà, cho ổng bàn luận chung, bốn việc tùy làm một việc, đều phạm tội Đọa.

Thập Tụng Luật nói : “Hoặc ổng dạy kinh cho ông khác, hoặc ổng theo ông khác học kinh, hoặc ổng cho ông khác của cải, hay ông khác cho ổng của cải, hoặc cho ổng ngủ chung trong một nhà, tất cả đều phạm tội Đọa, hoặc ngồi chung không nằm, phạm Ác tác.

Căn Bản Luật nói : “Nếu ông bệnh, thăm lo nuôi dưỡng không phạm, hoặc cho ổng đồng ở chung, khiến cho ổng bỏ tính ác, như vậy cũng không phạm.

Giới thứ bảy mươi một **CẤM CHỨA NUÔI ÔNG SA DI BỊ TẢN**

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, biết ông Sa Di nói lời như vậy : “Tôi theo nghe Phật nói pháp, làm việc dâm dục, không phải là pháp ngăn đạo”. Tỳ Kheo kia can gián Sa Di này rằng : Ông đừng nói như vậy, đừng chê bai đức Thế Tôn, chê bai đức Thế Tôn không tốt, đức Thế Tôn không nói như vậy.*

Sa Di ! Thế Tôn dùng vô số phương tiện, nói việc dâm dục là phép ngăn đạo. Khi Tỳ Kheo kia can gián Sa Di này, mà Sa Di này bền giữ không bỏ, Tỳ Kheo kia phải đôi ba phen can gián, bảo bỏ việc ấy đi, nhẫn đến ba phen can, ổng bỏ thì tốt, bằng không bỏ thì Tỳ Kheo kia phải nói với Sa Di ấy rằng : Ông từ nay sắp về sau, không nên nói Phật là Thầy của ông nữa, ông không được theo các Tỳ Kheo khác, như các ông Sa Di kia, được chung cùng các Tỳ Kheo ngủ hai ba đêm, ông nay không được đó, ông đi ra cho khỏi chỗ này, không nên ở đây.

Nếu Tỳ Kheo biết trong chúng đuổi, mà dụ ông Sa Di ấy, đem về nuôi dưỡng và cho ngủ chung, như vậy phạm Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự trong vườn ông Cấp Cô Độc, ông Bạt Nan Đà có hai ông Sa Di sinh ác kiến như vậy. Phật dạy chúng Tăng để ông Sa Di đó ở trước chúng Tăng đứng chỗ mắt thấy tai không nghe, dấy lời quở trách can gián, bạch tử Yết Ma, mà Sa Di kia cố ý không bỏ. Phật bèn dạy chúng Tăng để ổng đứng như trước, làm phép Yết Ma diệt tẩn..

Khi đó có phái Lục quần biết chúng Tăng diệt tẩn ông Sa Di đó rồi mấy ông mới dụ đem về nuôi dưỡng, cho ngủ chung. Các Tỳ Kheo thanh tịnh bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Trong văn đây, từ câu ban đầu đến câu làm việc dâm dục là pháp ngăn đạo, đó toàn lời quở trách can gián. Nếu ổng giữ chặt không bỏ, mới làm phép Yết Ma ba phen can gián. Ba phen can gián không bỏ, mới làm phép diệt tẩn. Câu : Ong tử đây sắp về sau, nhắn đến câu : Không nên ở đây. Ấy là văn Yết Ma làm phép diệt tẩn. Sau đây là văn kiết giới vậy.

Diệt tẩn ? Diệt : là trừ; Tẩn : là bỏ; không cho ở chung với các Tỳ Kheo.

Trong chúng ? Tức là trong chúng Tăng.

Bị tẩn ? Là bị chúng Tăng bạch tử Yết Ma diệt tẩn.

Sa Di ấy ? Là người thọ 10 giới, mà sinh tâm ác kiến.

Dụ đồ đem về ? Nghĩa là đem tài, pháp cho ông rồi dụ đồ kêu dất đi, hoặc mình dụ, hoặc bảo người khác dụ đều phạm tội.

Nuôi dưỡng ? Hoặc mình nuôi, hoặc cho người khác nuôi. Nuôi : nghĩa là thâu lãnh đem về cho y chỉ. Dưỡng : là cấp hộ cho kia cơm áo và dạy học kinh pháp.

Đồng ngũ chung : Nghĩa đồng chung một thất ngũ ngũ. Còn bao nhiêu nghĩa khác, có phạm không phạm, đều đồng giải như giới trước.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : “Nếu ông Sa Di bị hai thầy quả trách, ông Tỳ Kheo khác không nên dụ đồ đem về cho ở chung, nói tôi sẽ cho ông y bát, thuốc thang và tôi sẽ dạy ông học kinh pháp”.

Nếu biết ông Sa Di đó, nhân bị đuổi trở về tục. Tỳ Kheo kia được nói lời dụ dằng dụ đồ, dụ ông ưng thuận rồi, nên nói rằng : Hòa Thượng và A Xà Lê, ông mang ơn nặng khó trả, vậy ông phải trở lại kia, chịu lòn mà ở.

Căn Bản Luật nói : “Nếu ông đó là bà con dòng họ, hoặc lúc ông có bệnh, hoặc bảo ông kia bỏ tính ác kiến, tùy quyền nhiếp thọ cũng đều không phạm”.

Luật Nhiếp nói : “Phàm ông không thấy tội v.v... bị người đuổi bỏ, đồng để thọ dùng, đều phạm Ác tác”.

Sa Di 7 tuổi hay giúp chúng Tăng để giữ lúa bắp và đuổi chim quạ, nên cho xuất gia, dạy thọ phép Tam quy, và cho học 10 giới. 8 tuổi học không được, 7 tuổi học được nên độ; 6 tuổi học được, 7 tuổi không được thì không nên độ.

Tăng Kỳ Luật nói : “Nhỏ lắm nếu thiếu 7 tuổi. Hoặc đủ 7 tuổi mà không biết tốt xấu, đều không nên cho đi xuất gia”.

Còn người già nếu quá 70 tuổi, có thể làm công việc được, nếu dưới 70 tuổi mà làm việc không được, nằm đứng nhờ người đỡ, đều không cho xuất gia. Nếu đủ 70 tuổi, sức lực mạnh mẽ, có thể tu tập các nghiệp nên cho đi xuất gia.

Lại nữa Sa Di có 3 phẩm : 1/ Từ 7 tuổi cho đến 13 tuổi, gọi là Sa Di khu ô. 2/ Từ 14 tuổi cho đến 19 tuổi, gọi là Sa Di ứng pháp. 3/ Từ 20 tuổi cho đến 70 tuổi, gọi là Sa Di danh tự. Ba phẩm này đều gọi là Sa Di vậy.

Có chỗ dịch rằng : Đã nói ông đi xuất gia tuổi còn bé chưa kham làm nên việc chi, chỉ giúp chúng Tăng quét dọn nơi nhà thực trụ, và các chỗ ngồi thiền, đánh đuổi chim quạ để thay thế chút nhọc cho thầy dạng sinh phước lành vậy.

Giới thứ bảy mươi mốt

CẤM CAN GIÁN VÀ VẤN NẠN MỘT CÁCH NGHỊCH

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo khi các Tỳ Kheo khác đứng như pháp can gián, ổng lại nói như vậy: “Tôi nay không học giới này, tôi cũng sẽ vấn nạn các

ông Tỳ Kheo trí huệ trì luật kia, phạm Ba Dật Đề".
Hoặc vì muốn biết mà học hỏi, thì nên hỏi nạn.

CHÚ GIẢI : Phật ngự trong vườn Mỹ Âm, khi đó các Tỳ Kheo y pháp can gián ông Xiển Đà, ông Xiển Đà bèn nói : Tôi nay không học giới này, tôi sẽ vấn nạn các Tỳ Kheo trí huệ trì luật. Các Tỳ Kheo đem việc này bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Các Tỳ Kheo ? Là người trong chính pháp.

Đúng như pháp ? Là đúng pháp, đúng luật, đúng như lời Phật dạy.

Khi can gián ? Là chính cái lúc dùng lời thật dạy can.

Nói lời như vậy ? Là ổng dấy lời nói chối ngược, nói nghịch.

Tôi nay không học giới này ? Nghĩa là không tu tập theo giới Ba La Đề Mộc Xoa. Song không phải thật không tu tập, chính là muốn dùng lời nói như thế để cự lại lời can gián của ông kia mà thôi.

Vấn nạn ? Là dùng lời khéo léo, cật vấn ông kia.

Ông trí huệ ? Trí tức là huệ, nếu phân biệt mà nói thì trí : là hiểu biết, huệ : là thấy rõ vậy. Lại nữa, quyết định xét lý nói là chữ Trí; để tâm phân biệt rành rẽ, nói là chữ Huệ vậy.

Trì luật ? Là người giữ tạng Tỳ Ni.

Vì muốn hiểu biết ? Là muốn hiểu thấu chỗ khinh, trọng, khai, giá, trì và phạm vậy.

Muốn học ? Là muốn học văn và nghĩa cho rộng.

Nếu vấn nạn ? Là muốn biết, muốn học, mà vấn nạn thì không phạm.

Thế thức phạm tội trong đây là gì ? Khi ông kia đã đúng như pháp can gián, mà buông lời nói chửi ngược, nói mà rõ ràng, thì phạm tội Đọa. Nói không rõ ràng thì phạm Ác tác. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Ông kia can gián ổng, mà chính ổng là người ngu si nhấn đến nói lầm v.v...

Giới thứ bảy mươi hai CẤM KHINH CHÊ NÓI GIỚI

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo khi nói giới, dấy lời nói như vậy : Đại đức đừng nói chỉ những giới lụn vụn, khi nói giới này khiến cho người nghe thêm buồn thẹn, hoài nghi, vì khinh chê giới luật, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, có chúng Tỳ Kheo đông nhiều nhóm ở một chỗ, tụng chính pháp Tỳ Ni. Phái Lục quân sợ ông kia tụng tập giới thông thạo, cứ hằng cử tội ông đó mới đi đến nói rằng : Trưởng lão, đừng nói những giới lụn vụn làm chi. Hoặc ý ổng muốn tụng 4 giới Ba La Di, hay là 13 giới Tăng già Bà Thi Sa còn bao nhiêu thì bỏ. Vì tụng các giới lụn vụn, khiến cho người hoài nghi buồn thẹn. Các Tỳ Kheo bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Khi nói giới ? Chữ giới : nghĩa từ 4 giới Ba La Di cho đến 7 giới Diệt tránh. Chữ thời : Là thời trùng tuyên đọc lại.

Dấy lời nói như vậy ? Là thốt ra lời nói chê bai.

Đại đức ? Là dấy lời khen ông kia, để thực hiện tâm của mình.

Đâu nên dùng ? Chính là tỏ vẻ chê bai, do vì thế phạm đôi ba tội khi nghe tụng giới, thì tâm không yên, nên mới bèn khinh chê đó vậy.

Giới lun vụn ? Nghĩa là ba thiên sau...

Khiến cho người ? Là mượn cho người khác, để rõ thân mình.

Buồn then hoài nghi ? Là mình có phạm lỗi, mà nghe ông kia tụng giới tâm sinh không ưa, do vì tâm không ưa, nên phiền muộn bần lòng, gọi là chữ nào, ăn năn chỗ phạm lỗi của mình, nên gọi là chữ quý (*then*) vì không hay quyết đoán chỗ phạm lỗi của mình, thế gọi hoài nghi.

Khinh chê giới ? Là thốt ra lời hủy báng.

Thế thức phạm tội ? Nếu chê bai giới, nói rõ ràng thì phạm tội Đọa, nói không rõ ràng phạm Ác tác. Nếu chê bai tạng luận và khế kinh đều phạm Ác tác, bốn chúng kia đều phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là gì ? Hoặc bảo ông kia, trước tụng tạng luận, kế đó tụng tạng kinh, sau sẽ tụng tạng luật, bằng có bệnh bảo đợi lành rồi sẽ tụng, hoặc bảo cần cầu cho chứng quả, vậy sau mới tụng.

Phụ văn : Ngũ Phần Luật nói : “Nếu muốn cho người bỏ hẳn tạng luật không tu, không đọc, mà chê bai đó, phạm tội Đọa. Nếu muốn cho tạng luật không được cứu trụ, mà chê bai đó phạm tội Thâu Lan Giá. Chê bai tạng kinh, cũng như vậy, nếu chê bai giới của bốn chúng kia và giới của hai chúng tại gia, đều phạm Ác tác”.

Tỳ Kheo Ni chê bai hai bộ giới, phạm tội Đọa, chê bai giới của năm chúng kia phạm Ác tác. Nếu sợ người mới thọ giới sinh lòng nghi thối tâm, dạy dỗ sau mới tụng giới thì không phạm.

Tỳ Ni Tỳ Bà Sa Luận nói : Phạm trong kinh có kinh theo luật khi tụng chê đó, phạm tội Đọa, khi tụng các kinh khác mà chê đó thì phạm Ác tác. Vì sao chê kinh của luật v.v... mà phạm tội nặng, chê các kinh khác, lại phạm tội nhẹ ư ?

Vì giới là ruộng cột, ruộng cột là ruộng tốt trong Phật pháp, muôn ngàn giống lành, cũng từ nơi đó mà sinh, lại nữa, tất cả đệ tử của Phật đều nương theo nơi đó mà ở.

Nếu người tu mà không giới, thì không lấy chi mà nương tựa, lại nữa giới là cái cửa đầu vào Phật pháp. Nếu người tu không có giới thì không do nơi đâu, mà vào thành Niết bàn vậy. Lại nữa, giới là chuỗi anh lạc trong Phật pháp, để trang nghiêm pháp thân Phật, vì thế nên phạm tội nặng.

Trong kinh 500 bài hỏi : Ngài Mục Kiền Liên bạch Phật rằng : “Đức Thế Tôn sau khi diệt độ, ai giữ gìn tạng luật ?...”

Phật dạy : “Người ưa suy nghĩ, học tạng luật sẽ biết người ấy là người hay tu tập tạng Tỳ Ni. Ta sau diệt độ rồi, nếu có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni chê bai tạng Tỳ Ni như thế thì phải biết, người ấy là bạn bè của Ma vương, chẳng phải là đệ tử của ta, bọn người như thế, đời đời học đạo không thành, và không ra khỏi ba cõi”.

Thiện Kiến Luật nói : Nếu người học tạng Tỳ Ni có 5 đức : 1/ Là mình giữ giới. 2/ Có thể dứt các cái nghi cho người. 3/ Là vào trong chúng không sợ. 4/ Là có thể bề đẹp kẻ oan gia. 5/ Là hay khiến chính pháp được cứu trụ.

Nhấn đến trong đời có 5 thầy Tỳ Kheo hiểu luật, cũng có thể làm cho chính pháp được cứu trụ.

Như bên nước Trung Thiên Trúc, Phật pháp diệt, ở ngoài biên địa có 5 thầy Tỳ Kheo truyền giới được, ở trung quốc phải 10 thầy mới truyền giới cụ túc được, làm đúng như vậy mới gọi là làm cho chính pháp được cứu trụ.

Lại nữa, trì luật có 6 đức : 1/ Là lãnh giữ tạng luật. 2/ Là biết làm phép Bố tát. 3/ Là biết làm phép Tỳ tử. 4/ Là biết làm phép truyền giới cụ túc cho người. 5/ Là biết làm phép thọ cho người y chỉ. 6/ Là được nuôi Sa Di.

Nếu không hiểu luật, chỉ biết kinh và luận, không được độ các ông Sa Di, và thọ người y chỉ, do vì ông Luật sư trì luật thì Phật pháp mới trụ đời năm ngàn năm vậy.

**Giới thứ bảy mươi ba
CẤM TRỞ LỜI NÓI MỚI BIẾT**

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo, khi tụng giới đầy lời nói như vậy : *tôi nay mới biết pháp này, trong giới kinh biên ra, nửa tháng, nửa tháng tụng.*

Các Tỳ Kheo biết Tỳ Kheo đó có đôi ba lần ngồi trong chúng nghe giới, hướng chi còn nhiều lần nữa !

Thế mà Tỳ Kheo kia nói không hiểu biết, nếu phạm tội, phải đúng như pháp mà trị, bèn gia thêm tội vô tri, nói rằng : - *Trưởng lão không lợi ích, không tốt, khi nói giới Trưởng lão không để tâm suy nghĩ, không chịu nhiếp tâm nghe pháp, vì ông kia trở nói không biết, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Trong phái Lục quần có một người phạm tội, trong khi đương tụng giới, biết mình có phạm liền ngăn, sợ các Tỳ Kheo thanh tịnh cử tội, đến trước vị Thượng Tọa nói rằng : *"Thưa Đại đức, tôi nay mới biết pháp này, cho đến nói trong giới kinh rút ra".* Các Tỳ Kheo biết cái cố của ông đó, nên đến bạch Phật, Phật liền kết giới cấm.

Nói giới : Là nói từ giới Ba La Di, cho đến nói giới thất diệt tránh, thứ lớp đủ cả nghĩa mẫu.

Đấy lời nói như vậy ? Là giả bộ như mình mới hay biết.

Tôi nay mới biết pháp này ? Là ông cũng thường đồng ngồi nghe tụng giới, mà nay ổng giả bộ như mới biết lần đầu.

Pháp ? Tức là pháp Tứ khí, cho đến thất diệt tránh.

Trong giới kinh chép ra ? Nghĩa là trong giới kinh biệt giải thoát, sở dĩ nó ở trong đó, nên nói trong giới kinh.

Nửa tháng, nửa tháng tụng, trong giới kinh nói ra ? Nghĩa là nửa tháng có trăng, nửa tháng không trăng, làm phép Bố tát tụng giới kinh một lần, từ trong đó rút ra, chẳng phải chép trong kinh khác.

Hoặc đôi ba lần ngòi, nhãn đến còn nhiều lần ? Nghĩa là mình đã từng có đôi ba phen, đồng là phép Bố tát, đồng nghe tụng giới, hướng chi còn hơn đôi ba lần !

Không biết không hiểu ? Tức là ổng không biết tướng tội nên gọi là vô tri, không rành nghĩa tội, nên gọi là vô giải.

Nếu ổng phạm tội phải đúng như pháp mà trị v.v... ? Nghĩa là không vì cái cơ giả bộ không hay biết dạng khỏi tội, phải đúng như chỗ ổng phạm mà trị tội ổng.

Lại gia thêm cho ông tôi vô tri, trưởng lão v.v... ? Tức là lời khuyên răn.

Không để tâm suy nghĩ ? Là không khéo suy nghĩ, để ý vậy.

Không nhiếp tâm nghe pháp ? Là do ổng không khéo để ý, nên không được nhất tâm, do vì không được nhất tâm, nên tai duyên nơi cảnh khác, do vì duyên cảnh khác, nên không hay nghe pháp.

Ông kia vì cái cố không biết ? Do vì không biết nên phạm tội.

Thế thức phạm tội ? Hoặc khi mình tụng giới, hoặc khi người khác tụng giới, dấy lời nói như vậy, thì phạm tội Đọa. Nếu trong chúng không cử tội ông kia, thì phạm Ác tác. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Thật chưa từng nghe tụng giới, hay ổng mới nghe lần đầu, hoặc ổng chưa nghe tụng nhiều, mà nay mới nghe cho đến ổng nói chơi nói lảm v.v...

Phụ văn : Luật Nhiếp nói : “Hoặc do phiền não khuấy rối, hoặc do quên suy nghĩ, hoặc ngủ gục, hoặc loạn tâm, tùy mỗi một giới, không lóng tai nghe, đều phạm mỗi tội Đọa. Hoặc nghe cô Tỳ Kheo Ni tụng không đồng giới, dấy lời nói như vậy, thì phạm Ác tác, nếu nghe tụng đồng giới, thì phạm Bốn tội”.

Hoặc già cả không chỗ hiểu biết, hay là đúng thật mà nói thì không phạm. Tới ngày trưởng tịnh toàn chúng cử người thuộc lâu, tụng giới kinh, làm Thượng Tọa thay thế cho chúng Tăng tụng giới.

Trước khi đánh kiền chùy các Tỳ Kheo phải nhớ tội của mình, đúng như pháp mà sám hối, vậy sau mới đi nhóm.

Tăng Kỳ Luật nói : “Trong chúng Tăng phải lựa sai một vị tụng giới cho lâu, các người ngồi dưới, cũng phải chuyên tâm lóng nghe, không nên ngồi đó mà thiên định và làm các việc khác, hoặc tụng từ

giới Ba La Di, cho đến giới thất diệt tránh và trong chặng giữa, tùy không nghe một giới nào, thì phạm tội Diệt Tỳ Ni. Tất cả mà không nghe phạm Ba Dật Đề”.

Tội này không được tới một người mà sám hối, phải đối giữa chúng, nhờ ông có oai đức trì giới, kính nạn ổng rồi, đối trước đó mà sám hối, ông oai đức phải quả rằng : Trưởng lão, ông mất sự lợi lành, khi nửa tháng tụng Ba La Đề Mộc Xoa, ông không kính trọng, không nhất tâm nhớ nghĩ và không lóng tai nghe pháp. Quả rồi cho sám hối tội Ba Dật Đề.

Giới thứ bảy mươi bốn

CẤM TRÁI NGHỊCH PHÉP YẾT MA

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo đồng làm phép Yết Ma, sau rồi mới nói lời như vậy : Các Tỳ Kheo tùy người thân mến, lấy vật của chúng Tăng cho, phạm Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự trên non Linh Thứu, Tôn giả Đạp Bà Ma La Tử, nghĩ mình biết việc chúng Tăng, người đàn việt lập hội bố thí không có lệnh mời ông, mà ông cứ mang y phục rách rưới mà đi, khi khác chúng Tăng được một cái y, đồng làm phép bạch nhị Yết Ma cho đó. Bấy giờ phái Lục quần cũng đồng ứng làm phép Yết Ma, nhưng sau rồi nghĩ lại ăn năn, nói lời phỉ báng chúng Tăng, vì thế Phật liền kết giới cấm.

Đồng làm Yết Ma ? Là cùng nhau tâm đồng ứng thuận hứa cho làm các việc đó.

Nói lời như vậy ? Là đồng cùng chúng Tăng làm phép Yết Ma rồi sau lại trái, tâm mình ăn năn lời hứa trước.

Các Tỳ Kheo ? Là người đồng làm phép Yết Ma.

Thân mến ? Nghĩa là Hòa Thượng, A Xà Lê, hoặc đồng bậc Hòa Thượng, hay đồng bậc A Xà Lê, cùng các người thân hữu đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, hiệp ý nhau vậy.

Vật của chúng Tăng : Đồng giải như trước.
Vật : Là sáu món tùy tùng của hàng Tỳ Kheo nhận đến bình uống nước. **Cho :** Là lấy vật của chúng Tăng cho riêng về người kia.

Thế thức phạm tội ? Như trước đồng làm phép Yết Ma rồi, sau lại ăn năn nói, nói rõ ràng thì phạm tội Đọa, nói mà không rõ ràng, phạm Ác tác, bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là gì ? Sự kia thật có vậy.

Tát Bà Đa Luận nói : “Phàm ở trong chúng Tăng, nếu người giúp làm việc nhọc nhằn, hoặc là bậc Đại đức, hoặc người nghèo thiếu, chúng Tăng hòa hiệp cho đều nên cho, hễ chúng Tăng nói không nên cho mà cố cho bướng, đều phạm tội”.

Giới thứ bảy mươi lăm

CẤM KHÔNG DỰ DỤC

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo chúng Tăng xử đoán việc chưa rồi, không dự dục mà đứng dậy bỏ đi, phạm Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, các Tỷ Kheo nhóm một chỗ, bàn luận pháp Tỳ Ni, phái Lục quần nghi chúng Tăng làm phép Yết Ma, liền bỏ chỗ ngồi đứng dậy đi, chúng Tăng cầm lại mà không ở, Phật vì việc đó liền kết giới cấm.

Chúng Tăng : Là những vị đồng tụng một giới, đồng làm một phép Yết Ma.

Đoán ? Là bàn luận cho đúng công lý.

Việc ? Là 18 việc phá Tăng : pháp, phi pháp, cho đến nói, không nói, và bao nhiêu pháp sự Yết Ma v.v...

Không dự dục ? Nghĩa là mình có việc xảy ra, không dặn bảo chúng Tăng, hoặc nói cho các Tỷ Kheo khác biết rồi sẽ đi, mà ở lại không nói, bỏ đi đại.

Đứng dậy đi ? Là bỏ chỗ ngồi đứng dậy đi ra ngoài chúng Tăng.

Thể thức phạm tội ? Nếu đứng dậy đi ra ngoài cửa, thì phạm tội Đọa. Một chân trong cửa, một chân ngoài cửa, và phương tiện muốn đi mà không đi, hoặc hẹn muốn đi mà không đi, đều phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là ? Hoặc sửa sang tháp, làm việc cho chúng Tăng, hay đi nuôi bệnh, dự dục rồi đi, hoặc cấm khẩu không thể nói dự dục được, hoặc chúng Tăng làm sai phép, sai luật, sai Yết Ma. Hoặc ở muốn làm tháp cho chúng Tăng, cho Nhị sư, cho người thân hữu, làm việc tổn giảm không lợi ích, không dự dục bỏ đi không phạm.

Tăng Kỳ Luật nói : “Hoặc muốn đi đại tiểu tiện, giầy lát trở lại, không bỏ phế việc của chúng Tăng, không tội”.

Giới thứ bảy mươi sáu CẤM DỰ DỤC RỒI SAU ĂN NĂN

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo dự dục rồi sau ăn năn, phạm Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Khi đó phái Lục quần có ông phạm tội, sợ chúng Tăng tác cử, trong tất cả cả thời sáu anh em mình đừng cho lia nhau, khiến cho chúng Tăng đừng làm phép Yết Ma được; sau khi khác phái Lục quần may y, chúng Tăng phương tiện được, bèn sai người mời mấy ổng, mấy ổng trả lời rằng: Chúng tôi mắc may y, nên đi không được. Chúng Tăng nói : Nếu không đi được hết, thì nên cho hai ba ông đem lời dục đến.

Phái Lục quần bèn cho một thầy Tỳ Kheo, lãnh lời dục của mấy ổng, đem đến, chúng Tăng liền cùng Tỳ Kheo ấy làm phép Yết Ma, Tỳ Kheo kia trở về nói lại cho phái Lục quần nghe. Bọn Lục quần rất ăn năn, nên nói ông kia làm Yết Ma sai phép, làm phép Yết Ma không thành, tôi cho ông đi dự dục việc này, chớ không cho ông dự dục việc khác. Các Tỳ Kheo bạch Phật, Phật liền kết giới cấm.

Dự dục rồi ? Nghĩa là chúng Tăng có việc đúng như pháp, trước khi tâm ưa muốn và đã hứa khả cho rồi.

Sau lại ăn năn ? Là dự dục rồi, sau sinh tâm hối hận.

Giới này, cùng với giới trước pháp Yết Ma trái ngược, chỗ đại khái vẫn đồng, nhưng trong đó có khác một chút.

Giới trước : Do vì trước biết việc của ông kia, đồng làm phép Yết Ma cho, sau rồi ăn năn mới chê chúng Tăng.

Giới này : Căn cứ vì không biết, sau ăn năn ngăn pháp dự dục, hai giới cũng đồng dự dục, rồi sau chê pháp Yết Ma, khiến việc trước không thành vậy.

Thế thức phạm tội ? Nếu mình mượn người dự dục giùm, sau rồi ăn năn, nói hễ rõ ràng thì phạm tội Đọa, nói không rõ ràng thì phạm Ác tác. bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là ? Ông kia thật làm sai phép Yết Ma.

Phụ văn : Tát Bà Đa Luận nói : “Phàm chúng Tăng làm việc xử đoán, hòa hiệp làm rồi, sau ăn năn chê trách, phạm Ác tác”. Nếu chúng Tăng đúng như pháp, làm việc tất cả pháp Yết Ma rồi, sau không được quả trách, hễ quả trách thì phạm tội Đọa. Nếu chúng Tăng làm phép Yết Ma không đúng phép, nhưng trong lúc đó sức mình không thể chuyển đổi được, nên làm thình không quả trách, sau rồi nói không được, thì không phạm.

Giới thứ bảy mươi bảy
CẤM RÌNH NGHE CHUYỆN GÂY KINH,
RỒI ĐEM CHUYỆN NÓI

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo rình nghe các Tỳ Kheo khác gây kinh, rồi nghe lời nói người này lại đem nói người kia, phạm Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Khi bấy giờ các Tỳ Kheo gây kinh, bọn Lục quần nghe nói ở đây, lại đem đến chỗ khác nói; khi chúng Tăng chưa có gây kinh, làm cho có sự gây kinh, khi đã có gây kinh rồi, làm cho dừng dứt được. Các Tỳ Kheo xét biết do cơ máy ổng, nên đem bạch Phật, Phật liền kết giới cấm.

Đấu tranh có bốn món : 1.- Lời nói tranh đấu. 2.- Tìm lỗi tranh đấu. 3.- Phạm tội tranh đấu. 4.- Việc làm tranh đấu vậy.

Nghe nói ở đây, đem tới kia nói v.v... ? Nghĩa là ông kia ở chỗ khuất rình nghe ông khác gây, tìm kiếm lỗi quấy thay nhau chuyện nôi, làm cho có sự cạnh tranh, đến đôi việc nhỏ mới xảy ra, mà nó thành việc kinh lớn, việc kinh lớn đã thành rồi, thì lại không thể dứt được.

Thế thức phạm tội ? Trước khi tâm mình muốn nghe ông kia gây kinh rồi đi nghe, thì phạm tội Đạo; không nghe thì phạm Ác tác. Nếu muốn đi nghe, mà không đi, hoặc đồng hẹn đi, mà không đi cũng phạm Ác tác. Hoặc hai người đồng ở trong chỗ tới nói chuyện, hoặc nói chỗ khuất, hoặc nói ở trước đường đi, như vậy phải biết nói riêng tất cả chỗ

khuất, Tỳ Kheo tình cờ gặp cũng phải đờn chỉ, hoặc tăng hắng ra tiếng, nếu không làm như thế, đều phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là gì ? Hoặc làm phép Yết Ma phi pháp, phi luật, vì tháp, vì chúng Tăng, vì Nhị sư, vì người thân hữu, làm việc tổn hại không lợi ích, muốn nghe đặng biết, đi nghe không phạm.

Phụ vấn : Tát Bà Đa Luận nói : Trong đây người gây kinh và các người không gây kinh đến nghe, và tới người khác nói, hay không nói cũng đều phạm”.

Thập Tụng Luật nói : “Nếu vì muốn nghe cho hòa hiệp đến nghe không phạm”.

Thiện Kiến Luật nói : “Nếu muốn tự sửa mình, đến nghe không phạm”.

Ngũ Phần Luật nói : “Lên nghe bốn chúng kia nói, thì phạm Ác tác”.

Tăng Kỳ Luật nói : “Nếu hai thầy Tỳ Kheo nói riêng trong một nhà, hoặc Tỳ Kheo khác muốn vào, phải khảy móng tay hoặc dậm chân ra tiếng, nếu người trong nhà làm thình, thì phải trở ra, hoặc người trong nhà cố nói không ngừng, vào không tội”.

Nếu một thầy Tỳ Kheo trước ngồi trong nhà, hai thầy Tỳ Kheo nói riêng từ ngoài đi đến, Tỳ Kheo trong nhà lên tiếng, nếu hai ông kia làm thình, Tỳ Kheo trong nhà phải đi ra, đi trước đi sau cũng như vậy.

Nếu các Tỳ Kheo gây kinh kết oán, phát lời mắng nhiếc, nói tôi cần phải giết người ác này ! Tỳ Kheo nghe rồi, thì nên nói ông kia : Trưởng lão, ngài khéo ngăn ngừa, cẩn thận, vì tôi vừa nghe có tiếng ác hãm ngài.

Nếu có ông khách Tỳ Kheo dấy lời như vậy : Chúng tôi sẽ trộm vật trong kho này, trộm vật trong tháp kia, trộm vật của chúng Tăng chỗ đó, trộm y bát của Tỳ Kheo. Thầy Tri sự nghe rồi để ý mau về tới, về chùa rồi, đến trong chúng Tăng thưa rằng : Thưa Đại đức trong kho... nhần đến y bát của Tỳ Kheo... phải đề phòng trước, tôi vừa nghe có tiếng ác, phải nói cho Đại đức biết trước. Nếu Tỳ Kheo có đệ tử đông nhiều, trời tối lên đi xét các phòng, coi có làm đúng như pháp không. Nếu nghe có bàn luận nói việc thế tục, không nên vào quả trách liền, đợi ổng đến mình, vậy sau mới quả trách rằng :

Các ông vì tín tâm mà đi xuất gia, ăn cơm của người tín chủ phải ngồi thiền, tụng kinh, vì sao lại bàn luận việc phi pháp của thế tục, đó chẳng phải pháp lành của người xuất gia nương theo.

Nếu mấy ổng luận về kinh luật, nói nghĩa vấn nạn đối đáp, thì cũng không nên vào khen liền, đợi ổng đến mình vậy sau mới khen tốt : Các ông hãy cùng nhau bàn luận về kinh luật, nói nghĩa, giảng về việc Phật pháp, đúng như lời Thế Tôn dạy.

Khi các Tỳ Kheo nhóm, phải thật hành hai pháp : Một là hành pháp lặng lặng như Hiền thánh. Hai là bàn luận nghĩa trong kinh pháp.

Giới thứ bảy mươi tám CẤM GIẬN ĐÁNH TỖ KHEO KHÁC

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo vì sân giận không vui đánh Tỳ Kheo khác, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Khi đó trong phái Lục quần Tỳ Kheo vì sân giận đánh bọn Thập thất quần Tỳ Kheo, ông bị đánh kia cao tiếng la to. Các Tỳ Kheo bạch Phật, vì thế Phật liền kết giới cấm.

Không vui ? Nghĩa là dẫn tâm vào trong cảnh buồn giận, nên trong lòng không vui.

Đánh ? Nghĩa là dùng bằng tay, hoặc đá, hoặc cây, mà đánh đập ông kia vậy.

Thê thức phạm tội ? Nếu mình lấy tay thoi đánh, lấy đá quăng liệng, lấy cây đánh đập, đều phạm tội Đọa. Hoặc lấy các thứ để gài cửa, như là móc sắt, cán phủ phất, cán thủ lự, mà khổ đều phạm Ác tác. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Hoặc ốm bệnh cần phải đấm đánh (*đấm bóp*), hay là ăn cơm nuốt mắc nghẹn, phải đấm xương sống cho xuống cơm, và lằm đụng.

Phụ văn : Lạc Già Luận nói : “Hoặc đánh người tặc trụ, đánh người thọ năm giới, đánh người phạm tội tử trọng, đều phạm Ác tác”. Hoặc đập cát, hoặc đấm đậu, các vật văng nhằm nhiều thầy Tỳ

Kheo tùy chỗ dính, phạm tội Đọa. Nếu không dính thì phạm Ác tác.

Luật Nhiếp nói : Hoặc ông trì giới, hay ông phá giới, có tướng Tỳ Kheo tưởng là Tỳ Kheo, hoặc lại sinh nghi, đánh đó đều phạm tội Đọa”. Hoặc không phải Tỳ Kheo, tưởng là Tỳ Kheo rồi sinh nghi, hoặc đối với cột, vách tường, hay là đối với các vật khác, có tâm rối loạn mà đập vỡ đấy, đều phạm Ác tác. Hoặc không vì tâm sân giận, vì việc lợi ích thì không phạm.

Ngũ Phần Luật nói : “Đánh bốn chúng kia, và đánh súc sinh phạm Ác tác”.

Tăng Kỳ Luật nói : “Đánh Tỳ Kheo Ni, phạm Thâu Lan Giá, đánh ba chúng sau, phạm tội Diệt Tỳ Ni, nhẫn đến đánh người thế tục, phạm tội Diệt Tỳ Ni, tâm ăn năn”. Nếu loài ác thú chạy đến, không nên đánh, được cầm cây cầm đá v.v... động dưới đất, làm bộ dạng cho nó sợ, nếu loài súc sinh chạy đến vào chùa làm hư đồ đạc, cũng không nên đánh, phải làm bộ dạng cho nó sợ chạy đi.

Giới thứ bảy mươi chín CẤM VÌ GIẬN DÓA THẦY TỲ KHEO

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo vì giận không vui, lấy tay dóa thầy Tỳ Kheo, phạm Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Duyên xử đồng như trước.

Dóa ? Nghĩa là lấy tay dóa ông kia, mà không đụng vào thân ông kia. Đức Thế Tôn đã cấm không

cho đánh, bọn Lục quân lại đưa tay dóa làm cho ông kia sinh tâm sợ sệt (*tưởng bạt tai*).

Trong đây phạm tội nặng nhẹ, cũng đồng như giới trước, nhưng giới trước, thì bản tâm muốn đánh, mà đánh không nhằm thân không phạm bốn tội, giới này, chính xòe tay dóa, nên phạm bốn tội, đây là khác tướng tội vậy.

Không phạm là gì ? Ông kia muốn đánh, vỗ tay rồi thôi, cho đến tất cả không cố đánh.

Thập Tụng Luật nói : “Lấy tay chân đụng người, phạm tội Đọa, dỡ các thân phần đụng người, phải Ác tác”.

Luật Nhiếp nói : “Nếu dỡ một tay đụng nhiều Tỳ Kheo, tùy đụng nhiều người phạm tội”.

Giới thứ tám mươi

CẤM ĐEM TỘI TẶNG TÀNG VU BÁNG

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo vì sân giận, đem tội Tặng tàng vô cơ mà vu báng, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước. Phật đã cấm không cho đánh, bọn Lục quân lại lấy tay dóa, kể đây lại đem tội vô căn cứ mà vu báng ông kia. Giới trước Phật cấm, không được lấy tội Ba La Di vu oan, giới này lại đem tội Tặng tàng mà vu báng.

Căn ? Nghĩa là thấy, nghe và nghi, ba căn đồng giải như trong 13 việc (*13 giới Tặng tàng trước*).

Thế thức phạm tội ? Đem tội Tăng tàng vô căn cứ mà vu báng, nói rõ ràng thì phạm tội Đọa, nói không rõ ràng phạm Ác tác, bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là gì ? Nói có căn cứ, và nói thật, vì muốn cho ông kia cải hối ăn năn, mà không có tâm chê bai vậy.

Tăng Kỳ Luật nói : “Vu báng cô Ni, phạm tội Thâu Lan Giá, vu báng ba chúng sau, phạm tội Diệt Tỳ Ni, vu báng người thế, phạm tội Diệt Tỳ Ni, tâm hối”.

Tát Bà Đa Luận nói : “Vu báng người phạm trọng tội Thâu Lan Giá, thì mình phạm Ác tác, tới một người vu báng, cũng phạm Ác tác”.

Giới thứ tám mươi mốt **CẤM VÀO QUÁ NGÁCH CỬA CUNG VUA**

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, vua Sát Lợi dùng nước rưới đầu. Vua chưa ra, chưa giấu của báu, mà vào quá ngạch cửa cung điện, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ. Khi đó bà Mạt Lợi phu nhân, nghe Phật nói pháp, chứng được quả rồi, bèn khuyến dụ vua Ba Tư Nặc, khiến vua được tin mến Phật pháp, cho phép các Tỳ Kheo vào ra cửa cung.

Ông Ca Lưu Đà Di đi khát thực thứ lếp vào cung vua, khi đó trời đã sáng rồi mà Vua cùng Hoàng hậu còn nằm nghỉ. Hoàng hậu ở xa thấy ông kia đi đến, liền đứng dậy tiếp rước, rui ro sút chân

xuống đất để lỏa hình thể, bà hổ thẹn ngồi bẹp xuống đất.

Ông Ca Lưu Đà Di đi về chùa nói cho các Tỳ Kheo nghe : Tôi đã thấy cái báu đệ nhất của vua. Các Tỳ Kheo phiên trách, rồi đem bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Vua Sát lợi dùng nước rưới đầu : Chử Sát lợi, Trung Hoa dịch là : Chủ đất, tức là đời thượng cổ chọn người có đức, do dân chúng lập, người đó vì dân chúng, làm ông chủ xử phần đất cát, vì thế mà ông kia được thông thả và quý trọng, nương nhau lập lấy họ vậy.

Nước rưới đầu ? Nghĩa là khi lập ngôi vua, lấy nước trong bốn biển lớn, rồi nhóm các tiểu vương, vị đại Bà La Môn, lấy nước ấy rưới trên đánh của vua hoặc như dòng Sát Lợi, làm ngôi vua này, nên gọi là vua Sát Lợi nước rưới đầu.

Dầu chẳng phải dòng Sát Lợi đi nữa, song được nước rưới đầu, cũng gọi là vua Sát Lợi nước rưới đầu (do dân chúng bầu lên).

Vua chưa ra ? Là vua chưa ra khỏi cửa cung, và thế nữ chưa về chỗ

Chưa giấu báu ? Nghĩa là phu nhân, và thế nữ, khi ngủ chung với đức vua, đeo các món chuỗi anh lạc, để trau dồi thân thể, chưa thấu cất các món báu này, nên gọi chưa giấu của báu. Lại nữa, vì các món báu kia người đời quý trọng, nên gọi là báu. Thế nữ cung phi là người rất yêu mến của vua,

vua chưa dạy giấu kín (*thế nữ*), cũng gọi là chưa giấu của báu.

Vào ? Là đi vào cung điện nhà vua vậy.

Quá ? Là chân bước qua khỏi ngạch cửa cung.

Ngạch ? Là ranh cửa, nghĩa là miếng ván ngang ở dưới cửa, để trong và ngoài, cái ngạch là ranh chính giữa của cái cửa.

Thế thức phạm tội trong đây là sao ? Vào quá ngạch cửa cung vua, thì phạm tội Đọa. Nếu một chân trong, một chân ở ngoài hoặc móng tâm muốn đi, hoặc hẹn nhau rồi không đi, hoặc vào chỗ Túc tán Tiểu vương, hay là vào nhà Trưởng giả giàu sang, cũng phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là gì ? Vua đã ra rồi, thế nữ về chỗ cũ, chuỗi anh lạc đã cất, hoặc có việc chi gấp, cần phải tâu bạch, hoặc có thỉnh mời, hoặc vì thế lực bắt buộc v.v...

Phụ văn : Phạm vào cung vua có 10 việc tội lỗi:

- 1) Cung nhân có thai, họ bèn nghi cho Tỳ Kheo làm hạnh bất tịnh.
- 2) Trong cung có mất chi, cũng nghi cho thầy Tỳ Kheo.
- 3) Lời nói bí mật hay tiết lộ ra ngoài.
- 4) Thái tử có tổn
- 5) Thân vua có tổn.
- 6) Quan Đại thần rối động.
- 7) Bớt người tướng trong nước.

- 8) Người trong nước khổ hại.
- 9) Các nước hay chinh phạt
- 10) Hay nhóm quân sự.

Các việc như vậy, họ đều nghi cho thầy Tỳ Kheo cả, vì thế mà Phật cấm không cho đến cung điện của vua, để giữ hạnh thanh tịnh của tu sĩ.

Giới thứ tám mươi hai CẤM CẦM VẬT BÁU

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo cầm của báu và vật báu trau dồi. Minh tự cầm hay bảo người cầm, trừ trong Tăng già lam, và chỗ họ ở gửi ngủ nhờ, phạm Ba Dật Đề.*

Nếu Tỳ Kheo ở trong Tăng già lam, hoặc chỗ ngủ nhờ, hoặc của báu và vật báu trau dồi, tự mình cầm, hoặc dạy người khác cầm, phải dấy ý như vậy : Nếu có người chủ hay biết thì nên lấy lại, làm nhân duyên như vậy không có chi khác.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, có ông Cư sĩ, là người đệ tử ngoại đạo, đi đường mệt mỏi, ngừng ngủ nghỉ bên vệ đường, bỏ quên cái túi có đựng 1.000 lượng vàng.

Sau khi đó có chúng Tỳ Kheo đến nơi, thấy đó lượng cầm đi, mong sẽ gặp người chủ trả lại. Khi ấy, Cư sĩ, trực nhớ túi vàng bỏ quên, liền trở lại, các Tỳ Kheo bèn trao trả cái túi lại cho ông kia, ông kia lại phao phẩn rằng thiếu, nên đến tâu cùng vua Ba Tư Nặc. Vua xét biết Cư sĩ kia nói dối, bèn tịch thu hết

gia sản, và túi vàng ông kia mà nhập vào kho nhà quan. Phật nhân nơi đó liền kiết giới cấm.

Khi đó bà Tỳ Xá Khư, vào trong tịnh xá Kỳ Hoàn, mở dây chuỗi anh lạc để dưới gốc cây, đến ra mất Phật. Đức Thế Tôn vì nói pháp cho bà nghe, tâm bà lo nhớ nghĩ đến chính pháp, khi đi về quên lấy dây chuỗi anh lạc. Các Tỳ Kheo bạch Phật, Phật cho ở trong đất Tăng già lam thấy vật chi nên lượm, vì sợ mất nên lấy cất để trả lại.

Lại nữa, chúng Tỳ Kheo đến trong một làng không có chùa, ngủ nhờ trong nhà ông thợ bạc. Ông thợ lãnh vàng, bạc và các vật, để trong nhà rồi đi, các Tỳ Kheo phải ở đó giữ, ban đêm không dám ngủ, đem việc này bạch Phật. Phật cho chỗ ngủ nhờ, có vật nên đừng cho mất, phải thâu cất đó, cho nên đức Phật kiết thêm câu : “Trừ trong đất Tăng già lam và chỗ ngủ nhờ, được cầm cất mà không phạm”.

Báu ? Là 7 món báu.

Vật báu trau dồi ? Nghĩa là đồng, sắt, chì, thiếc, bạch lạp, lấy các vật báu niệm trên áo mão v.v...

Mình cầm ? Là tự tay mình cầm cất.

Dạy người cầm ? Là bảo người khác cầm lấy.

Tăng già lam ? Trung Hoa dịch là : Chúng viên, nghĩa là vườn đất của chúng Tăng ở, cũng nhờ vườn này mà gieo trồng các thứ cây, cũng tức là cái chỗ đệ tử Phật, trồng sống mộng đạo, kết thành trái Thánh vậy, cũng dịch là : Chúng viện.

Chữ viện ? Là thuận theo phương này mà nói, chính là cái tên nhà, cửa, đình, quán, nay nói chung chỗ chúng Tăng ở là cái chùa vậy.

Chùa cũng là cái tên nhà công ở phương này, là cái chỗ ở của vua chư hầu, xưa ở bên nước Tây Thiên Trúc, ngài Ma Đằng, Trúc Pháp Lan hai vị Thánh Tăng mới qua Trung Hoa, quyền ở nơi Hồng Lô Tự.

Sau vua tạo cát thành tịnh xá Bạch Mã, thỉnh chúng Tăng ở đó. Chỗ ở tuy dời đổi, nhưng không quên tên cũ kia, còn nêu cái hiệu chùa, từ ấy đến nay đều xưng là chùa.

Nói tịnh xá ? Là chỗ ở đó chẳng phải người thô xấu mà được ở, chính chỗ đó toàn là người tu luyện ở vậy.

Chỗ ở ngủ nhờ ? Là nhà của người bạch y, đến ngủ nhờ.

Phải dấy tâm như vậy : Nghĩa là ở trong chùa và chỗ ngủ nhờ thấy có báu vật rơi, phải dấy tâm như vậy : Nếu có chủ biết đến nhận lấy đó, thì ta sẽ cho lại, vậy sau mới lấy cất.

Nhân duyên như vậy chẳng phải chi khác ? Nghĩa là trừ hai món khai duyên trước, ngoài ra không có phương tiện khác được cầm như vậy.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Hoặc mình cầm, hoặc dạy người cầm, thì phạm tội Đọa. Hoặc ở trong chùa, trong nhà thấy có vật báu rơi, mình cầm, hoặc dạy người cầm, phải nhớ hình tướng, cái túi đựng bát, hình tướng dây buộc, phải

xem cho rõ ràng cái túi đựng bát, biết mấy đường kết liền, mấy đường chưa kết, mấy cái vuông, mấy cái tròn, mấy cái cũ, mấy cái mới.

Nếu có người tìm xin lại, phải hỏi rằng : Vật của ông giống như cái gì ? Nếu nói hạp nhau thì nên trả, bằng nói không hiệp nhau, phải nói rằng : Tôi không thấy vật như vậy.

Nếu có hai người đồng đến xin, cũng phải hỏi đáp như trên, nếu hỏi hai người đồng đáp giống nhau, nên đem vật để trước nói rằng : đây là vật của các ông đồng cầm lấy đi.

Nếu không làm cái tướng biết như trên, và không coi túi đầy, tất cả đều phạm Ác tác. Cô Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Hoặc lấy để cúng dường tháp, sửa sang Tam Bảo cho chắc chắn, vậy nên lấy cất đó.

Phụ văn : Thập Tụng Luật nói : Lấy cất ngọc châu giả, phạm Ác tác. Hoặc trong nhân gian những chỗ có vàng bạc, vật báu, giường bạc, bát bạc, Tỳ Kheo không nên đi chỗ đó, không nên ngồi, không nên dùng. Nếu vật báu trên trời thì không phạm.

Luật Nhiếp nói : “Nếu khi ở ngoài chùa, thấy vật của người khác, lấy lá cây và cỏ v.v... đập phủ kín, không nên do đó có tâm khinh bỏ. Không chủ đến xin, lấy đem về chỗ ở riêng tay mình cất trải qua bảy tám ngày, không người xin lại, thì thâu để trong kho của chúng Tăng. Đợi năm sáu tháng cũng

không ai xin lại, nên đem ra cúng cho chúng Tăng sắm đồ chắc chắn.

Hoặc sau có người chủ đến xin, nên khuyên đồ người kia bảo cúng cho chúng Tăng, nếu không chịu cúng phải trả lại bằng giá cũ, nếu kia xin lời thêm, nên nói rằng : Do Phật chế giới, nên trả vật đó lại cho ông bằng giá cũ, ông còn xin lời thêm, thì chỗ đó không đúng.

Tăng Kỳ Luật nói : Nếu không người biết, nên đình lại 3 tháng thôi. Nếu lượm được trong vườn đất của chúng Tăng phải để cho bốn phương chúng Tăng dùng.

Nếu có người đến xin, hỏi đáp hiệp nhau, phải nhóm chúng Tăng đem vật ra chỉ rằng : Trường thọ, vật này có phải của ông không ? Nếu ông nói phải thì nên dạy rằng : Ông phải về quy y Phật Pháp Tăng nghe. Nếu đức Thế Tôn không chế giới, thì dù ông còn con mắt cũng không thể thấy được.

Hoặc ông nói : Còn nhiều món nữa, thì nên nói : Trường thọ, tôi được vật này đây thôi, không thấy vật nào nữa; ông là người ác ông chỉ được vật này thôi rồi, đã là quá nhiều, vì sao lại còn phương tiện quấy đòi vật khác để vu oan cho người. Nếu đức Thế Tôn không chế giới, thì vật này ông còn không thể thấy, huống là được vật ư ?

Nếu như vậy người kia cũng còn nói ngược đó, thì Tỳ Kheo phải đem đến chỗ ông Ưu bà tắc nói rằng : Tôi nghĩ chỗ đó, được vật này đem hết trả lại, mà nay tôi mới thấy vu oan !

Bấy giờ người Ưu bà tắc nên mắng rằng : Gã kia, người được vật đấy, đã là quá nhiều rồi, mà nay lại còn đi vu oan Tỳ Kheo. Người phải đi đi, tôi sẽ cùng người làm lời tác đối, để quyết đoán lý sự này.

Nếu là vật báu quý trọng, không người đến xin, đợi đến ba năm như trước tùy theo chỗ được vật, sẽ dùng theo giới đó (*đâu dùng ở đó*).

Thiện Kiến Luật nói : Hoặc trong chùa, lượm được vật quý báu vì muốn tay mình giữ gìn; hoặc khi có việc đi, phải giao phó cho người biết phép, và biết sợ tội, dặn rằng : có người chủ đến xin thì phải trả lại. Nếu lâu quá không có chủ xin được dùng làm nhà cho chúng Tăng. Sau có chủ đến xin, nên dắt chỉ cho coi phòng nhà chúng Tăng và nói vật này của ông đàn việt đây, nếu ông không chịu cho, muốn được vật cũ nên bảo các ông Cư sĩ tín tâm, và rộng giáo hóa để trả lại cho đó (*họ*).

Giới thứ tám mươi ba CẤM PHI THỜI VÀO LÀNG XÓM

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo phi thời vào làng xóm, không dặn với Tỳ Kheo khác, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, ông Bạt Nan Đà phi thời vào làng, đánh cờ với các ông Cư sĩ, Cư sĩ đánh không thắng nên sinh tâm tật đố, bèn nói rằng : Tỳ Kheo gì mà cứ sớm mai vào làng mãi, vì muốn khát thực hay sao mà vào làng phi thời, hay là muốn sự chi. Các Tỳ Kheo nghe vậy, đến bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Phi thời : Là sau giờ ngọ, cho đến mặt trời chưa mọc.

Không dặn Tỳ Kheo khác ? Nghĩa là không nói cho Tỳ Kheo khác biết, nếu có việc tháp, việc chúng Tăng, việc đi thăm bệnh, cho dặn Tỳ Kheo khác rồi đi. Nếu ở phòng riêng phải dặn Tỳ Kheo phòng gần cách dặn như vậy :

Đến chỗ Tỳ Kheo kia có đủ oai nghi, thưa rằng : Thưa Đại đức, một lòng chiếu cố, tôi Tỳ Kheo... phi thời vào làng xóm đến nhà ông... vì việc..., bạch Đại đức hay. (nói 1 lần).

Thế thức phạm tội trong đây là sao ? Tỳ Kheo đi không dặn vừa vào cửa làng thì phạm tội Đọa, một chân trong cửa, một chân ngoài cửa, hoặc muốn đi mà không đi, hoặc hẹn với người khác rồi không đi, cũng phạm Ác tác, bốn chúng kia phạm tội đồng như trước.

Không phạm là gì ? Hoặc do đường đó mà đi qua làng, hoặc có việc đến thưa với làng, hoặc vì đi kêu người khách, hoặc đàn việt thọ thỉnh, và các nạn duyên v.v...

Phụ văn : Thập Tụng Luật nói : Nếu bạch rồi vào làng xóm, khi trở về chỗ cũ cũng phải bạch lại, như trước khi đi, nếu còn đi đến làng khác nữa, thì phạm tội Đọa (vì thưa đi một lần mà đi đến hai lần vậy).

Tăng Kỳ Luật nói : Nếu hai Tỳ Kheo ở nơi A Lan Nhã, muốn đi đâu phải thưa với nhau, hoặc ông đó thưa đi rồi, ông sau có muốn đi phải bạch với Tỳ

Kheo khác, nếu không có Tỳ Kheo khác, phải tưởng như vậy : Nếu đi giữa đường hoặc ra cửa, hoặc đến làng xóm, hoặc đến tịnh xá cô Ni, thấy Tỳ Kheo sẽ bạch. Bạch vậy rồi, sau mới vào làng xóm.

Ma Đắc Lạc Già Luận nói : Nếu không có Tỳ Kheo, thì phải thưa với Tỳ Kheo Ni, cho đến Sa Di Ni.

Luật Nhiếp nói : Nếu không có Tỳ Kheo, dặn với của người thế tục không phạm.

Giới thứ tám mươi bốn CẤM LÀM GIƯỜNG QUÁ CỠ

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo làm giường dây, giường cây, chân cao chừng tám ngón tay đức Như Lai, trừ tra vào cắt mộng rồi, nếu quá cỡ, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước, khi đó ông Ca Lưu Đà Di, dự biết Phật từ con đường này đến, ông bèn lót cái giường cao tốt ở giữa đường mà ngồi. Phật thấy rồi nói với các Tỳ Kheo rằng : Đây là người ngu si, trải cái giường cao rộng lớn, chỉ mình vì mình; Phật quả trách rồi liền kiết giới cấm.

Làm ? Hoặc mình làm, hoặc bảo người làm.

Giường ? Có 5 thứ giường đồng giải như trước.

8 ngón tay của đức Như Lai ? Một ngón tay Phật rộng hai tấc.

Trừ tra vào trên lỗ ? Nghĩa là trừ chân giường cao ngang lỗ mộng, thấp cao cũng trong 8 ngón tay Phật.

Tê rời ? Là cao hơn 8 ngón tay còn phải tề chân bớt, mới sám hối tội.

Nếu quá ? Là cao hơn 8 ngón tay, tức là phạm tội.

Thế thức phạm tội trong đây là gì ? Hoặc mình làm, hay dạy người khác làm xong rồi đều phạm tội Đọa, chưa xong phạm Ác tác, làm giùm người mà thành hay chưa thành, cũng đều phạm Ác tác, bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là gì ? Chừng 8 ngón tay, hay là thiếu 8 ngón hoặc người cúng cho cái giường thành rời, cắt bớt rồi dùng.

Phụ văn : Luật Nhiếp nói : Tám ngón tay Phật ? Cao một cánh chỏ của người bậc trung, đo đúng thước, thì một thước 5 tấc, quá số đó là giường cao quá cỡ, hễ dùng thì phạm tội.

Tát Bà Đa Luận nói : Sở dĩ cái giường này, không kết vào tội Xả đọa ? Dem cắt bớt vậy, cắt cho vừa cỡ, rồi vào trong chúng sám hối, hoặc chỗ đó thấp ướt, lún xuống, cho 8 ngón cả kê chân, quá 8 ngón đều phạm.

Giới thứ tám mươi lăm
CẤM TRỮ BÔNG ĐÀU LA MIÊN
LÀM GIƯỜNG NỆM

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo trữ bông Đậu la miên để làm giường dây, giường cây và nệm lớn, nệm nhỏ, hễ thành thì phạm Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI. : Phật ngự chỗ đồng như trước. Phái Lục quân sắm chừa thứ bông dây để làm giường nệm, các ông Cư sĩ thấy chê cười, ý họ nói mấy tu sĩ không có lòng từ bi vì đoạn mạng của chúng sinh, và làm như thế không khác nào nhà vua, và quan đại thần, Phật vì thế liền kết giới cấm.

Làm ? Minh làm hay dạy người khác làm.

Bông Đâu la miên : Nghĩa là lấy bông cây bạch dương, bông cây bồ đài, bông cây dương liễu, tóm lại mà kêu tên vậy. (*Đâu la miên*)

Trữ ? Là chứa đựng.

Nệm lớn ? Dùng để ngồi nằm.

Nệm nhỏ ? Dùng để ngồi thôi.

Thành ? Nghĩa là khi làm xong rồi, thì phạm tội.

Thế thức phạm tội trong đây là gì ? Hoặc mình làm, hoặc bảo người khác làm, hễ xong thì phạm tội Đọa, làm chưa xong phạm Ác tác. Nếu làm giúp ông khác xong hay chưa xong, đều phạm Ác tác, bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là sao ? Hoặc mình dùng thứ cỏ, hoặc lông bằng bông kiếp bối, những vật hư rách, lấy một miếng để lót vai, hoặc làm gối nhỏ để trên xe.

Phụ văn : Tát Bà Đa Luận nói : Đây là người sang họ sắm, còn người tu hành dùng thì họ lại chê trách vậy, và các loài rận rệp, cũng ưa sinh, vả lại

người tu ngồi trên vật êm ấm, sau gặp tuyết trời lạnh, hay là khi gặp đồ thô cứng chịu không nổi vậy.

Thập Tụng Luật nói : Phải tháo phá bỏ đi, vậy sau mới sám hối, nếu ổng chưa phá, chúng Tăng phải dạy cách cho phá.

Giới thứ tám mươi sáu

CẤM LẤY XƯƠNG, NANH, SỪNG LÀM ỐNG KIM

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo lấy xương, nanh, sừng, ngà làm ống kim, đẽo chuốt xong rồi, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự nơi thành Vương xá, có người thợ tin mến Phật pháp, vì các Tỳ Kheo, lấy xương, nanh, sừng làm ống kim, không dám ngừng nghỉ, do đó mà bỏ phế gia nghiệp phải nghèo thiếu không cơm ăn áo mặc. Người đời chê ông kia, cầu phước mà trở lại mắc họa. Phật nghe liền kiết giới cấm.

Làm ? Hoặc mình làm, hay dạy người khác làm.

Xương ? Là các thứ xương, như xương voi, trâu, ngựa, xương rồng v.v...

Nanh ? Như ngà voi, nanh heo rừng, nanh cá lớn v.v...

Sừng ? Sừng trâu, sừng dê, sừng tây, sừng nai v.v...

Ống kim ? Có hai thứ : Một là hình nó giống như cái ống, hai là hình nó giống như cái hộp. Nếu dùng ba món trước (*xương, nanh, sừng*) để làm hai kiểu này thì mỗi mỗi đều không cho làm.

Đẻo chuốt ? Đẻo : là khoét chính giữa cho trống ruột. Chuốt : là cạo chuốt ở ngoài, đặng cho hình nó sáng bóng.

Xong ? Là khi vừa rồi, liền phạm tội.

Thể thức phạm tội trong đây là sao ? Nặng nhẹ đồng giải như trước, bốn chúng kia phạm tội Ác tác.

Không phạm là gì ? Hoặc dùng sắt, đồng, chì, thiếc, bạch lap, tre, cây, lau, sậy, mía và cỏ dùng làm ống kim, hoặc dùng thiếc bít đầu gậy chuốt khoét làm tầng lọng, làm cái đầu đầu phiếu, làm cái móc chốt, hoặc làm dao cạo mô hôi, làm cái cán như ý, làm cái khuyết, cái móc, cái muông, cái cán gáo, cái câu móc y, cái bàn xức thuốc con mắt, làm dao cạo lưỡi, chẻ làm cây xỉ răng, làm móc tai, cái thiên trấn, cái ống xông lỗ mũi.

Phụ văn: Thập Tụng Luật nói: Nên đập bỏ rồi sám hối tội, nếu chưa đập, chúng Tăng dạy bảo cho đập.

Tát Bà Đa Luận nói: Vì đó là vật nhỏ, sở dĩ không kể vào số 30 việc (*giới*) mà lại nên phá, nếu trả lại cho người chủ, người chủ không dám lãnh. Nếu cho ông khác thì ông kia sinh nã, còn đem cho chúng Tăng thì sai phép, vậy hủy bỏ thôi.

Luật Nhiếp nói: Sắm ống kim phải cất giấu cho kín, hoặc sợ Tỳ Kheo không biết hở thẹn, và ông Sa Di mượn không nên cho, nếu khéo ái hộ thì nên cho, ống kim và dao cạo, sợ bằng sắt nó hay sinh sét, phải thoa dầu lấy bố quấn lại (*nghĩa là đốt thứ sáp vàng trét trên miếng bố trắng*).

Giới thứ tám mươi bảy CẤM LÀM TỌA CỤ QUÁ CỠ

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo làm tọa cụ phải đúng cỡ, đúng cỡ trong đây là bề dài hai gang tay Phật, bề ngang một gang rưỡi, muốn rộng thêm mỗi bên nửa gang nữa, nếu cắt rồi mà còn quá cỡ, phạm Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự nơi vườn ông Cấp Cô Độc, khi Phật đi xét phòng chúng Tăng, thấy ngọ cụ của chúng Tăng dấy đồ bất tịnh, mới dạy chúng Tăng làm đậy để che thân, che y, che ngọ cụ và làm tọa cụ. Phái Lục quần bèn làm tọa cụ rộng lớn. Phật nhân đó liền kiết giới cấm.

Khi đó ông Ca Lưu Đà Di, thân của ông rất lớn, cái tọa cụ thì nhỏ, không thể dung chứa được, lấy tay kéo chần mãi, muốn cho lớn ra. Phật thấy vậy, mới cho thêm mỗi bên nửa gang nữa.

Gang tay ? Có chỗ nói : Một gang tay của Phật dài hai thước, có chỗ nói : hai thước bốn tấc, đậy chính là tùy xứ tùy thời, thước thì có lớn nhỏ không nhất định, nay độ lấy chắc bậc trung.

Như trong Căn Bản bộ nói : Một gang tay của Phật, sánh cỡ 3 gang tay người bậc trung. Một gang tay người bậc trung thước lớn ước có 6 tấc.

Làm ? Minh làm hay dạy người làm.

Tọa cụ ? Tức là : “Ni sư đàn” vậy, nghĩa là khi có ngòai nằm trải trên các ngọa cụ. Tùy ngòai tùy nằm khỏi phải lấm như thân và y. Đời nay đem trải trên đất lể bái, rất trái với pháp xưa, thật là lấm đến thế, chẳng phải mới ngày nay.

Phải làm đúng cỡ ? Là làm đúng cỡ Phật dạy.

Cỡ trong đây ? Chính là cỡ Phật chế ra sau đây.

Dài hai gang tay Phật ? Sánh với người trung 6 gang tay vậy.

Bề ngang một gang rưỡi ? Sánh người bậc trung 4 gang tay, lại thêm 6 ngón nữa.

Muốn thêm cho rộng mỗi bề nửa gang nữa ? Nghĩa là trong đây bề dài bề ngang, thêm một phía, người bậc trung một gang 6 ngón vậy.

Tóm lại bề dài 4 thước 5 tấc, bề ngang 3 thước 6 tấc vậy.

Nếu cắt rồi còn quá ? Nghĩa là không y cỡ mà làm, phải cắt cho đúng cỡ, tội phải sám hối vậy.

Thế thức phạm tội ? Nếu bề dài quá cỡ, bề ngang không quá, nếu bề ngang quá cỡ, bề dài không quá, hoặc bề dài bề ngang đều quá hết bề thành rồi thì phạm tội Đọa, chưa thành phạm Ác

tác, làm cho người khác thành hay không thành đều phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm Ác tác.

Không phạm là ? Thiếu cỡ, hoặc người khác làm xong cúng cho mình thì nên cắt đứt cho đúng cỡ, hoặc xếp lại may hai lớp.

Phụ văn : Xét trong Căn bản và Thập Tụng, đều cho bề dài thêm một gang, bề ngang không nói. Trong Ngũ Phần Luật cho nối bốn phía một gang, nghĩa là cắt làm ba phần, nối bề dài hai phần, còn lại một phần, cắt ra làm 4, niêm 4 góc, như không niêm thì thôi.

Ngài Nghĩa Tịnh Tam Tạng nói : Bốn ý Phật chế tọa cụ vốn vì thay thế cho ngoại cụ, sợ có chỗ tổn hại cho mình, chớ không tính dùng chi khác, song Phật cho làm cỡ lớn, cho bằng thân mình, cho trên đành có dư một gang.

Nhưng chính nơi đây là cho cái ngoại cụ tương đương với thân mình, nếu thân kia cỡ nhỏ, không nên thế cái ngoại cụ, đời bây giờ trải cái tọa cụ mà lễ bái.

Bên Ngũ thiên Ấn Độ đều không thấy làm, họ sắm cái ngoại cụ chỉ để lót nằm ngủ (*cũng như chiếc chiếu*) nếu dùng vật của người khác, mới hay cũ đều phải để thế, như vật của mình cũ thì không dùng, chớ cho dấy nhớ, mà hao tổn của tín thí, không phải vật để lễ bái.

Thập Tụng Luật nói : Mới thì làm ba lớp, cũ thì làm bốn lớp, không nên dùng một cái tọa cụ,

phải sắm thêm cái ngọ cụ nữa, trước thọ rồi thì không nên xả.

Căn Bản bộ nói : Phàm làm tọa cụ, nên làm hai lớp, nhuộm cho hoại sắc, khổ vải cắt làm ba phần, ở dưới một phần nên cắt đoạn làm hai, cho may lá giống như lá ba y, bốn phía đặt viên.

Khi đó các Tỳ Kheo đi quện đem tọa cụ theo, tới ngủ chỗ khác nhớ lại sợ phạm tội ly y. Phật nói : Ta chế Tỳ Kheo không nên lia ba y mà ngủ, chớ chẳng phải nói về tọa cụ, song mà các Tỳ Kheo không nên cố tâm không đem theo, quên thì không phạm. Lại nữa, thầy Tỳ Kheo không nên sắm tọa cụ, vội đi ra ngoài, trái đó thì phạm tội Diệt Tỳ Ni.

Nếu trong ý kia, tính đi trở về liền, gặp có nhân duyên khác về không kịp phải ở lại chỗ kia mà ngủ, chớ không phải cố ý đi đêm, phải đối với người đồng phạm hạnh, mượn thế cho đủ việc, nếu có thì tốt, như kia không có, thì lấy cái y bảy điều xếp làm 4 lớp, đem thế chiếu mền, ngủ ít thức nhiều, chớ cho sáng sẽ về.

Lặc Già Luận nói : Nếu lia cái tọa cụ mà ngủ cách đêm, thì không cần xả, nhưng phải sám hối tội Đột Kiết La.

Có chỗ dịch rằng : Phép đã sai lâu rồi, chẳng phải một ngày một buổi mà có thể đem lại được. Thoảng trong tông lâm, chưa khởi không theo chúng được, cần yếu phải biết sai với bốn ý Phật chế, phải biết tâm quý mà dùng, lấy tâm tưởng kính trọng, dùng như Pháp y của đức Như Lai, ngộ hầu mới khởi

cái lỗi trái lời Phật dạy, nếu khi bình thời, phải y bốn chế.

Nguyên lễ bái, là ý nghĩa thấp mình để kính người, không nên trái vật để đỡ thân, mà trọng mình vậy.

Trong Luật và Luận đều có dạy thọ trì, nhưng thiếu pháp thọ, căn cứ theo trong bản Yết Ma cũng có văn kia, phải đủ oai nghi đối với một Tỳ Kheo mà thưa rằng :

Thưa Đại đức một lòng thương tưởng, tôi Tỳ Kheo... cái tọa cụ này làm đúng cỡ, nay tôi xin thọ trì (nói ba lần). Nếu có duyên xả phải thưa rằng :

Thưa Đại đức một lòng thương tưởng, tôi Tỳ Kheo... cái tọa cụ này, trước tôi thọ trì nay xin xả (nói một lần).

Giới thứ tám mươi tám CẤM LÀM Y CHE GHẺ QUÁ CỠ

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo làm y che gẻ, phải làm đúng cỡ, đúng cỡ trong đây là, bề dài bốn gang tay Phật, bề ngang hai gang tay Phật, cắt rồi mà còn quá, phạm Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước, khi ấy các Tỳ Kheo đau các thứ gẻ, máu mủ như thân, y và ngọa cụ, Phật cho sắm y che gẻ, nhiều thứ lông thô, cứng dính gẻ, gỡ đau nhức khó chịu, Phật cho dùng y (tắm vải) nhuộm mềm che trên gẻ, vậy sau mới mặc áo chần. Nếu có đến nhà bạch y mời ngồi, phải nói rằng : Tôi có bệnh. Nếu người chủ

nói: Ngài cứ ngồi, phải lót cái chăn trước, rồi lấy y che ghế mà ngồi. Khi đó bọn Lục quần bèn làm nhiều y che ghế rộng lớn, Phật vì thế liền kết giới cấm.

Y che ghế ? Là có nhiều thứ bệnh ghế, phải có y để che thân.

Bê dài 4 gang tay Phật ? Sánh với người bậc trung 12 gang.

Bê ngang 2 gang ? Sánh với người bậc trung 6 gang tay.

Trong đây có phạm, không phạm, và bao nhiêu tử chúng phạm tội, đều đồng như giới trước.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : Y che ghế đây là cái y tùy thân, không nên thay thế ba y, và làm tịnh thí, nhẫn đến tạp dùng. Khi ghế hết rồi được làm ba y và tịnh thí hay là dùng các việc khác đều được cả.

Thập Tụng Luật nói : Đến khi ghế lành, sau 10 ngày, nếu chưa quá số ngày ấy, phạm tội Đọa. Phải cắt đoạn rồi sám hối. Nếu chưa cắt thì chúng Tăng phải dạy cắt.

Xét trong Căn Bản bộ : Cho làm phép thọ trì, đã thọ trì rồi thì khỏi cái lỗi dư y. Nên thọ trì như vậy : Thừa Đại đức một lòng thương tưởng, tôi Tỷ Kheo... cái y che ghế này làm đúng cỡ, nay tôi xin thọ trì (nói ba lần). Ông kia phải trả lời rằng : Phải làm như vậy.

Trả lời theo tiếng Phạm : Áo Ty ca. Dịch là: Phải, cũng nói là : Tốt, cũng là cái nghĩa phương tiện. Do đây mà Thánh giáo, làm phương tiện lành hay thẳng tới quả Niết bàn đến chỗ yên ổn. Ông

làm phép thọ phải đáp rằng : Ta độ, dịch là Tốt, và cũng nói : Tốt thay.

Phàm khi làm phép xong, và tùy theo ngày bạch việc, cũng đáp trả như vậy. Nếu không nói như thế, phạm tội Diệt Tỳ Ni. Nếu muốn xả thì phải đổi lại văn thọ, nên biết.

Giới thứ tám mươi chín CẤM LÀM Y TẮM MƯA QUÁ CỠ

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo làm y tắm mưa, phải làm đúng cỡ, đúng cỡ trong đây bề dài sáu gang tay Phật, bề ngang hai gang rưỡi, cắt rồi mà quá, phạm Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Phái Lục quân nghe Phật cho các Tỳ Kheo làm y tắm mưa. Mấy ống bèn làm nhiều y tắm mưa rộng lớn, vì thế Phật liền kiết giới cấm.

Y tắm mưa ? Nghĩa là : Khi mưa lớn, mặc áo này tắm rửa (tức là choàng tắm), có nhiều nghĩa đồng giải như giới trước.

Trong đây có phạm, không phạm và bao nhiêu tử chúng phạm tội đồng như giới trước, nên biết. Tỳ Kheo Ni không có y tắm mưa, Phật cho sắm y tắm, nếu làm quá cỡ, cũng phạm.

Giới thứ chín mươi CẤM LÀM BẰNG CỠ Y PHẬT

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo làm bằng cỡ y Như Lai hoặc làm quá cỡ y thường, phạm Ba Dật Đề. Cỡ y

của Như Lai đây, bề dài 10 gang tay Phật, bề ngang 6 gang tay, đó là cỡ y của Như Lai.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Thích Thị, trong vườn Ni Câu Loại. Y của Tôn giả Nan Đà ngắn hơn y của Phật 4 ngón tay. Các Tỳ Kheo ở xa tưởng là Phật đến, bèn đứng dậy ra nghinh tiếp. Đến gần mới biết là ông Nan Đà, hai bên đều mặc cỡ hết. Phật bèn dạy ông Nan Đà mặc y màu đen để cho khác (*Nghĩa là dùng thứ bùn đen nhuộm cho hoại sắc*).

Khi đó bọn Lục quần làm y bằng cỡ y của Như Lai hoặc dài quá cỡ y thường, các Tỳ Kheo bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Như Lai ? Là đầu trong 10 hiệu Phật, 10 hiệu như trong kinh có giải, nghĩa là : Như chư Phật đời quá khứ, hành sáu pháp Ba La Mật, chứng được các pháp Như tướng, mà đi đến đường Phật. Chư Phật đời hiện tại, cũng do con đường đó mà đến vậy, chư Phật đời vị lai cũng như vậy, nên gọi là Như Lai.

Nếu ước về ba thân mà giải, như trong kinh Kim Cang nói : Cũng không từ đâu mà đến, cũng không đi về đâu, nên gọi là Như Lai, đây là ước theo pháp thân mà giải.

Trong Chuyển Pháp Luân Luận nói : Đệ nhất nghĩa đế là Như, Chính giác là Lai, đây là ước theo báo thân mà giải.

Thành Thật Luận nói : Nương con đường như thật, đến thành chính giác, nên gọi là Như Lai, đây

là ước theo ứng thân mà giải, rộng giải như các chỗ khác...

Bề dài 10 gang tay Phật ? Sánh người thường 15 cánh chỗ.

Bề ngang 6 gang ? Sánh người thường 9 cánh chỗ (*cánh chỗ người thường một thước hai tấc*).

Còn các nghĩa khác nữa, có phạm, không phạm, tứ chúng phạm tội, đồng giải như trước.

Thập tụng Luật nói : Nên cắt bớt rồi, sám hối tội. Nếu chưa cắt chúng Tăng phải dạy cho cắt.

c/ KẾT HỎI

CHÍNH VĂN : *Thưa Đại đức, tôi đã nói 90 pháp Ba Dật Đề. Nay xin hỏi chư Đại đức trong đây thanh tịnh không ?... Thưa chư Đại đức, trong đây thanh tịnh, vì lắng lắng, thì việc này như vậy suốt biết.*

CHÚ GIẢI : Văn kết trong đây, nghĩa đồng như giới trước. Ở trước đã giải tương tội trong mỗi giới riêng khác, nay sẽ tóm nội rõ về pháp sám hối. Tội Đọa trong đây, đại khái đồng có 30 việc trước (*30 giới trước vậy*).

Chỉ khác hơn là không có xả của. Khi sám hối, được ở riêng chúng phát lồ, nếu muốn sám trừ Bốn tội, phải trước sám tội Phú tàng, phẩm số nhiều ít lệ theo giới trước nên biết.

Nếu sám Bốn tội, phải thỉnh ông sám chủ. Pháp thỉnh cũng như trước.

Thỉnh rồi phải đối với sám chủ, làm lời sám như vậy : Thấy Đại đức một lòng thương tưởng, tôi Tỳ Kheo... cố nói vọng (*bao nhiêu, tùy loại gì, tên gì, việc gì mỗi mỗi xưng đó*) phạm... (*nhiều ít cứ số mà nói, nếu không nhớ số thì nói rất nhiều, đúng sự thật mà nói, không nên lầm dối*) tội Ba Dật Đề. Nay đối trước Đại đức, cầu xin sám hối, không dám che giấu. Sám hối thì được an vui, không sám hối thì không được an vui, nhớ nghĩ mình có phạm thì nên phát lồ, biết mà không che giấu. Xin Đại đức, nhớ tôi thanh tịnh giới thân.cụ túc, thanh tịnh Bồ tát.

(Nói ba lần rồi, ông chủ sám phải nói rằng : Tự trách lấy tâm ông, phải sinh lòng nhàm chán. Ông sám hối phải đáp : Dạ.)

6. NÓI VỀ PHÁP SÁM HỐI (chia làm ba)

- a/ Nêu chung
- b/ Chia riêng
- c/ Kết hồi

a/ NÊU CHUNG

CHÍNH VĂN : Thừa chú Đại đức, đây là bốn pháp Ba La Đề Đề Xá Ni, mỗi nửa tháng tụng, trong giới kinh rút ra.

CHÚ GIẢI : Trong bốn pháp này đều do sự ăn vậy, nuôi lớn lòng tham, mất lòng tin kính của thí chủ, nên Phật cấm.

Ba La Đề Đề Xá Ni ? Không chính giải do theo nghĩa mà dịch là tới kia ăn năn sám hối. Song, tất cả tội đều phải tới chúng Tăng mà phát lồ sám hối.

Vì sao trong đây riêng gọi tới ông kia mà sám hối ? Vì tội này nếu phạm, thì phải đến ông kia mà phát lồ sám hối, và cầu ông kia quả trách giùm, cho nên gọi : độc thọ sám hối.

Căn bản và Luật Nhiếp nói : Ở trong đó hiện có một thầy Tỳ Kheo, đều phải mỗi mỗi đối với ông mà tỏ bày, không giống với tội khác, nên thọ tên riêng (*biệt thọ*). Lại nữa, phạm tội này rồi, tức phải phát lồ không được đình lại bữa khác, vì nó không đồng với các tội kia.

Xét trong Tăng Kỳ, trong Thập Tụng và trong Căn Bản bộ : Đều dạy trước một người làm, nói ăn năn một lần tức là dứt tội.

b/ CHIA RIÊNG

Giới thứ nhất

CẤM THỌ CƠM CỦA CÔ NI KHÔNG BÀ CON

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo vào trong làng, tới cô Tỳ Kheo Ni không bà con không bệnh tay mình thọ cơm mà ăn, Tỳ Kheo đó phải tới Tỳ Kheo khác, phát lồ ăn năn rằng : Thưa Đại đức, tôi phạm tội đáng quả, việc không nên làm, tôi nay tới Đại đức xin phát lồ, đó gọi là phép Hối quá.

CHÚ GIẢI : Phạt ngữ tại nước Xá Vệ, khi đó nhằm thời đại lúa dất, đi khát thực khó được. Cô Tỳ Kheo Ni Liên Hoa Sắc, ngày ban đầu khát được cơm, đem cho thầy Tỳ Kheo. ngày thứ hai, thứ ba cũng đem cho như vậy. Rồi lại cầm bát vào thành nữa,

gặp xe ông Trưởng giả đi yết kiến vua. Cô bèn tránh bên lề trượt ngã xuống bùn, mình mẩy bùn đất không, ông Trưởng giả thương xót, sai người đỡ đem lên. Hỏi ra mới biết duyên cớ ấy. Bèn phiên trách thầy Tỳ Kheo không biết nghĩa nhường (*lễ nghĩa khiêm nhường*) bèn thỉnh cô Ni về nhà tắm rửa giặt y rồi dùng cơm. Các Tỳ Kheo đem việc này bạch Phật. Phật liền kết giới cấm.

Vào trong làng ? Là đi vào trong làng xóm, mà lãnh cơm của cô Ni thì phạm, ngoài làng xóm thì không phạm vậy.

Không bà con ? Là nếu thật bà con, thì xét biết coi có hay không rồi mới tới lãnh cơm nên không phạm.

Tỳ Kheo Ni ? Là người đã từng đối với hai bộ Tăng mà thọ giới cụ túc vậy.

Không bệnh ? Là thân không đau đớn.

Tay mình lãnh ? Hoặc tay hoặc bát kê tới người kia mà lãnh cơm. Nếu để dưới đất cho, hoặc sai người đem cho đều không phạm.

Ăn ? Có hai cách : Một là ăn món chính, hai là ăn món phụ, lại nữa ăn là nhai nuốt vào cổ.

Tỳ Kheo đó ? Là người phạm tội lỗi.

Các Tỳ Kheo kia ? Là chỉ các Tỳ Kheo thanh tịnh.

Phát lồ ? Nghĩa là nói danh tội, chứng tội, tướng tội của mình đã phạm mà sám hối.

Pháp đáng quở ? Là ông kia làm việc đáng quở, việc đó Phật cấm, mà đã trái lời Phật chế, thật đáng quở trách.

Chỗ không nên làm ? Là không phải việc Tỳ Kheo nên làm.

Nay tới Đại đức ăn năn ? Đó là ông kia rửa tội chỗ phạm vậy.

Pháp đây gọi là pháp Hối quá ? Nghĩa là ông kia bị phạm do thọ cơm trong xóm làng, nên ăn năn hối hận.

Thế thức phạm tội ? Nếu không bệnh mà tay mình lãnh cơm như vậy, nếu ăn mỗi miếng, phạm mỗi tội Ba La Đề Đề Xá Ni. Bốn chúng kia phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Hoặc ở trong chùa chúng Tăng cho, hoặc ở trong chùa cô Ni cho.

Giới thứ hai

CẤM NHỜ CÔ NI CHỈ DẠY CHO CƠM

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo đến nhà bạch y, trong khi ăn, trong đó nhờ cô Tỳ Kheo Ni chỉ dạy, cho ông này cơm, cho ông kia canh. Tỳ Kheo phải nói với Tỳ Kheo Ni đó rằng : *Này chị cả, hãy thôi đi, phải đợi cho Tỳ Kheo ăn rồi. Nếu không có một Tỳ Kheo nào nói với Tỳ Kheo Ni như vậy (chị cả, thôi để đợi Tỳ Kheo ăn rồi). Thì Tỳ Kheo ấy phát lồ rằng : Thừa Đại đức, tôi phạm tội đáng quở, chỗ không nên làm, tôi nay tới Đại đức xin phát lồ, đó gọi là phép Hối quá.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Các Tỳ Kheo cùng bọn Lục quần ăn cơm ở nhà người bạch y. Khi phái Lục quần Ni vì bọn Lục quần Tăng, xin cho cơm, canh nói rằng : cho ông này canh, cho ông kia cơm, mà lại bỏ chặng giữa không bảo cho, chính vì cho sai thứ lớp, khiến các Tỳ Kheo ngồi chặng giữa không được ăn, Phật vì đó liền kiết giới cấm.

Chỉ bảo ? Là chỉ dạy thí chủ cách thức cúng dường chúng Tăng.

Cho ? Nghĩa là cho không đồng.

Canh cơm ? Rõ chẳng phải đồ ăn thô khác.

Thôi đi ? Đó là buông lời quở ngăn, ngăn cô kia đình lại, đợi cho các Tỳ Kheo ăn rồi vậy.

Không có một Tỳ Kheo nào ? Nghĩa là trong chúng ăn đó, cho đến không có một vị nào ngăn cô Ni kia, thì Tỳ Kheo được đồ ăn ấy, phạm Bốn tội.

Phải tới các Đại đức mà ăn năn ? Nghĩa là Tỳ Kheo được đồ ăn, phải đối trước chúng Tăng hiện tiền phát lồ tội kia. Giới này không đồng với ba giới kia, ba giới kia đối với một thầy phát lồ, liền được dứt tội.

Thế thức phạm tội ? Nếu không có một thầy Tỳ Kheo nào nói : Chị cả hãy thôi đi, để ngăn trách đó, mà cứ ăn, ăn mỗi miếng, phạm tội Ba La Đề Đề Xá Ni, bốn chúng kia phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Hoặc cô Ni là thí chủ, hoặc người thí chủ mượn cô Ni bưng phần này, hoặc cô Ni không cố cho riêng.

Phụ vấn : Xét trong Căn bản và trong Tăng Kỳ : Nếu trong đó mà không có một Tỳ Kheo nào quở, thôi đi, thì tất cả Tỳ Kheo ăn đó đồng phạm tội hết, nhưng trong Tăng Kỳ : chỉ có cho tới một ông mà phát lồ.

Ngũ Phần Luật nói : Nếu hai chúng nữ kia, bảo thí chủ đem thêm đồ ăn cho Tỳ Kheo, mà Tỳ Kheo không nói, cũng phạm Ác tác, nếu Tỳ Kheo dạy thêm đồ ăn cho Tỳ Kheo không được bình đẳng, mà ăn đó cũng phạm Ác tác.

Giới thứ ba

CẤM TỚI NHÀ NGƯỜI HỌC GIA MÀ THỌ CƠM

CHÍNH VĂN : Nếu trước đã làm phép Yết Ma cho học gia rồi. Nếu Tỳ Kheo đối với người học gia như vậy, họ trước không mời không bệnh mà tay mình thọ cơm ăn, Tỳ Kheo đó phải tới Tỳ Kheo kia mà phát lồ rằng : Thưa Đại đức, tôi phạm tội đáng quở, việc không nên làm, tôi nay đến Đại đức phát lồ ăn năn, đó gọi là phép Hồi quá.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại thành Vương Xá, có nhà Cư sĩ vợ chồng đều tin mến Phật pháp, song phép thường đệ tử rõ được cái kiến đế (thấy chân lý) của chư Phật, thì họ đối với các Tỳ Kheo nhẫn đến thân thịt cũng không luyến tiếc, thường dâng cúng dường luôn, bèn rũi nghèo khổ, cơm ăn áo mặc không đủ, xóm giềng chê cười. Phật dạy chúng

Tăng, bạch nhị Yết Ma cho nhà học gia, rồi Phật liền kết giới này.

Học gia ? Học nghĩa là người chứng được quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, hoặc lậu (*vọng hoặc hữu lậu*) chưa hết, còn phải học cho dứt, nên gọi là học gia, nghĩa là các nhà trong bốn họ, chỉ người học này, còn ở tại nhà, nên gọi là học gia.

Nếu chứng quả A La Hán, các hữu lậu đã hết, việc làm đã xong, gọi là vô học.

Yết Ma ? Nghĩa là vợ chồng ông kia, đều chứng quả thánh, đối với ngôi Tam Bảo không còn sên tiếc, thí cho đến đổi việc nhà nghèo thiếu, chúng Tăng mời vì hai vợ chồng Cư sĩ, làm phép ngăn hộ, không cho các Tỳ Kheo đến nhà kia mà lãnh đồ ăn uống nữa.

Học gia như vậy ? Là chúng Tăng đã làm phép Yết Ma học gia cho vợ chồng ông kia rồi.

Trước không mời ? Nghĩa là tuy cho làm phép Yết Ma, nhưng mà có thọ thỉnh thì không phạm.

Không bệnh ? Nếu có bệnh thì không phạm.

Thế thức phạm tội ? Hoặc trước vợ chồng ông Cư sĩ không thỉnh và Tỳ Kheo không bệnh, mà đối với ông học gia như vậy, tay mình lãnh đồ ăn uống, nếu ăn mỗi miếng phạm Ba La Đề Đề Xá Ni, bốn chúng kia phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Hoặc để dưới đất cho, hoặc tới người thọ lãnh, nếu sau vợ chồng ông kia,

của cải vô nhiều, vợ chồng Cư sĩ tới chúng Tăng, xin giải phép Yết Ma học gia, chúng Tăng phải bạch nhị Yết Ma mà giải rồi cho tới nhà kia lãnh cơm mà ăn, thì không phạm.

Phụ văn : Ngũ Phần Luật nói : Hoặc vợ chứng quả thánh, chồng chưa chứng, hoặc chồng chứng quả thánh, vợ chưa chứng, đều không nên cho làm phép Yết Ma. Nếu hai ông bà đều chứng quả thánh hết, không còn tham lam bốn sển, mới nên làm phép Yết Ma cho hai ông bà học gia.

Nếu chúng Tăng có ruộng vườn, nên cho đó coi sóc, khiến xài dùng mỗi ngày đủ thôi, còn dư phải đem cúng Tam Bảo, nếu chúng Tăng không có ruộng vườn, thì trong tăng phường (chùa) muốn cúng dường chi khác, thì bảo ông kia làm, hễ được bao nhiêu, tùy tính tiền công bấy nhiêu.

Hoặc nữa, không có việc chi, khát thực được rồi, phải tới nhà học gia kia mà ăn, cơm còn dư đem cho họ, nếu không làm như vậy, phải đem họ đến trong đất chùa, cấp cho họ phòng nhà cơm áo. Còn vợ của học gia kia, thì Tỳ Kheo Ni phải cấp hộ như vậy.

Giới thứ tư

CẤM CHỖ CÓ NGHI SỢ THỌ CƠM ĂN

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo ở chỗ vắng vẻ xa xôi, chỗ có nghi sợ, nếu Tỳ Kheo ở chỗ như vậy, trước không nói cho thí chủ hay, hoặc ngoài đất già lam, không thọ đồ ăn, trong đất già lam không bệnh, tay mình thọ cơm ăn phải tới các Tỳ Kheo kia phát lồ :

Thưa Đại đức, tôi phạm tội đáng qở, việc không nên làm, tôi nay đối với Đại đức ăn năn, đó gọi là phép Hối quá.

CHÚ GIẢI : Phật ngự nơi vườn Ni Câu Loại. Bấy giờ trong thành Xá Di, các phụ nữ đem đồ ăn uống, đến trong chùa cúng dường, đi đường bị giặc khuấy phá, các Tỳ Kheo bạch Phật. Phật nói : Từ nay sắp đi các Tỳ Kheo phải nói với các phụ nữ đừng đi, vì con đường đó có giặc ghê sợ. Nếu ra khỏi thành bảo đừng đến chùa, vì con đường này có giặc đáng ghê sợ. Phật nhân đó liền kết giới cấm.

Chỗ vắng vẻ ? Và có nghi sợ ? Đồng giải như trong giới trước “Xả đọa”.

Đàn việt ? Đàn : là tiếng Phạm, Trung Hoa dịch là : Xả việt. Là lời nói ở phương này, nghĩa là người kia hay phá cái tâm tham lam tật đố làm việc bố thí, nên hay vượt khỏi biển bản cùng, kiếp sau được giàu sang còn thêm tư lương phước đức. Cũng nói Đàn na, nói cho đủ là : Đà na bát đế, phương đây dịch là : Thí chủ vậy.

Tăng già lam ? Nghĩa ở trong chùa, không bệnh tay mình thọ cơm ăn, thì phạm Bốn tội.

Ba giới trước không nói với thí chủ hay, lãnh cơm nhà trong làng mà bị lỗi. Giới này nhân không bệnh lãnh cơm ở trong chùa mà phạm tội.

Thế thức phạm tội trong đây ? Như giới trước đã nói, nên biết.

Không phạm là gì ? Ông kia không phạm là trước có nói thí chủ hay, hoặc có bệnh, hoặc để dưới đất cho, hoặc dạy người cho.

Xét trong Căn Bản và trong Thập Tụng : Đều cho bạch nhị Yết Ma, sai một thầy Tỳ Kheo vì người đi đường hiểm, mà xem xét coi chừng.

Nhân đây nói rõ về pháp ở chỗ vắng vẻ : Tỳ Kheo ở chỗ vắng vẻ khi vào trong làng khất thực, sớm mai phải rửa tay cho sạch, lấy y giăng ra xem, thứ lớp mà đắp, xếp cái y đại đắp trên vai, rửa bát cho sạch để trong cái túi ràng lại, lấy giày hay guốc mang, cầm gậy quơ mù sương, cầm chìa khóa ra phòng, đóng cửa bốp khóa xô coi chắc không, nếu không chắc, thì thêm cây gài cửa, phải xem ngó bốn phía, nếu không ai nên giấu cất chìa khóa, nếu có người thấy, nên giấu lại chỗ khác, hoặc đem theo mình.

Bước ra đường phải thường suy nghĩ pháp lành, nếu gặp người, trước phải thưa rằng : Thiện lai (lành đến). Hoặc muốn vào làng, để bát xuống, mặc y đại vô, lột guốc và tích trượng gửi trong quán bên làng (có chỗ nói : *cầm tích trượng theo để rung và ngừa chó dữ*).

Khi vào trong làng, xem tướng ngõ đường, hoặc chỗ trống không tướng phải nhớ tướng chợ, tướng cửa, tướng đồng rác, khi vào nhà bạch y, phải xem tướng cửa thứ nhất, cho đến cửa thứ bảy, muốn sửa y cho ngay phải tới vách tường mà sửa.

Tay bên hữu cầm tích trượng, tay bên tả cầm bát, không nên đứng giữa đường, hoặc đứng chỗ khuất, không nên rước lấy cơm, nếu mời thì nên qua lấy, nếu được cơm khô, hay cơm sốt v.v... không nên đổ chung, hoặc một bát phải lấy vật ngăn, không nên lựa khát nhà giàu, không nên gắng khát cho được, nếu biết sẽ được nên đợi.

Khi khát rồi đi ra, phải coi tướng cửa, cho đến tướng đồng rác. Ra khỏi làng lại lấy gậy và guốc, để bát dưới đất, xếp y đại lại đắp lên vai, khi đi hàng suy nghĩ pháp lành, về đến chỗ ăn thường quét rười cho sạch, lấy nước rửa bát, lấy bát đựng cơm dư, lót giường ngồi, lót tấm đá rửa chân, bình nước, khăn lau chân.

Nếu thấy Tỳ Kheo ở A Lan Nhã (nơi vắng vẻ) đến, phải đứng dậy ra rước, tiếp bát và y, mời ngồi, dâng bình nước, rửa chân cùng các vật, ông kia nếu rửa rồi, các vật để lại chỗ cũ, nên dùng nước tháo đậu, rửa tay cho sạch sẽ, phải lấy thổ sạch riêng để cơm dư.

Nếu có kẻ cướp đến, phải cho, kẻ đó trao nước và cơm cho Tỳ Kheo ở A Lan Nhã kia, khi kia ăn phải đứng cung cấp các món cần dùng. Nếu giờ ngộ muốn qua, phải đồng ăn một lượt, ăn rồi phải lấy bát, trao cho nước rửa, nếu có cơm dư, nên cho người hoặc cho phi nhân, phải để chỗ đất không cỏ, hay là để trong nước không trùng, phải rửa bát để lại chỗ cũ, quét chỗ ăn cho sạch.

Nếu có ăn cướp đến phải nói rằng : đây là nước, đây là đồ rửa chân, đây là cơm cho mấy ông vậy, riêng để chỗ sạch sẽ, nếu họ muốn ăn thì ăn.

Phải biết các thời tiết ban đêm cho rành rẽ, phải biết phương hướng bốn góc trời, hiểu biết sao đó tên gì, không nên trái ngọ cụ tốt nằm ngủ cho êm, phải đầu hôm và khuya, tham thiền quán tưởng, Tỳ Kheo ở A Lan Nhã, thì phải tùy thuận theo pháp A Lan Nhã, nếu không tùy thuận thì mỗi mỗi phạm tội.

Phụ văn : Luật Nhiếp nói : Người trí huệ được ở chỗ A Lan Nhã, dầu không đa văn, nhưng rành rẽ về giới tướng thì được ở, phải biết ở chỗ đất có địa phương, địa thế, phương hướng đều phải con đường đi, qua lại dễ dàng, tùy sức cung cấp, bún khô và cơm nước, xét theo thời mà chữa trị.

Nếu thấy khách đến, phải thưa trước rằng : Thiện lai Đại đức mới đến, rồi mình cười không nên tỏ vẻ buồn, nếu người nữ đến, tùy tuổi tác người kia dấy tưởng như mẹ, hay chị, em vậy.

Thập Tụng Luật nói : Tỳ Kheo ở A Lan Nhã, phải chứa lửa, hoặc cây cầm lửa, để nấu đồ ăn v.v.... thường dùng bình nước, đựng đầy luôn luôn. Nhẫn đến phải thường giảng kinh, luật, luận thiền và chỗ chứng trong bốn quả, nếu chưa được như vậy, thì phải biết cách tụng đọc, không nên chứa ngọc nhật châu, nguyệt châu; những chỗ núi cao hang thẳm, không người, khá sợ không nên ở.

c/ KẾT HỐI

CHÍNH VĂN : Thưa chư Đại đức, tôi đã nói bốn pháp Ba La Đề Đề Xá Ni. Nay xin hỏi chư Đại đức, trong đây thanh tịnh không ? (3 lần). Thưa chư Đại đức, trong đây thanh tịnh vì im lặng, thì việc này như vậy suốt biết.

CHÚ GIẢI : Văn kết đây đồng giải như trước. Nếu muốn sám trừ bốn tội này, phải trước thỉnh ông sám chủ, sau mới làm lời sám hối như vậy :

Thưa Đại đức một lòng thương tưởng, tôi Tỳ Kheo... không bệnh, cố ở trong làng, tới Tỳ Kheo Ni không bà con, tự tay tôi thọ lãnh cơm mà ăn (bao nhiêu tùy theo món, tên, việc, mỗi mỗi nói đó) phạm... (bao nhiêu, rất nhiều) tội Ba La Đề Đề Xá Ni. Thưa Đại đức, tôi phạm tội đáng quả, việc không nên làm, nay đối trước Đại đức xin sám hối, không dám che giấu, sám hối thì được an vui, không sám hối thì không được an vui, nhờ mình biết có phạm phải phát lồ, biết mà không dám che giấu.

Cúi xin Đại đức nhớ tôi thanh tịnh giới thân cụ túc, thanh tịnh Bồ tát (nói một lần).

(Ông sám chủ phải quả trách rồi nói) : Tự trách lấy tâm ông nên sinh lòng nhàm chán (Ông năng sám kia đáp) : Dạ.

BỘ TƯ PHẦN GIỚI BỐN NHƯ THÍCH

(HẾT QUYỂN MƯỜI)

PHỤ CHÚ**CƠM TỬ TÀ**

1. *Hạ khẩu thực* : Trồng trọt cây cấy chết vì trùng nuôi mạng sống không thanh tịnh.
2. *Ngưỡng khẩu thực* : Nghĩa là ngược xem thiên văn địa lý nhật nguyệt tinh tú gió mưa. sấm sét để kiếm ăn nuôi mạng sống không thanh tịnh.
3. *Phương khẩu thực* : Nghĩa là đua nịnh kẻ quyền thế thông sử bốn phương, xảo ngôn đa câu kiếm ăn nuôi mạng sống không thanh tịnh.
4. *Duy khẩu thực* : Nghĩa là học đủ thứ chú thuật bói toán kiết hung kiếm ăn nuôi sống mạng không thanh tịnh.

LUẬT TỬ PHẦN GIỚI BỐN NHƯ THÍCH

QUYỂN MƯỜI MỘT

Đời nhà Minh, đất Quảng Châu,
thầy Sa môn Thích Hồng Tấn,
hiệu Tại Tham (dịch).

7.- **PHÁP CHỨNG HỌC** (chia làm ba)

a/ Nêu chung

b/ Chia riêng

c/ Kết hỏi

a/ **NÊU CHUNG**

CHÍNH VĂN : *Thưa chư Đại đức, đây là 100 pháp chứng học, mỗi nửa tháng tụng, rút trong giới kinh.*

CHÚ GIẢI : Tiếng Phạm nói : - Thức xoa ca la ni, và cũng nói : Thi xoa kế loại ni. Dịch là : Cần nên học, nghĩa là : 100 giới này cần phải học.

Nước Hồ dịch lại là : Thủ giới, nghĩa là tội này rất vi tế, mà giữ đó cũng rất khó, nên phải học giữ, do đó mà đặt tên. Đây là giải nghĩa chớ không phải chính dịch.

Tỳ Ni Tỳ Bà Sa Luận hỏi : - Các thiên khác sao không nói **cần nên học** mà lại chỉ riêng có thiên này ?...

– Đáp rằng : Các thiên khác dễ giữ, nhưng về tội trọng, hề phạm tức là mắc tội, hoặc đối giữa chúng mà sám hối, hoặc đối thú sám hối.

Giới này khó giữ, mà tội thì nhẹ, thoảng như có phạm, tâm ăn năn gắng nhớ mà học, nên không kết tên tội, chỉ nói ngay : Cần nên học; song, phép học này, tuy không chỉ rõ tên tội, dầu có trái phạm, đều sám hối tội Đột Kiết La. Nhưng phạm thì có cố tâm, và lầm; sám riêng có hai bậc : Cố tâm phạm thì đối với ông kia mà phát lồ. Lầm phạm thì chính tự trách lấy tâm mình thì dứt. Trong các Luật Luận đều có nói rõ về tội cố tâm phạm, và lầm phạm.

Hai tâm. Như Luật bốn nói : – Cố làm, phạm tội Đột Kiết La nên sám hối, do vì cố tâm làm phạm tội Đột Kiết La phi oai nghi. Còn nếu không cố tâm làm thì chỉ phạm tội Đột Kiết La trơn mà thôi, biết tự trách lấy tâm thì hết tội.

Căn Bản và Luật Nhiếp nói : – Tỳ Kheo không y lời Phật dạy, không kể xấu hổ muốn làm việc phi pháp, cầm y giảng ra, phạm tội trách tâm Ác tác. Hoặc mặc sát thân, phạm tội đối thuyết Ác tác.

Nếu Tỳ Kheo có tâm y theo lời Phật dạy, mà đắp y không đúng pháp, hoặc quên tưởng niệm, hoặc có khi không biết, đắp mặc sai phép, thì chỉ phạm tội trách tâm Ác tác.

Xét trong Luật Luận, phần nhiều chỗ nói : 100 pháp chúng học này Phật kiết ban đầu hết, nhưng các ngài biên tập Luật tạng, để ở sau, song tên tội vẫn một, mà về khinh trọng của nó thì có năm.

Lấy giới trọng để trước, giới khinh để sau, giới chúng học này đối trong năm thiên nhẹ hơn hết, vì thế nên để ở sau. Lại nữa : 1.- Là tội thật (*tính tội*). 2.- Là tội ngăn (*giá tội*), vì muốn để tội thật ở trước, tội ngăn ở sau vậy.

Lại nữa : 1- Hễ phạm tội tử trọng thì không còn trị được. 2.- Con phạm tội trong bốn thiên kia thì còn trị được vậy. Vì thế giới trọng để ở trước, các giới khinh để ở sau. Song đối trong 100 pháp chúng học chưa chắc vì Phật kiết trước hết, vì các ngài để sắp ban đầu, nên nói là ban đầu vậy. Như Phật, ban đầu độ năm ông kia xuất gia làm Tỷ Kheo, thì các ông đó còn mặc đồ thế tục.

Phật Thích Ca suy nghĩ như vậy : Chư Phật đời quá khứ dạy các đệ tử mặc y phục như thế nào ? Ngài suy nghĩ như thế rồi ngài dùng Thiên nhân quan sát, thấy người ở trên cõi trời Tịnh Cư, mặc y phục giống Phật, ngài bèn kêu năm thầy Tỷ Kheo nói rằng : Các ông từ nay sắp về sau, phải mặc y phục cho giống người ở cõi trời Tịnh Cư.

Trong Tát Bà Đa Luận có câu hỏi rằng : Trong năm thiên giới, Phật vì sao cấm các đệ tử, mặc cái chăn và ba y giống như chư Phật đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai, và người ở trên cõi trời Tịnh Cư ?

Đáp rằng : Phật kiết năm thiên giới mà giới này ở trước hết, do vì giới này nó xấu kết tất cả các giới đầu, nên bốn thiên kia không nói. Lại nữa, giới này đối với bốn thiên kia, thì nó là giới khinh.

Phật biết đệ tử đời sau, không sinh tâm trọng kính; cho nên ngài dùng Phật nhân, thấy chư Phật đời quá khứ, đời vị lai và cõi trời Tịnh Cư, rồi sau mới Kiết giới; khiến chúng sinh đời sau, khỏi sinh tội khinh dễ.

Lại nữa, ba đời chư Phật Kiết giới có chỗ đồng, có chỗ khác; nhưng trong năm thiên giới đây, không ắt vì đồng hết.

Đây thì Phật dạy mặc cái chăn, và ba y phải hiệp với ba đời chư Phật; vì thế mà giới này có nói quán suốt ba đời chư Phật, và cõi trời Tịnh Cư, còn các thiên khác, thì không nói quán sát vậy (*thật tội, tức là tính tội vậy*).

b/ CHIA RIÊNG

Một trăm pháp chúng học này, bài và câu nó dón gọn, mà sự của nó thì trùng trùng điệp điệp, không cần gì phải riêng nêu từng khoa, cứ theo văn thì xét biết, tức rõ được ý chỉ, chỉ như chỗ duyên khởi mà giải nghĩa, thì trong Luật bốn, hoặc đủ hoặc thiếu; tra trong các pháp kiến độ thì thấy, phần nhiều pháp Lục quần hay khởi phạm về giá tội.

Cũng đồng như trong hành hộ, về thiên oai nghi khinh trọng chỉ rành về cố tâm hay là vô tâm, chớ không có tướng nào khác nữa, song sự lý kia đơn kép không nhất định. Nay cộng có 100 pháp, tóm làm 10 việc, gồm thành một bài tụng, đặng cho người học để giữ gìn : 1/. Việc đắp y. 2/. Việc vào làng. 3/. Việc ngồi đứng. 4/. Việc ăn uống. 5/. Việc hộ bát. 6/. Việc đại tiện tiểu tiện. 7/. Việc thuyết

pháp. 8/. Việc xây tháp và đắp tượng. 9/. Việc đi đường. 10/. Việc trèo lên cây.

Lời tụng nói :

*Mặc chẵn và ba y tề chỉnh
Vào làng, nhà, ngôi, sự ăn uống;
Hộ bát, tiện lợi, thuyết pháp nghi,
Kính tháp, tượng, phòng, lên cây, đi đường.*

1) MẶC CHẴN CHO TỀ CHỈNH, CẦN NÊN HỌC

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ. Phái Lục quần mặc cái chẵn (tiếng Phạm gọi Niết bàn tăng) hoặc thấp, hoặc cao, hoặc cuốn lại giống cái vòi con voi hoặc làm giống lá cây đa la, hoặc khi thì gấp nhỏ lại. Cư sĩ thấy chê cười, nói : Các ngài làm giống in hàng vua chúa và những bọn trò hát giễu cợt v.v... Các Tỳ Kheo bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Cái chẵn ? Tiếng Phạm gọi Niết bàn tăng, hoặc nói : Nê hoàn tăng. Dịch là : Quần.

Phái mặc cho tề chỉnh ? Nghĩa là phái mặc cho bằng thẳng, được khỏi các tội lỗi mặc không bằng thẳng. Vì sao gọi là không bằng thẳng ?... Hoặc là buộc xệ xuống dưới rún, hoặc buộc cao trên đầu gối, hoặc thông xuống một góc trước, giống như cái vòi tượng, hoặc thông hai góc trước, giống như lá cây đa la, hoặc buộc xếp giun nhỏ con quần ngang lưng.

Luật Nhiếp nói : Năm lấy cái biên chẵn xếp con nhỏ lại, giữa lưng tóm dè giống như lá đa la, trên rút nhỏ, dưới thả rộng, phải vậy.

Thế thức phạm tội trong đây là sao ? Nếu không y lời Phật dạy mà cố làm thì phạm tội Đột Kiết La, phải sám hối vì cố tâm vậy, hoặc phạm tội Đột Kiết La phi oai nghi. Nếu không cố làm chỉ phạm Đột Kiết La.

Từ đây sắp về sau, các giới khác sánh theo đây nên biết. Bốn chúng kia cũng đồng phạm Đột Kiết La. 100 pháp này Tỳ Kheo Ni cũng đồng học trong đây có một hai giới không đồng, trong các giới sau tùy sự chú thích.

Không phạm là gì ? Giữa rún có ghề, cần phải mặc thấp xuống; hoặc dưới chân có ghề, phải mặc cao lên; hoặc ở trong chùa hay đi ra ngoài làng, và khi đi đường, hoặc khi làm việc bất luận...

Phụ văn : Bộ Tây Vực Ký nói : - Nê phước ta na, bản nhà Đường dịch : Quần. Bản cựu dịch : Niết bản tăng sái vậy. Đã không khuy nút, khi người mặc tóm xếp làm con vắt vào trong lưng. Xếp con, các bộ luật nói chẳng đồng, mà màu sắc vàng đỏ cũng khác (*Vàng sạm đỏ lợt*). Sách Nội Pháp truyện dẫn trong Nhất Thế Hữu bộ : chế kiểu quần dài hai cánh, bề ngang năm cánh bằng lụa vải hay có chi may nấy. Bên Tây Thiên Trúc (*Ấn Độ*) may chiếc (*một lớp*), xứ Thần Châu (*Trung Hoa*) mặc tình may đôi (*hai lớp*), rộng dài tùy ý; miễn quần giáp lưng đỡ cho khỏi rún; tay bên hữu kéo trên góc biên lên bên tả, ở trong kéo tới lưng bên hữu; trên góc chẵn bên tả, lấy bên ngoài tóm vắt bên tả; rồi hai tay ở hai bên, đỡ cho bằng thẳng sắp cho ngay thẳng chính giữa, tức thành ba xấp, sau lấy hai ngón tay, đều cuốn

guộn đến lưng; đồng đem ba lớp, tới đằng sau lưng vắt đó; hai góc đều chững ba ngón tay, cũng vắt tới xương sống; được chững ba ngón tay cho phía dưới vào giữa lưng; làm như vậy dầu không cho buộc dây lưng; cũng mắc dính trong thân không rớt, sau dùng dây lưng, dài cỡ năm cánh nhỏ.

Móc tra chính giữa giở cao tới rún, lần cái viền chẵn lên, sắp đều cho tới sau, kéo choàng qua trước, lần một bên kéo bên hữu qua bên tả; mỗi bên lấy ngón tay nhét cho chắc, vấn lên mỗi dây lưng kia, cho đủ ba lần, có dài cắt bớt, thiếu thì nối thêm; dây lưng không nên dùng bằng tơ, dây lưng rộng bằng ngón tay, các thứ dây buộc giày tất, hoặc vuông, hoặc tròn rẽ đôi cũng không hại; các thứ dây gai, trong Văn luật dặn không cho.

Khi nường ngồi giường nhỏ và gốc cây, tóm bỏ trên chẵn; hay là dưới góc chẵn, lẹ tay nắm cái lai chẵn, vắt dưới đầu gối phải cho hai bên bàn sinh, có bày ống chân không hại, cao phải che trên cuống rún, dưới đến trên mắt cá 4 ngón tay; đây là cái dạng của nhà thế tục.

Hoặc ở trong chùa, nửa bấp chân cũng được, đây là hạn lượng chính thân Phật chế ra; chớ chẳng phải ý người bịa đặt; bèn làm cao thấp, không nên cố trái ý chỉ Phật dạy, bèn thuận theo thói phạm tình.

Sở dĩ mặc cái chẵn, dài thông sát đất : 1.- Là hao của thí chủ tin tâm. 2.- Là khinh dễ lời cách ngôn của Đại sư.

Bên Tây vực vải làm chần cũng đều quán ngang; vì bởi phương kia vải trắng, bề rộng khổ hai cánh chỗ, còn phép vải làm chần ở phương này, trong luật vẫn có chế đủ cách; chỉ phải đón bày chỗ mỗi manh; chín chần mà loạn, không phải vậy thì không được, đây là mặc cái chần cho tề chỉnh đúng phép. Song mà cách trong bốn bộ có khác, vì tiêu biểu mặc cái chần khác.

Trong Nhất Thiết Hữu bộ : Thì hai cái biên tới ngoài và xấp đôi. Trong Đại Chúng bộ : Thì bên hữu cái chần, cuốn gọn qua bên tả; vắt mí tới ở trong, đứng cho nó sút.

Trong bộ Thượng Tọa : Chính cỡ chế cũng đồng như đây, chỉ khác hơn là vắt ra ngoài một bên, phép buộc dây lưng không khác. Tỳ Kheo Ni cũng giống như Tỳ Kheo Tăng toàn không có thể khác.

2) MẶC BA Y CHO TỀ CHỈNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước.

Phải mặc cho tề chỉnh ? Nghĩa là : Bỏ tính cách lấu tấu không tề chỉnh vậy. Vì sao gọi là không tề chỉnh ?...

Nghĩa là : Hoặc thông xuống quá cánh chỗ bày hông; hay cao quá bắp chân, hoặc thông xuống một góc, như vòi voi; hoặc thông hai góc trước, phía sau vén lên cao, hoặc xếp nhỏ rồi đặt thành (*lai y*)

Không phạm là gì ? Hoặc vai hay cánh tay có gẻ; hoặc trích xuống còn bao nhiêu thấy đồng như trước.

Nội Pháp truyện nói : “Phép mặc y và phép làm câu móc, y như trong luật bày ra”. Nên nay có cái y năm cánh chỏ, xếp làm ba lớp; cái chỏ xếp ở trên đầu vai, cách thành chũng bốn ngón tay, đặt cái niêm vuông, được năm ngón tay, may vòng bốn bên, trong đó lấy dùi xoi lỗ nhỏ, dùng đặt cái khuy, giống như khuy áo; dài bằng hai ngón tay, lật kết cái tin cho chắc, đem cái khuy xoi lỗ, kéo phía ngoài ra; buộc trào chữ thập bèn thành hai khuy nút để ở phía trong, còn cho xếp ở trước đặt nút ở bên thành cũng như nút áo, tức là đúng như pháp vậy.

Hai đầu cách góc chũng 8 ngón tay, cũng kết một cái khuy, một cái nút, đến khi ăn, xếp vắt trước ngực, nút gài dính nhau, đó là rất đúng như vậy.

Phàm ở trong chùa, hoặc khi đối với chúng Tăng, thì không nên gài nút và đắp trùm lên vai; nếu đi rảo ra ngoài, hay là vào nhà thế tục, thì mới gài nút khuy, các thời khác chỉ có đắp trên vai thôi.

Nếu làm công việc ở chỗ khuất, tùy ý lật trái; hoặc đối với những hàng tôn túc, phải đắp cho tề chỉnh, lấy góc y bên hữu, đắp bít qua vai bên tả thông đến sau lưng, dùng để trên cánh chỏ; nếu muốn gài nút thì phải đắp trùm vai rồi lấy nút gài trong khuy quay lại đằng sau vai, cho khỏi vượt sút, lấy chéo máng trên vai, y bèn quấn cổ; hai tay thông ra một góc đằng trước, giống hình vua A Dục.

Chính hợp cách đó : Đi ra ngoài cầm dù, hình nghi để thương; tức là y giáo pháp, tề chỉnh mặc cái y trên vậy.

Còn ba y kia, hoặc đặt nút vấn, mà cắt vải (*khuy*) dài thời liền khỏi lỗi trái luật, vấn chẵn ngang, mà khỏi phải cái lo viền lưng kim chỉ, vật sở hữu và bình bát, đều mang hai bên vai, vừa chi dưới nách, không cần ràng buộc; cái quy không dài, chỉ xoi (*xở*) cho lọt vai (*cánh*) mà thôi. Nếu ràng buộc trước ngực, nó làm cho người thở không thông, vốn không phải bản ý của Phật chế, thì không nên làm. Dầu có y dư, đắp nhiều trên vai, vậy sau chung mặc, phủ bít y bát kia.

Nếu mình đến chùa, và đến nhà thế tục, phải đến phòng nhà, máng cất dù lọng xong, mới đến cởi nút, máng y bát kia, song mà có thứ Ca sa, may bằng thứ lụa mỏng, nó hay trơn không chịu mắc trên vai, khi mình lễ bái thì nó tuột rơi xuống đất. Nên dùng thứ vải may y dừng rớt, hoặc dùng thứ bố nhuộm hay là thứ trấu, thứ vải trắng nhuộm, tức là được vậy.

Còn cái Tăng khước kỳ, tức là áo trùm vai, lại thêm một cánh chỗ nữa mới hiệp với bản luật. Phép đắp mặc nó, phải chừa trống vai bên hữu, đắp qua vai bên tả.

Khi ở trong phòng, thì chỉ mặc cái Tăng khước kỳ và cái Tăng kỳ chi thôi (*tức là áo cánh và cái chẵn*). Khi đi ra ngoài, hay là lễ các bậc tôn túc, mặc lòng đắp thêm các y khác.

Tạp Sự Luật nói : “Tỳ Kheo khi trời nực, ở trong phòng mình, chỉ cái chẵn, và cái áo cánh, mặc tinh độc tụng nói pháp, may y v.v... trong bốn oai nghi thấy đều không phạm”.

Xá Lợi Phất vấn kinh nói : – Khi sắm sửa đồ cúng dường, phải mặc áo cánh để dễ làm việc; khi làm phước chú nguyện, phải đắp y trùm hai vai, để hiện tướng phước điền.

Vì sao khi sắm đồ cúng dường ? Vì như khi thấy Phật, khi thưa hỏi Thầy và chúng Tăng, nên tùy theo sự tướng hoặc lau giường, hoặc quét đất, hoặc xếp y phục, nhẫn đến làm đủ các thứ cúng dường.

Vì sao khi làm phước chú nguyện ? Bởi vua mời đãi cơm, khi vào làng khát thực, khi ngồi thiền, khi tụng kinh, khi ngồi dưới gốc cây, người thấy mình trang nghiêm, có vẻ đáng cung kính vậy.

3) CHẴNG ĐƯỢC LẬT TRÁI Y, VÀO NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước.

Lật trái y : – Nghĩa là : Lật cái y qua bên vai tả, hay là bên hữu vậy.

Không phạm là sao ? Bên hông có ghê v.v...

Phụ văn : Luật Nhiếp nói : “Y phục trên dưới không nên lật trái một bên, lộ bày hình thể, hoặc lật cả hai bên, rồi cuộn lại để trên vai”.

4) CHẴNG ĐƯỢC LẬT TRÁI Y, VÀO NGÔI NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Giới trước, nói về oai nghi đi; giới này nói về oai nghi ngồi. – Nghĩa là khi ngồi trong nhà thế gian, phải khéo che thân, đừng lộn xộn mất

oai nghi của thầy Tỳ Kheo, thân phải cho ngay, ý cho chính, khiến cho người sinh tâm tín kính; nếu buông lung các căn, lật y lộ hình, làm cho người chê bai, thì là tổn mình, tổn người nữa.

5) CHẶNG ĐƯỢC Y QUẤN CỔ VÀO NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xử đồng như trước.

Y quấn cổ ? Là cầm hai góc y đắp trên vai.

Không phạm là sao ? Hoặc hai cánh tay có ghê v.v...

6) CHẶNG ĐƯỢC Y QUẤN CỔ VÀO NGÔI NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Nghĩa là trong nhà người thế tục, phải đắp y cho tề chỉnh bày rõ tướng phước điền mà ngôi vậy.

7) CHẶNG ĐƯỢC CHE ĐẦU VÀO NHÀ NGƯỜI BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xử đồng như trước.

Che đầu ? Nghĩa là lấy y hoặc lá cây, hay là lấy vật nhỏ vụn che phủ trên đầu vậy.

Không phạm là gì ? Hoặc bệnh lạnh, hoặc trên đầu sinh ghê, hoặc có mạng nạn, phạm hạnh nạn, che đầu mà chạy.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : “Hoặc gió mưa lạnh và bệnh, không nên che hết đầu, phải che phân nửa thôi, để trống lỗ tai; nếu thấy hai thầy,

thì phải lột xuống, chớ không nên che, khi vào nhà tiểu, hoặc ở trong riêng che không tội”.

8) CHẲNG ĐƯỢC CHE ĐẦU VÀO NGÔI TRONG NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Nghĩa đây đồng giải như trước, lại nữa thầy Tỳ Kheo không nên trùm đầu, trùm đầu là cái phép của người thế gian; nếu đầu có lạnh nhức, cho dùng vải nhung hoặc kiếp bối làm mào đội. (*Bông cây kiếp bối có thể dệt vải*)

9) CHẲNG ĐƯỢC NHẢY ĐI VÀO NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phật ở chỗ đồng như trước. Phái Lục quần vừa đi vừa nhảy vào nhà thế tục, các ông Cư sĩ chê rằng : Giống in chim se sẻ; vì thế Phật liền kết giới cấm.

Vừa đi vừa nhảy ? Nghĩa là hai chân nhảy nhót vậy.

Không phạm là sao ? Hoặc người bị đánh; hoặc bị ăn cướp rượt, hoặc bị thú dữ, hoặc bị chông gai, hoặc nhảy qua khe nước, và hầm hố v.v...

10) CHẲNG ĐƯỢC NHẢY ĐI VÀO NGÔI TRONG NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Thầy Tỳ Kheo, phạm có bước đi, tướng không phải là bậc đại nhân, thì nên bỏ.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : “Không nên ôm đầu gối mà ngồi, không nên ngồi tréo chân. **Tréo chân ?** Nghĩa là : bấp vế này để lên bấp vế kia,

hoặc đầu gối này, để trên đầu gối kia; hoặc bấp chân này để trên ống chân kia; hoặc xếp bằng một chân, còn một chân co lại, để bàn chân trên mắt cá; nếu bệnh thì không tội”.

11) CHẶNG ĐƯỢC NGỒI CHỒM HỔM TRONG NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước, có ông Cư sĩ thỉnh chúng Tăng đãi cơm. Tới giờ ngộ, các Tỷ Kheo đến nhà ông ngồi. Song bọn Lục quần, ngồi chồm hổm, ông ngồi ngang, lấy tay thọt bèn ngã ngựa bày hình thế. Phật vì đó liền kiết giới cấm.

Ngồi chồm hổm ? Hoặc ngồi dưới đất, hay ngồi trên giường, mà khu không chắm đất, tức là hai bàn chân đạp đất hai đầu gối dựng lên.

Không phạm là gì ? Một bên khu có ghé, mà có việc phải làm, như là lễ bái, sám hối, cùng đi giáo giới, thì quỳ xuống, phải vậy.

Chữ Khao : Khổ cao thiết : Âm khảo, bình thanh; xương cụt. Tức là xương khu ở dưới mông dít.

12) CHẶNG ĐƯỢC CHỐNG NẠNH ĐI VÀO NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Phái Lục quần tay chống nạnh đi vào nhà người thế gian, vì thế Phật liền kiết giới cấm.

Chống nạnh : Hoặc dùng một tay, hay là hai tay, co chống nạnh vuông cánh chỏ.

Không phạm là gì ? Dưới hông sinh ghê, hoặc khi làm công việc trong chùa, và ngoài làng, hay là khi đi ra đường không nhất định.

13) CHẲNG ĐƯỢC TAY CHỐNG NẠNH VÀO NGÔI NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Nghĩa là : lấy tay chống nạnh vuông cánh, sợ cản người ngôi gấn, dù không ngôi gấn, cũng không phải phép vậy.

Phụ văn : Thập Tụng nói : “Không nên chống cầm ngôi”.

14) CHẲNG ĐƯỢC LẮC MÌNH ĐI VÀO NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xử đồng như trước.

Lắc mình ? Nghĩa là : nghiêng thân qua bên tả, qua bên hữu, rảo bước, Tỳ Kheo Ni phạm tội Đọa.

Không phạm là gì ? Hoặc bị người đánh nghiêng thân tránh roi, hoặc tránh thú dữ; hoặc gặp người gánh chông gai, nghiêng mình để tránh; hoặc nhảy qua hầm hố; hoặc khi mặc y, xoay thân ngó ngoái lại đằng sau, coi y ngay thẳng không.

15) CHẲNG ĐƯỢC LẮC MÌNH ĐI VÀO NGÔI NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Thấy Tỳ Kheo đến nhà bạch y phải sửa sang dung nghi, vững mình mà ngồi vậy.

16) CHẲNG ĐƯỢC LẮC CÁNH TAY ĐI VÀO NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xử đồng như trước.

Lắc cánh tay đi ? Nghĩa là : thòng cánh tay đưa tới đưa lui từ trước ra sau.

Không phạm là sao ? Hoặc bị người đánh, hoặc bị thú dữ đến đưa tay ngăn nó, hoặc đưa tay ngoắc người.

17) CHẴNG ĐƯỢC LẮC CÁNH TAY ĐI VÀO NGÔI NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Khi ở trong nhà thế gian, phải vững mình khoanh tay mà ngồi tề chỉnh.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : “Không nên động tay động chân, hoặc múa tay múa chân. Ngồi phải vững vàng, đừng sượng. Nếu ai có hỏi, trước phải hộ giới, và thuận theo mà đáp”.

18) KHÉO CHE THÂN VÀO NGÔI NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xử đồng như trước. Nếu không khéo che, thì mỗi mỗi bày lộ thân mình.

Không phạm là gì ? Hoặc bị trời, hoặc gió thổi bay chéo y khỏi mình vậy.

19) KHÉO CHE THÂN VÀO NGÔI NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Nghĩa là : Ngồi trong nhà thế gian, phải khéo che kín thân hình, không nên mặc một cái y, trừ khi đi đến chỗ đại tiểu tiện, không nên mặc áo tròng đầu và áo thêu, không nên mặc áo có sọc (*đó thuộc về áo cầu, áo bào, thứ áo tơ lụa vậy*), không nên mặc áo bằng da, không nên mặc

áo cặp; không nên mặc áo bằng vỏ cây, áo bằng cỏ, áo bằng lá cây, áo bằng anh lạc, áo bằng lông, áo bằng tóc, áo lông đuôi trâu ngựa; như thế tất cả áo của người thế gian, và pháp y của ngoại đạo đều không nên sắm; nếu có bệnh rét cho mặc cái y nhiều lớp.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : “Ba y đều cho dùng chỉ bông, nên dùng vải chắc, may y 5 điều. Nếu vải thưa nên may hai lớp, ba lớp, nếu may y năm điều bằng vải thưa, thì may y 7 điều bằng vải dày; nếu y 7 điều bằng vải thưa, thì y đại cần phải may bằng vải dày; nếu y đại bằng vải thưa, thì y 7 điều bằng vải dày; khi ngồi thì phải một tay vén cái y, tay để tọa cụ, vậy sau thong thả ngồi”.

20) KHÔNG ĐƯỢC LIẾC NGÓ HAI BÊN, ĐI VÀO NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xử đồng như trước.

Liếc ngó hai bên ? Nghĩa là mỗi chỗ trước sau, vào chung quanh đều nhòm ngó.

Không phạm là ? Nếu ngược xem thời tiết mặt trời, hoặc có mạng nạn, phạm hạnh nạn mà xem ngó hai bên mỗi chỗ, được tìm kiếm con đường tiện lợi, muốn trốn đi.

Phụ văn : Luật Nhiếp nói : “Không nên ngó cao quá, chỉ ngó ngay ra trước chừng một du đà, đó là cỡ của thầy Tỳ Kheo ngó, một du đà bề dài bốn cánh chỏ, không nên ngó một bên, cũng không nên ngó ngoài lại đằng sau, cứ thẳng mình ngó ngay tới trước, chậm rãi mà đi tới, nhưng phải dự phòng

quan sát loài trâu ngựa chớ dữ v.v... Không nên đi gần nó lắm, vì sợ có tổn hại”.

Tăng Kỳ Luật nói : “Khi đi phải ngó cho kỹ, không nên gục đầu như ngựa mà đi, phải ngó như kiểu vừa mà đi, ngừa phòng các thú dữ như voi, ngựa và trâu; đi như kiểu người khiêng kiệu, không được xem ngó Đông Tây; nếu khi muốn ngó chỗ nào, phải xoay hết mình qua hướng đó mà xem”.

21) KHÔNG ĐƯỢC LIẾC NGÓ HAI BÊN, VÀO NGÔI NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phạm ở trong nhà người thế tục, tâm phải chân chính, mặt ngó ngay, buộc tâm tưởng niệm mà ngồi, không nên xem những người đi qua lại, cùng là bọn trẻ nít ca múa v.v...

Phụ văn : Căn Bản Luật nói : “Đến nhà bạch y họ chưa mời ngồi không nên ngồi liền, phải xem xét kỹ lưỡng mới ngồi”.

22) VÀO NHÀ BẠCH Y PHẢI IM LẶNG, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xử đồng như trước.

Không im lặng ? Tức là nói to tiếng, nếu khuyên lớn dạy bảo, hay là thí thực, thì phải tụng lớn tiếng.

Không phạm là ? Hoặc điếc, hoặc có mạng nạn, phạm hạnh nạn, la lớn mà chạy.

23) NGÔI TRONG NHÀ BẠCH Y PHẢI IM LẶNG, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Khi ngồi trong nhà thế tục, cần phải lặng lặng, ngồi im như bậc Thánh Hiền, nếu ai

có hỏi, thì tùy theo việc mà đáp, có muốn nói điều chi, phải nói vừa đủ nghe mà thôi, có muốn kêu ai, phải khảy móng tay cho biết, nếu người kia không nghe, phải nói với người ngồi gần nói chuyên lại.

24) ĐI VÀO NHÀ BẠCH Y CHẲNG ĐƯỢC CƯỜI GIỖN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xử đồng như trước.

Cười giỡn ? Là nhăn răng cười.

Không phạm là ? Hoặc tưởng niệm chính pháp tỏ ngộ rồi vui cười.

25) VÀO NGỒI NHÀ BẠCH Y CHẲNG ĐƯỢC CƯỜI GIỖN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Nghĩa là : Ngồi trong nhà thế tục, phải sửa dung nghi cho tề chỉnh, giống như tướng người đại nhân, đừng cười giỡn theo thói con nít.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : “Không nên ngồi trong nhà người thế gian cười; nếu ở trong chùa ăn cơm, trước có hai bậc Thượng Tọa, không nên cười, nếu có việc đáng cười không nên nhăn răng cười lớn, phải nhân đó hằng dấy tâm tướng vô thường, khổ, không, vô ngã, suy nghĩ cái chết mà thôi, mình phải ngậm miệng, nếu không ngăn được, thì không nên nhăn răng cười lớn, phải lấy tay áo che miệng ngăn đó”.

26) CHÍNH Ý THỌ ĐỒ ĂN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, có ông Cư sĩ thỉnh chúng Tăng thiết trai cúng dường, đích thân ông đi sốt các món đồ ăn. Phái Lục quân

không để ý thọ cơm vì vậy mà cơm canh đổ tháo. Phật vì thế liền kiết giới cấm.

Không để ý thọ đồ ăn ? Vì thế nên cơm canh đổ tháo.

Không phạm là ? Hoặc vì bát nhỏ, nên khi thọ đồ ăn, rớt đổ ra ngoài, hoặc rơi lại trên bàn.

Phụ văn : Ngũ Phần Luật nói : “Nhất tâm thọ đồ ăn, thì tay bên tả bưng cái bát, tay hữu đỡ cái miệng bát”.

27) THỌ CƠM VỪA BÁT ĂN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xử đồng như trước.

Phái Lục quần thọ trong bát cơm canh tràn đầy để rơi xuống đất, Phật thấy thế liền kiết giới cấm.

Không thọ vừa bát ? Tức là thọ tràn đầy vậy.

Không phạm là ? Hoặc là bát nhỏ, hoặc rủi làm rớt đổ trên bàn. Khi đó có các thầy Tỳ Kheo thọ thí chủ thỉnh, không nhóm lại đi một lượt, hoặc ông đi rồi, ông mới đi, hoặc ông ra rồi, hoặc ông mới ra, hoặc ông mới ngồi, hoặc ông ngồi rồi, hoặc ông đã ăn, hoặc ông mới ăn.

Phật nói : “Muốn đi thọ thỉnh các ông phải nhóm ở trai đường đồng thấy nhau, khi thí chủ đến rước, đều có đủ mặt, bậc Thượng Tọa đi trước, kế đó thứ lớp theo sau, đi giống như loài chim nhận bay”.
(Đại phi tiền, tiểu phi hậu).

Nếu có việc Tam Bảo, hay là đi thăm bệnh, thì thưa với thầy Thượng Tọa, xin phép đi trước. Nếu có mạng nạn, phạm hạnh nạn cho phép đi khỏi xin.

Đến nhà đái cơm không nên ngồi lộn xộn, phải ngồi theo thứ lớp, Thượng Tọa, thứ tọa, hạ tọa, phải xét xem lẫn nhau nếu có ông ngồi không đúng pháp, và không khéo che thân, thì nên khảy móng tay cho biết, hoặc sai người nói cho biết : Ông không nên tham người cung kính, vậy đáng lẽ phải ngồi sau, lại nhảy xen đến ngồi trước, làm cho các Tỷ Kheo không dám ngồi, hoặc có vị chưa đến cho vị ngồi ngang trái tọa cụ ngồi.

Nếu thí chủ cho vị Thượng Tọa trái cây, thì phải hỏi rằng : Trái này làm phép tịnh chưa ?... nếu nói chưa làm, thì phải bảo họ làm, nếu nói làm rồi phải hỏi : Dem đến cho ai ?... Nếu nói cho vị Thượng Tọa thì tùy ý ngài dùng, nếu nói cho chúng Tăng, nên dạy đem chia hết cho chúng, cho canh cũng vậy.

Nếu có Tỷ Kheo chưa được đồ ăn, cho ông ngồi gần xin giùm. Nếu không có ông ngồi gần, thì vị Thượng Tọa phải bớt phân nửa phần của mình cho ông kia, không nên được đồ ăn rồi ăn liền, phải xướng rằng : Đồng có hết chưa ?... Vậy sau mới ăn.

Khi ăn không nên quynh cánh chỗ dụng người, không nên khạc nhổ lớn tiếng phải êm dềm mà nhỏ bỏ, không nên ăn rồi, làm thỉnh đi ra, vị Thượng Tọa phải vì nhà thí chủ, chú nguyện nhân đến nói một bài. Nếu vị Thượng Tọa nói không hay, thì bảo vị nào nói hay nói thế. Nếu vị Thượng Tọa không nói, và không bảo ông khác nói thế, thì đều phạm Ác tác.

Khi chú nguyện, các Tỳ Kheo không nên đứng dậy trước, phải chờ vị Thượng Tọa cùng bốn ông nữa đợi nhau; hoặc vì việc Tam Bảo, việc thăm bệnh phải thưa cho biết vậy sau mới đi.

Nếu thí chủ muốn nghe pháp, phải tùy cơ mà giảng nói tán thán cái công đức bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ và công đức của Tam Bảo.

Phụ vấn : Nói đồng được hết, cũng như nói đồng cúng hết.

Lặc Già Luận nói : “Khi dâng cơm cho chúng Tăng, vị Thượng Tọa phải nói : – Tất cả đồng cho bình đẳng, kể đó xướng lời Tăng bạt, vậy sau đồng ăn. Nói chữ Tăng bạt ?... Chúng Tăng đồng ăn bình đẳng”.

Mục Đắc Ca nói : “Phật dạy thầy Tỳ Kheo, phạm vị ngồi trên tức là vị Thượng Tọa, có ai dâng cơm cúng dường chúng Tăng, dạy để trước chúng Tăng. Dạy một ông cầm dâng cơm và đồ ăn, hoặc trước dâng muối, đối trước Thượng Tọa, phải cúi mình cung kính, vị Thượng Tọa xướng câu : “Tam bát la khư đa” rồi đồng chúng xướng hết, không nên thọ rồi ăn liền, phải biết câu chú ấy có uy lực rất mạnh, nên hễ thọ rồi ăn liền thì sai, phạm tội Ác tác”.

Lời chú rằng : “Tam bát la khư đa, dịch là: Chính chí, hoặc thời chí, hoặc thiện chí, hoặc là câu thần chú bí mật thường hay trừ được các chất độc vậy; ý nói đồ cúng trọn nên”.

Khi đến giờ ăn, cứ theo chữ nghĩa, hiệp phải như vậy. Nhưng Phật xưa kia, cùng các Đại chúng,

thọ cơm độc của người ngoại đạo. Phật dạy xướng câu chú ấy rồi sau mới ăn, thì thuốc độc trong cơm kia, biến thành đồ ăn ngon, vì thế nên Phật nói câu chú này, chính là câu chú bí mật, thì vị tất là : “thiện chí lành đến” mà thôi ư ?!

Tiếng nói phương Đông và tiếng nói phương Tây, gặp thời nào nói theo thời ấy, đều phân cái chỗ, đến thời xướng như vậy, đã có quyết chắc chữ “Đẳng cúng” chữ “Thực biến” không phải chính dịch.

Câu : Thực bái tùy ý, cũng không phải Phật nói; xưa nói : Tăng Bạt là lầm vậy. Phật dạy xướng câu Tăng Bạt trước khi ăn nay lại nói sau; chữ Thực biến chẳng phải thật, sai với bản ý Phật. Vị Thượng Tọa chưa khỏi lỗi đó, sai lầm lâu đời, người trí phải xét đúng. Nói chữ “Đại thần” hoặc nói chữ “Đạt thần” đúng nghĩa nói là thí tụng, có chỗ nói : Pháp trả ơn cho thí chủ, kêu là chữ Đạt thần, diu dặt người làm ruộng phước, cũng gọi là chữ Đạt thần tức là vì người thí chủ mà chú nguyện vậy.

Ngài Nghĩa Tịnh Tam tạng nói : “Đức Thế Tôn khi còn ở đời, lúc thọ thực rồi, ngài chú nguyện nói bài kệ : “Đặc y na già tha” nghĩa là đem vật thí dâng cúng, còn chữ “Đặc y ni giả” tức là người phải thọ của cúng dường, cho nên Phật chế mỗi khi ăn rồi, cũng phải tụng một câu: “Đà na dà tha”, để trả ơn cho thí chủ, bản cựu dịch chữ “Đạt thần” là lầm vậy.

Lời tụng nói : “Khi ăn cơm rồi, nguyện cho chúng sinh đức hạnh đầy đủ 10 món lực của đức Phật”.

*Người đem bố thí, ắt được nhiều lợi ích.
Nếu vì ưa bố thí sau chắc được an vui.*

Có thể dịch rằng : Chữ “Đà na” Trung Hoa dịch là Thí; chữ “Đà tha”, bản cữ dịch “Đà đà” phải vậy. Phải nói khi ăn cơm, nếu có người hay loài phi nhân, phải thí cho họ cơm, nhẫn đến chừng một nắm.

Đại Luận nói : Trước khi thọ cơm, dâng cúng Tam Bảo, sau thí cho bốn loài : (Noãn, Thai, Thấp và Hóa)

Tạp Sự nói : “Phật dạy : phạm khi ăn vì thí cho súc sinh, để một chút cơm, khắp thí cho các loài, bất câu một loài nào, nên để cơm trên lá sạch, lấy nước rưới vào, còn bánh thì bẻ cho nhỏ, rải trên đất, tùy ý sẽ ăn không nên ngăn dứ”.

Kinh Niết bàn nói : “Nếu chỗ nào có Tỳ Kheo, khi ăn mà không xuất sinh, đó tức là bà con với ma, chẳng phải đệ tử của Phật”.

Ký Quy truyện nói : “Ăn cơm rồi hớp chút nước súc miệng, nuốt luôn chờ dừng nhỏ, kế đó lấy một chút nước tráng cái bát, và rửa tay sơ bên hữu, vậy sau mới đứng dậy”. Khi muốn đứng dậy, phải lấy tay bên hữu bốc một nắm cơm, cầm đem ra ngoài, không luận là vật của Phật hay của chúng Tăng, Phật dạy khắp thí cho chúng sinh, trước khi chưa ăn, luật dạy không nên thí. Lại nữa, đem một nắm cơm, để lên bàn Tiên linh, hay chỗ thờ các quỷ thần, nên mời cho họ ăn; phải đem cơm đó tới quý trước vị Thượng Tọa. Vị Thượng Tọa lấy một chút nước rưới trên cơm, và chú nguyện rằng :

Ta nay vì người tu phước, đầy khắp nhuần
 trong quỹ thú.
 Ăn rồi hết khổ sở, bỏ báo thân, đồng sinh
 Cực lạc.
 Được phước báo của Bồ Tát, vô tận như chốn
 hư không.
 Thí được quả như vậy, tăng trưởng công đức
 không thôi ngớt.

Rồi đem ra ngoài, để nơi chỗ khuất, hoặc ở dưới lùm cây hoặc là chỗ dưới ao dưới sông, đem thí cho kẻ Tiên linh. Vậy sau thí chủ trao tấm xĩa răng, và dăng nước sạch, hoặc muối, hoặc nước tháo đậu, để rửa tay súc miệng cho đúng phép.

Khi chúng Tăng từ biệt, có lời hồi hướng rằng : “Chỗ có bao nhiêu phước nghiệp, cũng đều xin tùy hỷ”, vậy sau mới tản đi. Đây là cái phép ra về, ở phương Tây một đường đi phó thỉnh; còn phép thọ cúng, rộng như văn sau; đây không chép nhiều.

28) THỌ CANH VỪA BÁT ĂN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xử đồng như trước. Phái Lục quần thọ cơm quá nhiều nên không còn chỗ để thọ canh, vì thế Phật liền cấm.

Không phạm là gì ? Bát nhỏ nên đổ cơm trên bàn.

29) CƠM CANH ĐỒNG ĂN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xử đồng như trước. Có ông Cư sĩ thiết trai để cúng dường chúng Tăng, chính tay ông đem sốt cơm và đồ ăn cho chúng Tăng, trở vào lấy thêm canh, khi trở ra thì bọn Lục quần đã ăn

hết cơm. Cư sĩ sốt cơm rồi trở vô lấy canh, khi trở ra, bọn Lục quần cũng đã ăn hết canh. Cư sĩ thấy vậy chê cười. Phật vì đó liền kết giới cấm.

Không đồng ăn ? Nghĩa là : Canh chưa đến, mà cơm đã hết rồi, hay là cơm chưa đến, mà canh đã hết rồi.

Không phạm là gì ? Hoặc khi chính muốn dùng cơm, không ăn canh; hoặc khi chính muốn dùng canh, mà không ăn cơm; hoặc giờ ngọ sắp qua đợi sợ trễ, hoặc có nạn duyên, phải ăn mau mau rồi đi.

30) DÙNG THỨ LỚP ĂN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước. - Có ông Cư sĩ thỉnh chúng Tăng thiết trai cúng dường; bọn Lục quần không chịu theo thứ lớp thọ cơm ăn, cho nên Phật kết giới cấm.

Ăn không thứ lớp ? Là giữa bát lựa lấy mỗi món mỗi món đồ ăn.

Không phạm là sao ? Hoặc cơm nóng, bươi lấy chỗ nguội, hay giờ ngọ sắp qua v.v...

Phụ văn : Thập Tụng Luật nói : "Không nên trong bát lựa món ăn ngon".

31) CHẴNG ĐƯỢC MỖI GIỮA BÁT ĂN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước. Có ông Cư sĩ sấm cơm dăng; bọn Lục quần thọ cơm cứ moi giữa bát mà ăn, làm cho ở giữa bát trống lỗng, vì thế Phật kết giới cấm.

Moi ? Nghĩa là chừa bốn phía hông, moi ngay chính giữa đến đáy bát.

Không phạm là sao ? Hoặc sợ cơm nóng, bươi chính giữa cho nguội, hoặc giờ Ngọ sắp qua v.v...

32) NẾU TỶ KHEO KHÔNG BỆNH, CHẴNG ĐƯỢC ĐÒI CƠM CANH CHO MÌNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước. Có ông Cư Sĩ dâng cơm cho chúng Tăng, chính tay ông sốt đồ ăn. Phái Lục quần vì mình xin cơm ăn, làm như thời đói khát lắm, vì thế nên Phật liền kiết giới cấm.

Không phạm là gì ? Hoặc có bệnh tự xin cho mình hay là người khác xin cho mình, hoặc mình xin cho người khác.

33) CHẴNG ĐƯỢC LẤY CƠM PHỦ TRÊN CANH MONG ĐƯỢC NỮA, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước. Có ông Cư sĩ dâng canh cho một thầy Tỷ Kheo trong đám Lục quần, nhờ theo thứ lớp, khi ông Cư sĩ vào trong bưng canh ra, ông kia bèn lên lại đằng sau, lấy cơm phủ lên canh, ông Cư sĩ liền hỏi... Ông kia làm thính; Phật nhân đó liền kiết giới cấm.

Không phạm là sao ? Hoặc khi chính cần dùng cơm v.v...

Phụ văn : Luật Nhiếp nói : “Cơm canh không nên lẫn phủ lên nhau, đó là muốn cầu cho nhiều, vì lung lòng tham, nên tính việc ăn uống, chớ không phải có tâm tưởng nhằm lia đó là phận của người đi xuất gia dầu được dầu ăn phải nhớ thiếu dục là gốc”.

34) **CHẲNG ĐƯỢC NGÓ TRONG BÁT NGƯỜI NGỒI GẦN, CẦN NÊN HỌC.**

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước. Có ông Cư sĩ sắm cơm chay dâng cho chúng Tăng. Trong bọn Lục quần có một người được phần cơm ít, ngó qua thấy ông ngồi gần được phần nhiều, mới nói ông Cư sĩ có lòng thương riêng, Phật vì thế liền kiết giới cấm.

Ngó ? Là xem coi ai nhiều ai ít, đó là hiện cái tướng tham, thấy người kia được nhiều, sinh lòng tật đố, nên Phật cấm không cho xem.

Bất phạm là gì ? Hoặc ông ngồi gần tối mắt, thì được coi giùm ông ăn được hay không ăn được, món sạch hay không sạch, món đã thọ hay chưa thọ.

35) **PHẢI NHIẾP TÂM TƯỚNG NƠI BÁT ĂN, CẦN NÊN HỌC.**

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước. Phái Lục quần thọ cơm canh rồi, xem ngó hai bên, không ngờ ông ngồi gần kia lấy canh giấu đi; Phật vì thế liền kiết giới cấm.

Buộc tướng trong bát ăn ? Nghĩa là không được xem ngó hai bên, phải nhiếp tâm tướng mà ăn, tướng ăn để giúp thân, vì muốn thành đạo nghiệp.

Không phạm là gì ? Ông ngồi gần tối mắt, thọ lãnh giùm, coi món nào sạch, món nào nhơ v.v...

Phụ văn : Lạc Già Luận nói : “Nếu khi ăn mỗi món phải quan sát coi món ăn này từ đâu mà có, từ

trong kho nào mà đem ra, từ đất nào mà sinh; nay đem về nuôi dưỡng thân này, khi cầm muỗng xúc cơm, tưởng là xúc phần, phải chính niệm hiện tiền; đừng cho tâm tán loạn mà ăn, và phải tưởng sự ăn là nghịch hóa (*ngược lại như ăn phần*), tưởng là nơi đất mà ăn, tưởng là có bệnh mà được ăn v.v...”

Tri Độ Luận nói : “Suy nghĩ ăn cơm đây do người công phu rất nặng nề, kể trong một bát cơm đây, muốn làm ra đồ mồ hôi nhóm đống, tính ra cơm thì ít mà mồ hôi thì nhiều; cơm này làm ra gian nan cực khổ như vậy mà ta nuốt khỏi cổ rồi, tức thành đồ bất tịnh, trải qua cách dầm biến thành như nhớt, trước kia là đồ ngon, mà bây giờ gồm không muốn ngó; người tu phải suy nghĩ món ăn hèn như vậy, ta nếu tham nó, sau này sẽ đọa trong tam đồ, quan sát đồ ăn như vậy, nhằm chán việc ngũ dục”

36) CHẴNG ĐƯỢC VẮT CƠM MIẾNG LỚN ĂN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phật ngữ chỗ đồng như trước. Phái Lục quân vắt cơm lớn miếng khiến miệng thọ không hết, cho nên Phật kết giới cấm.

Vắt cơm to ? Là miệng thọ không lọt hết, phải đổ tháo vậy.

Không phạm là gì ? Giờ ngọ sắp qua, và có nạn duyên đến, nên cần phải ăn mau mau v.v...

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : “Không nên vắt cơm cục to, cũng không nên vắt nhỏ quá, cũng đừng ăn giống người dâm nữ và mỗi hai ba hột thôi, phải

ăn vừa miệng. Phạm vị Thượng Tọa phải ăn chậm chậm đặng đợi chúng, không nên ăn mau rồi đứng coi, làm cho mấy ông nhỏ tuổi lật đật ăn không no”.

37) CHẴNG ĐƯỢC HẢ MIỆNG LỚN ĐỢI ĂN CƠM,
CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : **Hả miệng lớn ?** Nghĩa là cơm chưa đến, mà ngồi hả miệng trước đợi vậy.

Không phạm là gì ? Giờ ngọ sắp qua.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : “Thầy Tỳ Kheo khi ăn, phải giống phép ăn như con tượng vương ở trên núi Tuyết Sơn, ăn và miếng kia vào miệng rồi, lấy vôi tém miếng sau để sẵn, cơm trước nuốt rồi, và tiếp miếng sau vào miệng. Nếu miệng có ghẻ, được hả miệng trước không tội”.

38) KHÔNG ĐƯỢC NGẬM CƠM NÓI CHUYỆN; CẦN
NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phái Lục quân ngậm cơm nói chuyện, vì thế Phật cấm. Căn cứ theo duyên khởi mà kết giới, cho nên nói là : Ngậm cơm. Cứ theo nghĩa : Phạm như ngậm tất cả đồ ăn, cũng không nên nói chuyện...

Ngậm cơm nói chuyện ? Nghĩa là cơm còn trong miệng, nói tiếng không rõ ràng, khiến khó hiểu, đó là cái phép của người bạch y hay là của kẻ Bà La Môn, chớ chẳng phải oai nghi của thầy Tỳ Kheo : nên không làm.

Không phạm là gì ? Hoặc mặc nghẹn nói mà xin nước, hoặc bị mạng nạn, vừa ăn vừa lên tiếng...

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : “Nếu khi đương ăn, Nhị sư Thượng Tọa kêu, nuốt chưa hết, có thể làm cho tiếng dừng khác thì dạ. Nếu như không thể được, thì nuốt khỏi cổ rồi sau mới ứng tiếng. Nếu người kia nói trách thì phải đáp rằng : Trong miệng tôi mặc ngậm cơm, vì thế nên không ứng liền được”.

Ngũ Phần nói : “Khi đem thêm đồ ăn, thì cho nói dùng mà hay không dùng”.

39) CHẴNG ĐƯỢC VẮT CƠM XA THẢY VÀO MIỆNG ĂN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phái Lục quần vắt cơm xa thảỵ vào miệng ăn, các Cư sĩ chê cười rằng : Nhà sư làm giống như anh thợ huyện thuật, vì thế nên Phật liền cấm.

Xa thảỵ ? Nghĩa là há miệng trước, rồi lấy lọn cơm thảỵ vào trong miệng.

Không phạm là gì ? Hoặc bị trói buộc v.v...

40) ĂN CƠM KHÔNG ĐƯỢC RƠI ĐỔ, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Bọn Lục quần lấy tay cầm cục cơm, cần phân nửa ăn, vì vậy Phật liền cấm.

Ăn rơi đổ ? Nghĩa là nửa phần cắn trong miệng, còn nửa phần cầm ngoài tay, tức là ăn phân nửa để lại phân nửa.

Không phạm là gì ? Như ăn bánh tráng, ăn cơm cháy, và ăn trái cây, dưa, mía, rau v.v...

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : “Nếu viên cơm lớn, nên lấy tay bẻ phân nửa cho vừa miệng, bánh cũng như vậy”.

41) CHẴNG ĐƯỢC ĂN BÚNG MÁ, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Bọn Lục quần ăn cơm ngón búng cả má lên, các ông Cư sĩ chê rằng : Nhà sư làm giống y như con khỉ, vì thế nên Phật cấm.

Ăn cơm ngón búng má ? Nghĩa là cố và cho đầy miệng, cho hai má búng ra, giống in như con khỉ.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : “Không nên ăn cơm trong miệng còn mà và thêm, làm cho hai má búng ra, phải nhai nuốt cho hết rồi hãy và thêm, hoặc còn cơm trong miệng rồi trệu qua một bên, và thêm cái khác, làm cho hai má búng ra, phải nhai nuốt cho hết đó”.

42) CHẴNG ĐƯỢC ĂN CƠM NHAI CÓ TIẾNG, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : **Nhai ?** Là nhai ăn vậy.

Không phạm là gì ? Như ăn cơm khô hay là nhai cơm cháy, và trái cây v.v...

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : “Không nên nhai cơm có tiếng nghe lạp xạp, không nên ăn cơm nuốt trộng, nghe tiếng ọt ọt, nếu cưỡng họng đau, thì không tội”.

Thập Tụng nói : “Húp cháo không được nghe tiếng, ăn cọng ngó v.v... cũng đừng nhai khua tiếng”.

43) CHẴNG ĐƯỢC ĂN CƠM LUA HÚP LỚN TIẾNG, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Chữ hớp cũng đồng nghĩa với chữ húp : – Nghĩa là dùng hơi thở ra, dùng hơi húp vào,

là để dẫn cơm vào trong miệng vậy. **Hộp cơm ăn** : Nghĩa là há miệng xa hộp lấy cơm kia mà ăn.

Không phạm là gì ? Hoặc miệng đau, hoặc ăn cháo, canh, sữa v.v...

44) CHẴNG ĐƯỢC LE LƯỠI LIẾM THỨC ĂN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Le lưỡi liếm ? Là le dài lưỡi ra, dùng lưỡi liếm cơm ăn, hoặc lưỡi tếm hai bên môi ăn vậy.

Không phạm là gì ? Hoặc bị trói, hoặc tay dính bùn nhơ.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : “Không được le lưỡi liếm tay ăn, hoặc sữa, dầu, mật đường phèn dính tay, thì đem tờ bát cạo để một chỗ, vậy sau mới lấy ăn, không được mút ngón tay ăn, nếu mật, muối, dính đầu ngón tay, được mút không tội”.

45) CHẴNG ĐƯỢC RẢY TAY KHI ĂN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Rảy là gì ? Là bốc rảy vậy.

Không phạm là gì ? Hoặc trong cơm có cỏ, có trùng, hoặc tay nhơ, muốn rảy bỏ hoặc còn tay chưa bốc cơm, để riêng một tay, mà tay đấy như muốn rảy bỏ.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : “Nếu khi rảy tay, không được rảy chỗ vị ngồi ngang, nếu cơm dính tay, phải rảy tới trước chỗ mình ngồi, hoặc là gột (giũ) trong bát của mình”.

46) CHẴNG ĐƯỢC BỐC CƠM RƠI MÀ ĂN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : **Lượm cơm đổ ăn ?** Tức là cơm đổ tháo dưới vẫy. – Không phạm, cũng giải đồng như giới trước.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : “Khi thọ cơm dừng cho có một hột rớt xuống đất; nếu kẻ tịnh nhân khi sốt cơm vào bát rủi rớt xuống đất, thì không phạm, khi và cơm vào miệng, dừng cho rớt xuống đất, rủi rớt thì không tội, nếu khi ăn trái cây và mía, vỏ hay là xác, không nên bỏ lung tung dưới đất, phải nhóm đồng bên chân”.

Thập Tụng Luận nói : “Cơm rớt bị mắc trên cỏ hay trên lá cây, thì nên lượm ăn, nếu có dính đất, thổi phỉ cho sạch rồi ăn, nếu có dính đất nhiều, thì lấy nước rửa rồi ăn”.

47) CHẴNG ĐƯỢC TAY DƠ BỤNG BÁT ĐỒ ĂN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : **Tay dơ ?** Nghĩa là có dính mồ hôi làm nhơ đồ ăn, và làm dơ hết cả chỗ bị dính, phạm khi ăn uống, phải rửa tay cho sạch, rồi mới cầm đến đồ ăn uống.

Không phạm là gì ? Cơm mắc trên cỏ và trên lá, phải rửa tay mà lượm đó.

Phụ văn : Ngũ Phần nói : “Không nên co ngón tay lại bưng bát cơm ăn; không nên ngửi cơm ăn; không nên vừa quở trách vừa ăn”.

48) CHẴNG ĐƯỢC NƯỚC TRẮNG BÁT ĐỔ TRONG NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Bọn Lục quần ăn cơm rồi, rửa bát. đổ nước nhơ và cơm dư bậy bạ dưới đất, trong nhà người thế gian, vì thế nên Phật liền cấm.

Nước rửa bát ? Là nước hơi có lộn cơm vậy.

Không phạm là ? Hoặc rửa mâm rồi bung nước đem đổ ở ngoài.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : “Khi ăn phải cân với cái bụng mà lấy, không nên thọ nhiều; nếu có kẻ tịnh nhân dâng cho nhiều, thì khi chưa ăn, phải sốt bớt cho vị ngồi gần, nếu vị ngồi gần không thọ, thì đem cho ông Sa Di hay là cho người giữ vườn. Nếu khi rửa bát, không nên để cho một hột cơm rớt xuống đất, nếu có thì phải nhóm để trên cây hay lá, nếu hột nhỏ quá, hoặc cháo không thể nhóm được thì không phạm”.

Thập Tụng Luật nói : “Phải hỏi người chủ rồi đổ bỏ thì không phạm”.

Ngũ Phần Luật nói : “Có các nhà bạch y làm nhà mới, muốn được nước trong bát Tỳ Kheo, để rưới đất cho có phước, Phật cho dùng nước trong bát không cơm, rưới đất”.

Căn Bản Luật nói : “Hoặc có người đến xin bát nước, phải rửa bát cho sạch, múc nước cho trong, tụng bài kệ Đà đà ba biến, rồi trao cho người kia, hoặc rửa hoặc uống, hay trừ được muôn bệnh. Lại nói : Không được lấy cơm dư để trong bát nước. Có

chỗ dịch rằng : Bài kệ Đà đà, là chính Phật ngài nói, như trong các chỗ khác có chép”.

49) **CHẲNG ĐƯỢC ĐẠI TIỂU HỈ KHẠC TRÊN CỎ SỐNG . TRỪ CÓ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.**

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ. Phái Lục quần đại tiểu tiện và khắc nhỏ trên cỏ sống, Phật vì đó liền cấm. Bấy giờ Tỳ Kheo có bệnh lách đám cỏ sống rất mệt nhọc. Nên đức Phật kết thêm câu : Trừ ông có bệnh không phạm.

Không phạm là ? Đại tiểu tiện trên chỗ không cỏ, chầy mắc vào trên cỏ, hoặc là bị gió thổi, hoặc bị chim tha, mà rớt trên đám cỏ xanh. Nếu cô Tỳ Kheo Ni đại tiểu tiện, và khắc nhỏ trên cỏ xanh, thì phạm tội Đọa.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : “Nếu tháng mùa hạ cỏ xanh mọc khắp không chừa chỗ nào trống, phải đi theo đường của con lạc đà, con trâu, con ngựa v.v... Hoặc trên ngói gạch và đá, trên lá cỏ khô mà đi, nếu không thừ lớp như trước, thì phải lấy miếng cây hứng, cho phần trước rớt trên miếng cây, vậy sau rồi mới cho rớt xuống đất, nếu đại tiểu tiện và khắc nhỏ lỡ dấy tay chân, cho chùi trên cỏ xanh”.

Luật Nhiếp nói : “Nếu chỗ bụi chông gai thì không phạm, nếu đi trong rừng lớn, nhánh lá che rậm, nên tránh khỏi đường người ta đi, nếu đi trong đất cỏ xanh, không có chỗ trống nên hốt lá cỏ khô trải rồi tiêu trên đó, nếu không thể được, thì không phạm”.

50) CHẴNG ĐƯỢC ĐẠI TIỂU TIỆN VÀ HỈ KHẠC TRONG NƯỚC SẠCH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước.

Không phạm là ? Hoặc đại tiểu tiện trên bờ, trôi rớt xuống nước, và gió thổi chim tha v.v...

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : “Hoặc khi mưa, nước dâng tràn ngập phải tiêu ở trên gò đất cao, hoặc trên ngói, trên đá, hay là trên bè, trước cho rớt trên cây, rồi mới cho rớt trong nước, nếu đại tiểu tiện dính như tay chân thì được rửa trong nước, nếu khi lội trong nước tắm, không nên khạc nhổ trong nước, nếu bờ xa thì khạc nhổ trong bàn tay vậy sau rồi mới bỏ dưới nước”.

Thiện Kiến Luật nói : “Nếu nước đó người ta không dùng, hoặc nước biển thì không phạm; nhắm nước người ta cần dùng, nhưng vắng xa, không người dùng thì không tội”.

Luật Nhiếp nói : “Phạm khi khạc nhổ, đừng khạc nhổ lớn tiếng, cũng không nên thường khạc nhổ hoài, nếu có tính ưa khạc nhổ phải tới chỗ khuất.

Phật nói : “Cho làm nhà xí, phải làm chỗ chỗ chúng đông, lấy vật ngăn che; nếu sợ người già bệnh đi té cho làm lan can hai bên tay vịn, phải riêng làm chỗ tiểu tiện, đào đất làm hầm dưới lót ngói đá, đem hũ đặt lên trên, khai đít hũ cho lọt xuống hai bên hầm lót cây, hơi có bay lên hôi, cho làm nắp đậy”.

Căn Bản Luật nói : “Nên làm cầu xí sau chùa, về góc Tây Bắc, ngoài để guốc cây, khi vào, phải mang; có hôi phải rửa cạo cho sạch; trên cầu để sẵn đất lá v.v... đừng cho tổn hại loài trùng bay; khi rửa nhà xí lấy chổi chà, không nên dùng bằng tay”.

Tăng Kỳ Luật nói : “Nhà xí không nên làm hướng Đông, hướng Bắc, phải hướng Tây, hướng Nam, khai thông đường gió; phép làm : hoặc khai hầm, hoặc làm bên bờ cao, hoặc làm ở trên bờ, mà dưới đáy có nước chảy. Chặng giữa phải để cây cho tiêu rớt trên cây, rồi sau mới xuống nước, phải làm hai ba lỗ, lỗ rộng một cánh tay, bề dài một cánh chỏ rươi”.

Ngũ Phần Luật nói : “Nhà xí có đầy phải trừ bỏ, nếu có sinh trùng, phải làm hầm để đó, nếu chưa sinh trùng, lấy bột men để trong lỗ cầu xí thì trùng không sinh. Có chỗ dịch : Bên nước Tây quốc cửa chùa xây về hướng Đông, vì thế nên không cho làm nhà xí ở hướng Đông”.

51) CHẶNG ĐƯỢC ĐỨNG ĐẠI TIỂU TIỆN, TRỪ CÓ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại vườn ông Cấp Cô Độc. Bọn Lục quần đứng đại tiểu tiện, các ông Cư sĩ chê rằng : Giống như trâu, như ngựa, heo, dê v.v... Phật nhân đó liền kiết giới cấm.

Nguyên trước kia trong nước Ngũ Thiên Ấn Độ, người đi tiểu tiện đều ngồi chồm hổm, sau Phật giáo truyền đến nước Phiên, nước Hồ, cùng các nước khác, cũng nhiều chỗ, làm theo nước Ấn Độ, còn chỉ

có coi Đông hạ phương hướng không đồng, sự không nhất định. Đứng thì có phần nhiều, còn ngồi thì phần ít. Nếu chẳng phải chỗ ngồi mà ngồi đó, thì họ cho là đàn bà; dầu chỗ đáng đứng mà đứng, thì thấy đó cũng không quấy gì, hai cách này làm sao giữ gìn ?

Cứ chuẩn theo lời lược giáo thì là “mở” “đóng”. Đứng hay ngồi như trong Căn Bản Yết Ma nói : Khi Phật sắp nhập Niết bàn có lời phú chúc các Tỷ Kheo rằng :

Ta trước vì các ông, đã rộng mở mang đây các Pháp luật mà chưa lược nói, các ông bây giờ phải nghe lời lược giáo : Thoảng như có việc nào Ta từ trước đến nay, không cho mà cũng không cấm. Hoặc đối với việc ấy, thuận theo thế tục mà không thanh tịnh, hay là thuận theo thế tục mà trái phép thanh tịnh; đó là không thanh tịnh, thì không nên làm. Còn việc nào thuận theo thế tục mà thanh tịnh, trái phép thế tục mà không thanh tịnh, việc ấy tức là thanh tịnh, cần phải làm. Có lời hỏi rằng : Ý gì đức Thế Tôn khi sắp viên tịch, nói lời lược giáo đó ?... Đáp rằng : Đức Đại sư tịch diệt rồi, nhấn đến lời Thánh giáo chưa diệt sắp về sau, đừng cho kẻ ngoại đạo, dấy lời chê bai đó, đức Thế Tôn là bậc nhất thế trí, trong đời có việc gì “không mở không đóng”, các ông đệ tử, muốn tu làm sao cho đúng pháp; vì ngăn nạn đó, xa xét ra đến đời vị lai, biết việc đó có ích, nên Phật mới chế ra.

Lại nữa, Phật muốn các đệ tử đối với các việc khỏi bị ngăn ngại, trụ ở trong chỗ an vui, cho nên

phải nói. Đúng như lời đức Thế Tôn nói. Nếu việc đó thuận đời mà không thanh tịnh hay việc đó trái đời mà thanh tịnh; có việc thuận đời mà thanh tịnh; có việc trái đời mà không thanh tịnh; nên làm hay không nên làm đó; không xét lời này thì có ý nghĩa gì khác ?

Đáp rằng : Nếu có sự vật chi, Phật trước không cho, mà cũng không cấm, đời nay làm mà thế tục cho chê báng, thì đó là không thanh tịnh, tức không nên làm, vì sao ? ... Luận theo như bên Tây Thiên Trúc, kẻ sang người hèn ở trong đời đều ăn trâu cau và vôi trắng với thuốc thơm xen nhau làm cho ngon; quý thầy Tỳ Kheo ở cõi này, có bệnh được nhai cho dừng hơi miệng, hoặc thầy thuốc bảo ăn đó không lỗi; nếu muốn nhuộm miệng cho đỏ môi, thì thật không nên. Hoặc như lấy đất nhuộm y cũng là từ trước đến nay không ngăn không cho. Đời nay có nhuộm mặc dùng, đồng như y của ngoại đạo, bị thế gian chê nói thế thì phải ngăn, lý không nên dùng (*đất Đông hạ y vàng, sự đồng như đây*). Lại như có việc cũng không ngăn không cho, đời nay họ dùng, người không chê bai, dùng đó không lỗi. Tức như dây lưng Phật nói có ba món. Còn bao nhiêu không cho, cũng không cấm; ngoài các thứ dây đó, khi dùng buộc lưng, người không hiểu chê ấy, cũng không lỗi, đều là thanh tịnh; lại nữa, như Phật nói ba món, nên dùng để rửa tay : 1.- Là đất muối lồi. 2.- Là phần trâu khô. 3.- Là nước tháo đậu. Đó là Phật mở cho. Như các loại hoa cây Dạ hiệp, cây Mộc hoạn, cây Tạo giáp, những loại đó đều tắm gội được. Phật đã không ngăn, không cho, không độc, không

trùng, dùng đó không lỗi, các loại như đây suy xét nên làm.

Lời chú nói : “Phật chỉ cho dùng muống, vốn không nói dưa, đời nay dùng dưa là lời lược giáo mở cho. Còn trên giảng đường lót giường cao để ngồi ăn quả đường, đó là không phải lời lược giáo mở cho. Nhưng việc đó làm đã lâu, bởi vậy nên khó nói”.

Nay không đứng tiểu tiện là Phật đã cấm, song ở đời nay làm đó, người tục họ chê nói; tuy là Phật không cho, nhưng mà thuận theo đời theo xứ, giữ theo thì sợ người tục chê cười, tưởng cũng trái ý Phật, nhưng ai là người trì giới, phải suy xét cho kỹ; xin chớ vội nghe lời nói này, bèn phạm các chỗ quyết cấm, rồi quấy hiệp với lời Phật khai; tức là không cấm mà cấm, việc đáng cấm mà khai đó là cái tội bỏ lời Phật dạy; tội ấy ai mà thay thế cho ư ! Lược giải lời bản văn rồi. – Còn việc tiện lợi, nay phải giải rõ ra; Phật nói : – Khi mắc đại tiểu tiện không nên nín lâu, khi đi phải cầm cổ chùi (*hoặc giầy*). Nếu người đi trước thì nên đi trước, đến góc nhà xí, phải cỡi y máng trên sào tre, máng trên nọc, trên cây, trên đá. Đến ngoài cửa nhà xí, phải khảy móng tay, hoặc tăng hắng cho người và phi nhân biết. Tay cầm cái khậu cho chắc đứng cho đặng hai bên cầu xí, nên đứng hai gót cho vững.

Trước phải coi nếu có rắn và trùng, thì đuổi nó đi ra, không nên chừa ngồi mà trịch khậu, phải ngồi xong lần vén áo; ngồi rồi phải xem, đứng cho tới lui hay gần hai bên vách, làm cho đại tiểu tiện và khạc nhổ dấy dơ hố xí, không nên cao tiếng la to. Cỏ chùi

dài lăm chừng một gang, ngắn lăm chừng bốn ngón, cổ chùi rời, cổ chưa chùi nên để riêng. Tiện xong sẽ đứng lên lần thả áo xuống đến chỗ rửa, khảy móng tay cho người và phi nhân biết. Trước phải xem coi trùng độc, lần trích cái khậu ngời xuống, không nên rửa tay trong khạp nước, khi rửa đừng cho có tiếng, rửa rồi phải lấy tay, hoặc lá vải rách, chùi cho nước trên thân khô; phải lấy các lòi, hoặc tro, hoặc bùn, hoặc phấn trâu, hoặc đất sét hoặc nước tháo đậu, rửa tay lại, rửa rồi phải lần thả khậu xuống đứng dậy, hễ thấy trên nhà xí có đồ bất tịnh, phải quét bỏ.

Phụ văn : Tọa sự Luận nói : “Khi đi vào nhà xí phải cầm một miếng thẻ và ba cục đất, thẻ dùng để chùi trước, một cục tẩy tịnh, một cục rửa chỗ tiểu tiện, một cục đất để rửa tay tả (*bấy giờ có xà bông khỏi cần đất*).

Mẫu kinh nói : Phải dùng hai ngón tay rửa đó tức là dùng ngón tay vô danh và ngón út vậy.

Ngài Nghĩa Tịnh Tam Tạng, y trong Nhất Thiết Hữu bộ, mà soạn ra pháp tiện lợi; nói các việc tiện lợi, lược ra các thức, dưới mặc cái quần tẩy dục, trên mặc cái áo Tăng kỳ chi. Kế đó là cái xúc bình thêm nước cho đầy, cầm theo vô nhà xí, đóng cửa cho khuất mình, đất phải 14 cục, để ngoài nhà xí trên ngói đá, hoặc trên miếng ván mà để đó bóp nát như bột, phân làm hai chỗ, mỗi chỗ mỗi đóng, để lại một cục, lại vò ba hoàn đem vô nhà xí (*để ở bên một hoàn chùi thẻ, một hoàn rửa thân*).

Pháp rửa thân, phải lấy tay tả, trước mức nước rửa. sau rồi thêm đất sạch, còn dư một hoàn, chùi sơ một lần, rửa tay tả, hoặc có miếng thẻ cầm vô cũng tốt, nếu thẻ dùng rồi bỏ, phải quăng ngoài nhà xí nên lấy giấy cũ, được bỏ trong lỗ xí đã tẩy tịnh rồi, tay hữu kéo cái khâu lên, cái bình để một bên, tay hữu mở cửa, tay tả cầm bình ra, hoặc cánh tay tả ôm cái bình, bàn tay tả nắm đó, nên dùng tay hữu khép cửa mà đi. Tới chỗ để đất kia, ngồi chồm hóm một bên, hoặc dùng vật ngồi tùy theo thời, lượng theo chỗ, để bình trên bấp vế bên tả, nên lấy cánh tay bên tả, phía sau vách đê đó, hoặc có cây chẳng ba, để ở trên thì rất hay. Trước dùng bảy cục đất gắn thân, bóp nát và riêng rửa tay tả, sau dùng bảy cục đất dư, mỗi mỗi hai tay đều rửa sạch, còn trên ngồi trên cây phải rửa sạch, còn dư một hoàn đem rửa cái bình, kể đó rửa cánh tay và chân, đều cho trong sạch, vậy sau mặc tình đi.

Nước trong bình này, không nên rót vào trong miệng, trở vào trong phòng lấy nước sạch, súc miệng ba lần, hoặc có việc xảy đến rủi dụng bình này, lại phải rửa tay súc miệng, mới được cầm vật khác. Đây là phép tắc đi đại tiện kể sơ như thế. Còn tiểu tiện thì hai ba cục đất, nên dùng rửa tay và rửa cái sinh chi, đây tức là trong sạch thứ nhất, hoặc kính giới luật; hoặc người cho đó là việc nhỏ, nên trong luật giáo có lời quở to.

Nếu không rửa sạch sẽ thì không nên ngồi giường của chúng Tăng, cũng không nên lễ Tam Bảo, hễ tu hành thì phải giữ luật phước mới sinh,

không làm thì trái lời Di giáo mắc tội. Pháp này đất Đông Hạ không truyền ra đã lâu, nhưng dù cho có rao bày, họ lại sinh tâm chê cười, họ cho lý Đại thừa trống rỗng, cái gì tịnh, cái gì uế, họ chỉ trong bụng là hoàn mãn, rửa bên ngoài ích chi, đâu biết mình khinh lời Phật dạy, giả dối Thánh tâm, mà thọ mỗi lạy mỗi lạy đều phạm tội lỗi, còn mặc áo cơm thì vị thiên thần đều quả trách. Nếu không rửa sạch sô, côi Ngũ thiên đồng cười, dầu đi đến đâu, cũng bị người chê, mình là người nối thành dòng Phật hoàng truyền chính pháp, đã nhận mình là người nhàm đời xuất tục, bỏ nhà vui chốn núi non, tức phải ân cần vâng lời Thích phụ, đâu nên ngó lơ Tạng Tỳ Ni. Bằng như không tin xin y pháp này rửa, trong năm sáu ngày thì biết tội lỗi không rửa ra sao...!

Nhưng tháng mùa Đông trời lạnh, phải rửa bằng nước nóng, khi mình đi ra ngoài có việc thì tùy ý; còn ở trong Tăng phưởng, thì phải rửa sạch nhà xí. Nếu mình không sức lực giáo hóa, giúp cho mười phương Tăng, lý chung cả phạm thánh, tùy các việc nó không hao phí nhiều, mà nó rất là thiết yếu vậy; thật là tịnh nghiệp côi Phật, vốn không phải là việc luống vậy, lẽ thì phải chứa đất cục lớn cho nhiều. để một bên nhà xí, nhưng vì trong đại chúng không có phòng riêng chứa được, băng không có hồ nước rửa, cho dùng các cái bát bằng đất đựng nước đem vào để một bên, tay hữu xối rửa cũng không hại, cầu bắt ở dưới lỗ xí thì nhiều không thể ở đó mà tẩy tịnh, thì phải riêng làm chỗ tẩy khác, rồi khai đường nước chảy ra, đó là tốt.

Tạp Sự Luận nói : Phật dạy các Tỳ Kheo, các ông phải biết, đây là cái việc thường làm, hằng phải để ý, rửa sạch như vậy có nhiều lợi ích lớn, nay giới thân được trong sạch, chư Thiên kính thờ, cho nên các ông từ nay sắp về sau, hoặc Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Thức Xoa Ma Na, Sa Di, Sa Di Ni, Ưu bà tặc, Ưu bà di, nương theo ta, muốn ta làm thầy đều phải tẩy tịnh, nếu không tẩy tịnh như thế thì không nên lễ Phật tụng kinh, mình cũng không nên lễ người, mà cũng không nên thọ người khác lễ; cũng không nên ăn uống của đàn việt, cũng không nên ngồi giường của chúng Tăng, cũng không nên nhập chúng, do vì thân không sạch, vì giữ không đúng pháp nên chư Thiên mắt không muốn ngó, dầu có trì chú tụng kinh, đều không linh nghiệm !!!

Nếu có phạm thì mắc tội Ác tác, nếu có làm việc trai cúng hay tạo kinh tạo tượng, không tẩy tịnh, thì do vì khinh mạn, được phước rất ít. Các ông phải y lời ta dạy, không nên tự dối làm phép bất tịnh, biếng nhác buông lung, làm cái hạnh hạ phẩm, ắt đọa trong ba đường ác.

Khi đó các Tỳ Kheo nghe lời Phật dạy; đều hoan hỷ như pháp vâng làm.

52) CHẴNG ĐƯỢC NÓI PHÁP CHO NGƯỜI LẬT TRÁI Y, KHÔNG CUNG KÍNH NGHE : TRỪ CÓ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ. Phái Lục quân nói pháp cho người lật trái y, không cung kính nghe, vì thế Phật liền kết giới cấm.

Chính nói văn đây dễ hiểu biết, nên không giải thêm.

Không phạm là sao ? Hoặc người có bệnh, hoặc là vua hay quan đại thần bảo, tuy rằng vua quan càng thêm trọng pháp. Nếu sinh tâm khinh dễ thì mưa pháp không thấm nhuần, dầu có nghe cũng không ích chi, vì pháp quên mình, đời thượng cổ ai ai cũng thế, hưởng nữa trên hội Linh Sơn, Phật đều phú chúc, nên cần phải tôn kính; ông Pháp sư vì pháp tự trọng, dạy người tôn kính như mình, nếu đây không tôn kính, hai bên đều mất lợi; nhược bằng quyền tiến dẫn bề đẹp rồi, thời tùy cơ cho hợp pháp, sự không nhất định, chẳng phải lấy một việc làm hoài đều mắc tội mạn pháp.

Nên trong Thập Tụng Luận nói, cũng đều không cho vì người mạn pháp mà nói. Về sau các giới, cứ theo giới này nên biết.

Thập Tụng Luận nói : “Pháp thường của chư Phật, chúng sinh không nhất tâm, thì không vì họ mà nói pháp”.

53) CHẴNG ĐƯỢC NÓI PHÁP CHO NGƯỜI Y QUẤN CỔ NGHE, TRỪ CÓ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Y quán cổ, thì hình dạng không chính, rõ chẳng phải người có tâm cung kính, nên không vì họ mà nói pháp.

54) KHÔNG NÊN VÌ NGƯỜI CHE ĐẦU MÀ NÓI PHÁP CHO NGHE; TRỪ CÓ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Che đầu ? Nghĩa là lấy y và các vật che đầu vậy.

55) KHÔNG NÊN VÌ NGƯỜI BỊT ĐẦU NÓI PHÁP CHO NGHE; TRỪ CÓ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Chữ “lã” : Nghĩa là bao trùm đầu, hay là vấn trùm đầu. với nghĩa chữ “phú” : là che, không đồng

56) KHÔNG NÊN VÌ NGƯỜI CHỐNG NẠNH MÀ NÓI PHÁP CHO NGHE; TRỪ CÓ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Hoặc hai tay chống nạnh, hoặc một tay chống, không nên vì họ mà nói pháp.

57) KHÔNG NÊN VÌ NGƯỜI MANG GIÀY DA MÀ NÓI PHÁP CHO NGHE; TRỪ CÓ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Bên Tây quốc, để đầu trần, đi chân không là phép cung kính; cỡi này đội mào mang giày nghiêm chỉnh cho là kính (*cung kính*); song cách lễ không nhất định, tùy theo mỗi nước mà làm thì phải phép và thành kính, hoặc là mang giày không sạch, đều phải lột để ở ngoài; các nghĩa mở hay đóng, chuẩn theo lời Lược giáo của Phật trong kinh Đại Niết bàn nên nhớ.

Phụ văn : Ngũ Phần Luật nói : “Nếu nhiều người mang giày, không thể cỡi được; chỉ nhân người đi chân không mà ta vì đó thuyết pháp, thì không phạm”.

58) KHÔNG NÊN VÌ NGƯỜI MANG GUỐC MÀ NÓI PHÁP CHO NGHE; TRỪ CÓ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Giày làm bằng cỏ kêu là Phỉ, giày làm bằng da kêu là Lý, giày làm bằng gai kêu là Cước, guốc làm bằng cây kêu là Kịch, cũng có thứ guốc làm bằng lụa, bên Tây quốc có guốc làm bằng

vàng, bạc, bằng các thứ báu. Đúng theo nghĩa thì dù có mang thứ guốc gì đi nữa, cũng không nên vì họ mà nói pháp, nếu như tùy cơ mà quyền nhiếp đúng như giới trước nên biết.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : “Nếu Tỳ Kheo vì Pháp, vì việc chúng Tăng, đến đên vua, hoặc đến chỗ ông chủ đất; ông kia nói : Bạch ngài, xin ngài vì tôi, nói pháp cho tôi nghe thì không nên bảo họ lột guốc, sợ họ sinh tâm nghi kỵ; nếu bên đó có kẻ tịnh nhân ta phải dấy ý vì nói cho tịnh nhân nghe, nhân đó vua nghe, thì không tội”.

59) KHÔNG NÊN VÌ NGƯỜI ĐI XE KIỂU MÀ NÓI PHÁP CHO NGHE; TRỪ CÓ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Nghĩa là xe voi, xe ngựa, xe trâu, các thứ xe v.v...

60) KHÔNG NÊN NGỦ NGHỈ TRONG THÁP PHẬT, TRỪ GIỮ GÌN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phật ngự trong rừng Kỳ Hoàn, phái Lục quân ngủ nghỉ trong tháp Phật, vì thế nên Phật cấm.

Không phạm là ? Vì giữ gìn, hoặc bị người ta bắt và mạng nạn v.v...

Xét chữ Tháp, chính tiếng Phạm đã sai lược vậy. Bản cựu dịch là : Tháp bà, cũng nói : Phù đồ. Bản tân nói : Tột đồ ba, lại nói : Chế để, biệt hiệu : Chi đê. Đây dịch là : Tụ tướng : – Nghĩa là đức Như Lai các đức tướng đều nhóm ở đó, trời người đều chiêm ngưỡng, tức là chỗ thờ Xá lợi của Phật, hoặc

là chỗ để thuyết pháp, chỗ để kinh hành ở trong đó, có dựng lập tòa Phù đồ, tuy không có xá lợi cũng gọi là tháp Phật.

Nay trong giới này nói tháp Phật, riêng chẳng phải tháp của Bồ Tát, tháp của Bích Chi, hay là tháp của Thanh Văn; dầu chẳng phải tháp của Phật, đều phải kính ngưỡng, không nên ngủ nghỉ, các việc trong đó; song, luật Phật chế tháp, riêng khác không đồng, nếu y như trong kinh Thập nhị nhân duyên thì tháp Phật, cái lộ bàn 8 tầng, còn của Bồ Tát thì 7 tầng, của Bích Chi thì 6 tầng, của La Hán thì 5 tầng, của A Na Hàm thì 4 tầng, của Tư Đà Hàm thì 3 tầng, của Tu Đà Hoàn thì 2 tầng, của vị Luân vương thì một tầng. Từ 8 lộ bàn sắp lên, đều là tháp của Phật. Còn vị phàm Tăng, thì chỉ làm tháp tiêu diệt, tháp hỏa châu mà thôi; vị chuyển luân vương tuy là một tầng, thấy Tỳ Kheo gặp tháp (*Luân vương*), không nên làm lễ, vì chẳng phải là tháp của Phật vậy.

Vị phàm Tăng tùy theo thứ lớp (*giới lập*) phải làm lễ, căn cứ theo kinh Niết bàn, thì tháp của Phật cao 13 tầng, trên đánh có cái luân tượng các thứ báu để trau dồi; vị Bích Chi thì 11 tầng; vị La Hán thì 4 tầng cũng cho lấy các thứ báu trau dồi, vị Luân vương tuy cũng lấy các món báu làm thành, nhưng không có tầng cấp, vì chưa khỏi các món khổ trong ba cõi.

Căn Bản bộ : “Cùng với bản này : đại khái đồng nhau, hoặc làm tháp vuông, hoặc làm tròn, hoặc làm bát giác, cũng đều tùy ý”.

Phụ văn : Tạp Sự Luận nói : “Làm nên hai cấp, kế đó đặt cái thân tháp, trên để cái bát, úp tùy ý cao thấp; đặt để đầu bằng, cao một hai thước, vuông chừng hai ba thước, cứ theo cỡ thì lớn, nhỏ, vừa; trong đó để cái luân can, kế đó để cái luân tướng, luân tướng kia mấy tầng ? – Hoặc 1, 2, 3, 4 tầng nhẵn đến 13 tầng, kế đó để cái bình báu. Nếu vì đức Như Lai làm thì cần phải đúng như trước, đầy đủ mà làm, nếu làm tháp cho vị Độc giác thì đừng để bình báu”.

Nếu tháp vị A La Hán, cái luân tướng 4 tầng; vị A Na Hàm cái luân tướng 3 tầng, vị Tư Đà Hàm cái luân tướng 2 tầng, quả Dự Lưu cái luân tướng 1 tầng, còn thầy Tỳ Kheo thuần thiện dị sinh (chết), nhưng chỉ được cái tháp đầu bằng, không có tướng luân cái, gọi là tháp Chế để bằng đầu. Phạm thấy các hình ảnh Như Lai chốn Hương điện, chốn Phiên can, và chốn Chế để đều phải tụng lời Đà Đà, vậy sau mới bước chân vào, nếu không như vậy, thì phạm tội Diệt Tỳ Ni.

61) KHÔNG NÊN GIẤU CỦA CÁI TRONG THÁP PHẬT, TRỪ ĐỂ CHO CHẮC, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : **Của cái ?** – Nghĩa là các vật để cúng dường tháp và hình tượng, hoặc vật của Tăng kỳ.

Không phạm là ? Vì để cho chắc chắn, hoặc bị kẻ dữ giựt cướp nên giấu đở trong tháp v.v...

62) KHÔNG NÊN MANG GIÀY DA VÀO THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : **Giày da ?** – Tức là giày làm bằng da. Đây là cứ theo duyên khởi mà Phật chế giới,

chuẩn theo nghĩa thì phạm chân mang các vật, đều không nên vào trong tháp Phật.

Không phạm là ? - Hoặc bị bắt buộc vào trong tháp, cho vì hộ thân, hộ y, hộ tọa cụ vậy. Ở trong chùa mang giày da một lớp có lủng rách, cho lấy vỏ cây, hoặc da, và đó; phải dùng dây, hoặc dùng lông, da, gân, làm dây mà vá đó, hoặc chốn biên quốc, dùng da làm ngọa cụ, thì cho chứa và chỗ nhiều ngói, đá, sỏi, sạn thì cho mang giày da hai lớp, được da chưa thuộc, cho thuộc mềm, cho sấm : dao, nạo, dùi, ván, đá v.v... Không nên mặc y mới ngói trên giày da, cũng không nên ngói trên da.

Nếu chốn biên phương, nước A Bàn Đề thì cho (theo phong tục nước ấy). Không cho một tay cầm giày và bát, tất cả da lớn không nên chứa, nghĩa là da sư tử, da cạp, da beo, da rái, da chồn, da cáo, da đen v.v... Không nên ngói giường cao rộng lớn, giường ngà voi và trái da ngựa, voi, mềm, nệm, chiếu bông, khảm, lông vượn, làm áo nệm; nếu ở nhà bạch y, không trái giường riêng, trừ giường báu, các thứ cho ngói. Không nên xin da tươi, cho mang phao nổi, đi ghe bằng da qua sông, không nên sấm giày da bao gót, giày lộ giác, giày triển giác, giày tượng mạo an biên, giày da nhiều da màu, giày quỳn bố, giày đới thiên biên, giày xanh, đỏ, trắng, vàng, giày màu gấm, giày mao trĩ, giày kiếp bối trĩ, và tất cả thứ giày kết bằng cỏ.

Nếu con mắt hư, cho mang giày da bao gót, bịt ngón, vì để hộ thân, hộ tọa cụ vậy, ở trong chùa cho mang giày cỏ, cho sấm giày hoại sắc, không nên

sắm guốc lông, guốc bằng bấu, tất cả guốc da. Khi đại tiểu tiện, rửa chân rồi, cho mang guốc. Ở trước vị Hòa Thượng v.v... ở trước vị A Xà Lê v.v... phải đắp y bày vai bên hữu, lột giày để thủ phép, trừ khi ở nhà bạch y, khi đi đường, và sợ đêm hôm đạp nhằm trùng độc cho mang. Được đi xe kéo, không da cho thọ, nếu già bệnh, cho đi kiệu, hoặc xe kéo, người giúp việc, người cận sự nam ông Sa Di, cho khiên kéo, cho lấy da làm dây gánh nước, và dây buộc cửa; không nên lấy da làm túi đựng bát, túi đựng giày, túi đựng kim chỉ, làm máo, làm dây buộc lưng, dây buộc áo, tất cả da không sạch đáng ghê và đồ đựng bằng da, không nên sắm. Có nước khi tuyết lạnh cho mang hia ngấn (*giày ống và bi tất*) ở trong phòng phải rưới quét, còn có bụi nữa, cho làm tấm phủ đất, không nên làm bằng da, nên rửa chân cho khô ráo, mới đứng lên tấm phủ đất.

63) KHÔNG NÊN XÁCH DÉP DA VÀO THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Giới trước đã không cho mang vào, phái Lục quân lại xách vào, vì thế nên Phật cấm luôn. Giày da đó chính là : Cái vật thường dày đạp đất nhơ, vì thế Phật cấm không cho xách vào trong tháp vậy.

64) KHÔNG NÊN MANG GIÀY DA ĐI NHIỀU THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Đi nhiều có hai thứ : 1/ Là con đường do đi quanh tháp nên gọi đi nhiều. 2/ Là tỏ vẻ lòng cung kính, cho nên đi nhiều. Ở phương đây nói chữ nhiều, là con đường đi quanh tháp. Nguyên

bên Tây quốc cái phép thành kính có nhiều cách :
Hoặc dùng lễ bái mà cung kính, hoặc đi nhiều là
cung kính, phép lễ thì phân ra chín phẩm bậc v.v...

Còn đi nhiều thì phân ra có hai cách : hễ
quanh bên hữu thì gọi là tốt, quanh bên tả thì gọi là
xấu: quanh mấy vòng phép từ 1, 2, 3, nhẫn đến
trăm ngàn, tùy theo chỗ tiêu biểu. Vả như đi ba
vòng, thì tiêu biểu cúng Tam Tôn, trừ tam độc, tịnh
tam nghiệp, diệt tam ác đạo, gặp được ngôi Tam
Bảo, còn bao nhiêu để ý suy nghĩ, đây không nói
nhiều. Chín phẩm bậc là :

- 1/ Là dấy lời thăm hỏi
- 2/ Là cúi đầu bái kính
- 3/ Là đỡ tay xá cao
- 4/ Là chấp tay xá ngay
- 5/ Là co đầu gối
- 6/ Là quỳ dài
- 7/ Là hai tay chấp, đầu gối quỳ ngò
- 8/ Là ngũ luân đều co (*dụ như cũng thủ*)
- 9/ Là năm vóc sát đất.

Phàm trong 9 pháp kính đây, đầu chỉ có một
lạy, quỳ gối mà tâu dương công đức, tức là tận lòng
kính, ở xa thì cúi đầu tay xá, gần thì quỳ gối thoa
chân. Phàm kia thốt lời vâng mệnh, vén áo quỳ dài.
Tôn hiển thọ bái, ắt có lời khuyên; hoặc thoa nơi
đầu hoặc vỗ nơi vai, khéo lời dạy bảo, phải tỏ ý yêu
thương. Phàm xuất gia làm Sa môn đã thọ kính lễ,
chỉ cho lời nguyện tốt, chằng những quỳ lạy. Phương
đây số lễ bỏ lâu, người trí cũng nên vâng lời dạy đây
đứng thuận theo tình người, mà trái lời Phật dạy.

Nội Pháp truyện đức Phật dạy : Có hai hạng người nên thọ lễ bái : 1/ Là đức Như Lai. 2/ Là bậc Đại Tỳ Kheo. Đây là lời vàng dạy bảo, nhọc gì mỗi việc phải kính nhường. Phép người nhỏ thấy người lớn phải nghiêng mình cung kính, nói lời : “Bạn để : xin đánh lễ”. Người lớn thọ người nhỏ lễ, mình đứng vững vòng tay nói lời : “A lô đê = ấy là lời chú nguyện cho ông kia vô bệnh”. Bằng mình không có đạo đức kia đây đều mắc tội. – Dầu đứng dầu ngồi, đừng đổi phép thường. Đã là phải thọ không cho kính lại; đây là cái phép thầy trò kính nhau bên nước Ngũ Thiên; đâu có người nhỏ muốn lễ người lớn, trước trông người lớn đứng dậy; lớn thọ nhỏ cung kính, sợ người nhỏ buồn, vì lễ đó mà lật đật, người lớn đỡ người nhỏ không cho cúi đầu rất sợ cực nhọc, người nhỏ cầu kính mà không được sát đất; bằng không như vậy, vẫn trái số lễ.

Than ôi ! Trái lời Phật dạy, lấy theo tình người, người kính người thọ đều sai phép, thật phải xét kỹ; phép này quen lệ đã lâu, đâu chịu thôi ư !

Phàm lễ bái, tại cái phép người dưới kính người trên vậy, khi muốn tôn kính và có lời thỉnh bạch : trước sửa pháp y đắp trên vai, đè cái y dưới nách tay tả, đứng cho dính trong thân, tức đem tay tả bắt ở dưới, đè cái y bên tả, tay hữu tùy chỗ đè sửa cái chăn, đã đến phía dưới, cuốn cái y tới đầu gối; hai đầu gối kẹp lại, lạy đứng cho trống thân. Cái thành y sau lưng, nhét cho sát trong thân; đè ém cái chăn, đứng cho thông xuống đất, gót chân đều đung, xương sống phải bằng thẳng; chừng 10 ngón tay trải đất, rồi mới cúi đầu, song mà ở dưới

đầu gối hẳn không kẹt y vật, rồi chấp tay, rồi lại cúi xuống đất v.v... ân cần hết lòng cung kính, như vậy đến ba lần; đó là một phép lạy tầm thường vậy thôi; khoảng giữa, đều không có phép đứng dậy. Bên Tây quốc thấy làm ba lạy, người đều chê đó. Nếu sợ trên trán dính bụi, trước phải lấy tay phủ cho sạch, vậy sau lạy đó. Kế đó phủ sạch đất trên hai đầu gối, chỉnh đốn y phục, ngồi lại một bên hoặc có thể tạm đứng, chờ Tôn giả cho phép ngồi mới ngồi; nếu có quả trách, thì đứng cũng không hại. Đây là khi Phật còn tại thế, cho đến đời mạt pháp, thầy trò truyền nhau, cho đến đời nay không dứt. (Chữ *Bạn đê*; là lễ kính vậy. *Bản cệu* nói chữ HÒA NAM đó, làm vậy)

65) KHÔNG NÊN MANG HIA THẤP VÀO TRONG THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Chữ “Phú la”, đây dịch là : giày mũi ngắn (*Hia*).

Phụ văn : Ngũ Phần Luật nói : “Không nên sắm giày cong lăm cho tới trên mắt cá; không nên làm giày mũi cong giống như hia ? – nên khai mũi để trống”.

Ký Quy truyện nói : Theo đúng lời Phật dạy, nếu đối với hình tượng Phật hoặc ở gần bậc Tôn sư, trừ có bệnh, ngoài ra trần chân thì phải phép, không cho mang giày dép. Còn đắp y phải bày vai bên hữu, đầu không cho đội mào khăn, đây là lễ thường, còn đi dạo các nơi, thì mở cho không lỗi. Bằng như xứ lạnh, cho mang hia ngắn. Còn bao nhiêu giày dép, tùy theo chỗ nên dùng, đã là khác phương, khác cội, lạnh nóng không đồng. Cứ đúng

theo lời Phật dạy thì có nhiều xứ khác hẳn; là vì tháng lạnh hung, quyền mang để dưỡng thân; còn lúc mùa xuân mùa hạ, phải y luật Phật chế, mang giày dép không cho đi nhiều tháp Phật, trước đã dạy rõ. Còn mang giày “Phú la” dừng tới chỗ hương đài, ban ra đã lâu, song mà có người cố trái, tức là người cường khinh lời vàng của Phật.

66) KHÔNG NÊN CẤM HIA THẤP VÀO TRONG THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Giới trước cấm mang, giới này cấm cầm; còn bao nhiêu nghĩa sánh theo đây nên biết.

67) KHÔNG NÊN NGỒI ĂN DƯỚI THÁP BỎ LÁ VÀ CƠM DƠ ĐẤT, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại rừng Kỳ Hoàn, phái Lục quần ngồi ăn dưới tháp, ăn rồi cơm dư và lá, làm dơ đất bỏ đi, Phật vì đó liền kết giới cấm.

Khi đó các Tỳ Kheo làm tháp rồi thí thực; làm phòng rồi thí thực; chúng nhóm ở chỗ ngồi chật hẹp, không dám ngồi ăn dưới tháp. Phật nói : - Cho ngồi ăn, không nên để lá và cơm dơ đất. Bấy giờ, Tỳ Kheo có bệnh không dám để cơm dư và lá dơ đất. Phật nói : - Cho nhóm để bên gót chân, khi đi ra đem bỏ ở ngoài.

68) KHÔNG NÊN KHIÊNG TỬ THI ĐI QUA DƯỚI THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phái Lục quần khiêng tử thi đi ngang qua dưới tháp, ông thần giữ tháp nổi giận, vì thế Phật cấm.

Không phạm là gì ? Hoặc cần phải đi nhờ đường đấy, hoặc có thể lực bắt đi đường đấy.

69) KHÔNG NÊN CHÔN TỬ THI DƯỚI THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : **Chôn ?** Là đào đất chôn. Phạm thầy Tỳ Kheo có qua đời, Phật y theo lời Phật dạy, có 4 phép chôn : 1/ Là phần thiêu. 2/ Là gài dưới nước. 3/ Là chôn dưới đất. 4/ Khiêng bỏ trong rừng. Như trong bốn phép này, phải tùy theo quốc độ; không phải nhất định làm liền, mà trái lời Phật dạy.

Phụ văn : Tập Sự Luận nói : – Thân thầy Tỳ Kheo tịch, cần phải làm lễ hỏa thiêu, ông Ô Ba Ly bạch rằng : – Như lời Phật nói, ở trong thân này có 8 vạn vi trùng, làm sao dám đốt ?... Phật nói : – Các vi trùng đấy người sống thì nó sống, hễ người chết thì nó cùng chết; thân có ghẻ, thì phải quán không trùng, mới nên thiêu đốt, còn không có củi đốt được, phải đem bỏ dưới sông, bằng không có sông, thì đào đất chôn đó, đất có nhiều trùng kiến, nên bỏ trong rừng sâu thẳm để nằm dạy đầu về hướng Bắc, nằm nghiêng hông bên hữu; hoặc lấy cỏ làm gối kê trên đầu, hoặc lấy cỏ lấy lá che phủ trên thân. Khi tống táng thầy Tỳ Kheo, nên dạy chúng Tăng đứng chung quanh, tụng ba biến kinh vô thường, và đọc bài kệ Đà Đà chú nguyện, việc xong rồi về chùa, phải tắm rửa, nếu có đưng tử thi thì phải giặt luôn áo khâu; còn không đưng chỉ rửa tay chân, về đến chùa phải lễ tháp Phật.

Ni Đà Na nói : “Thầy Tỳ Kheo tịch rồi, vật sở hữu y bát, không nên quăng bỏ, trong chúng phải

đồng chia; không nên để thây trần mà đem chôn, phải lấy y khậu bận vào; đừng lấy y tốt, và cũng đừng mặc đồ rách nát; phải dùng những y phục vừa vừa”.

70) KHÔNG NÊN THIÊU TỬ THI DƯỚI THÁP PHẬT,
CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Trong kinh nói : Xà di, cũng gọi là Trà tỳ đây dịch là Phần thiêu, nghĩa ấy như trước đã giải.

Phụ văn : Kỳ Quy truyện nói : “Lúc tử táng, Tạng Ni bày đặt lễ nghi; còn theo tục “đồng ai”, toan là con hiếu; hoặc trong phòng đặt bàn linh, làm chỗ để cúng thờ; hoặc mặc đồ tang phục thì trái hẳn với pháp thường của Phật dạy; hoặc để tóc dài cho khác hơn người thường, hoặc phải chống gậy, khóc, quỳ lên chống xuống, hoặc nằm bên bàn thờ, các việc ấy đều trái lời Phật dạy, không làm không lỗi.

Lý phải vì người vong đó, soạn một phòng cho thanh tịnh, hoặc phải tùy thời, quyền làm máng che, tụng kinh niệm Phật, sắm đủ hương hoa cúng dường, cầu cho vong hồn sinh về thế giới lành, mới phải là con hiếu, mới là báo ân, đâu nên dùng việc khóc huyết ba năm, mà toan cho là trả đức; nhịn đói bảy ngày, mới phải là người trả ơn đó ư ? Đó là kết thêm nghiệp trần lao, còn mang thêm đồ giả tởa (*dây xiềng xích của sự ân ái*). Nghĩa là từ chỗ tối mà vào chỗ tối, chưa từng tỏ ngộ ba lần duyên khởi (*12 nhân duyên xoay vần ba đời sinh tử*). Nghĩa là từ chỗ tối mà vào, từ đời này cho đến đời khác, từ chết

này đến chết khác đâu chứng được quả viên thừa, đến bậc thập địa ư ?...

Song y lời Phật dạy, thầy Tỳ Kheo qua đời, thì quán biết thầy đó chắc chết, liền ngày đó khiêng đến chỗ thiêu, bèn lấy lửa đốt liền; đương khi thiêu, người thân hữu đều nhóm hoặc kết cỏ làm tòa, hoặc nhóm đất làm bàn ghế, hoặc lót gạch đá làm cho đủ chỗ ngồi ở bên, bảo người tụng kinh giỏi, tụng kinh Vô thường, hoặc một quyển, hoặc nửa quyển, đứng tụng lâu mỗi một, vậy sau đều niệm bài kệ Vô thường, xong rồi trở về chỗ ở.

Nếu ao ngoài chùa thì tắm giặt đồ luôn; còn nếu không ao, thì tới bên giếng tắm, đều dùng y cũ, đừng mặc hư y mới; riêng mặc cái khố, vậy sau rồi mới trở về phòng; còn chỗ đất đó thì lấy phấn trâu tô cho sạch, các việc cũng đều như cũ, y phục và oai nghi không làm chi khác, hoặc có lượm xương tàn rụi, vì người vong đó làm tháp, gọi là tháp Câu la hình như tháp nhỏ, trên không từng lớp (*Không luân tướng lộ bàn*) đâu cho bỏ lời thánh giáo của đức Thích phụ, mà theo tục lệ của ông Châu Công khóc la mấy tháng, mặc vải bố ba năm đó ư ?...

Có bản dịch : “Chữ Thiết lợi la. Trung Hoa dịch là xương cốt. Kinh Vô thường rút trong Bắc tạng, hàm chữ hiếu; ở trong Nam tạng, hàm chữ Đương”.

71) KHÔNG NÊN THIÊU TỬ THI TRƯỚC THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Bấy giờ là không nên đối ngay trước tháp Phật, mà thiêu thân chết vậy.

72) KHÔNG NÊN THIÊU TỬ THI BỐN PHÍA THÁP PHẬT. HỜI HỜI BAY VÀO TRONG THÁP, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Giới trước cấm không cho thiêu ngay trước, giới này cấm không thiêu bốn phía; cần phải cách xa tháp, vậy để chỗ khuất mà làm lễ trà tỳ.

73) KHÔNG NÊN ĐEM Y, GIƯỜNG CỦA NGƯỜI CHẾT QUA DƯỚI THÁP PHẬT, TRỪ ĐÃ NHUỘM GIẶT XÔNG HƯƠNG, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phái Lục quân đem y của người chết và khiêng giường đi ngang qua dưới tháp; vị thần giữ tháp quả, nên đức Phật liền kết giới cấm. Bấy giờ thấy Tỳ Kheo mặc y phẩn tảo không dám cầm y người chết, đi qua dưới tháp. Phật nói : Nếu đã giặt nhuộm sạch và xông hương thì được đi ngang qua.

Y phẩn tảo có mười món : 1/ Y vải trâu nhai. 2/ Y vải chuột cắn. 3/ Vải bị cháy. 4/ Vải đàn bà có đường kinh nguyệt. 5/ Vải đàn bà sinh. 6/ Vải trong miễu thần. 7/ Vải chim tha gió thổi bay rớt trong má. 8/ Vải cầu nguyện. 9/ Vải lên ngôi vua (*khi vua thọ chức bỏ những y phục cũ*). 10/ Vải vãng hườn (*vải đi đưa tống táng đem về*).

Mười món vải trên, đều là của người ta bỏ, lấy dùng đỡ thân để hành đạo, lia tướng ngã và ngã sở.

Căn Bản bộ nói : “Ăn cướp giựt của người lái buôn còn bỏ sót các món, không nên lượm lấy; nếu người lái buôn muốn cho thì nên lấy, tử thi bỏ trong

rừng có chủ, cùng vải trong đèn thân, cũng lại như vậy”.

Lặc Già Luận nói : “Không nên chứa đồ bất tịnh, vải phẩn tảo, nếu được vải phẩn tảo, phải giặt nhuộm cho sạch, may cho ngay thẳng, nhuộm xong rồi, sẽ làm phép thọ trì”.

Mẫu kinh nói : “Nếu được vải phẩn tảo, phải ngâm cho lâu, rồi dùng toàn nước tro giặt cho sạch, lấy hương Hề hất dâ thoa lên trên, vậy sau mới được mặc lễ tháp”.

74) KHÔNG NÊN ĐẠI TIỂU TIỆN DƯỚI THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phạm đại tiểu tiện phải cách xa tháp, mà ở chỗ thường tiểu, không nên gập đầu tiểu đó.

Phụ văn : Ưu bát kỳ vương kinh nói : “Phép trong ranh đất Già lam, đi đại tiểu tiện bậy bạ đó, 500 đời đọa vào ngục Bạt la, sau rồi còn phải trải qua 20 tiểu kiếp, thường ôm cái đất đại tiểu tiện hôi như trên cánh tay, cho đến chốn huỳnh tuyền”.

75) KHÔNG NÊN ĐẠI TIỂU TIỆN TRƯỚC THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Trước cấm không cho đại tiểu tiện dưới tháp, trong giới này, tuy đại tiểu tiện cách xa tháp, mà không nên đối ngay trước tháp; tháp là để tiêu biểu cái đức của Phật cũng là cái di thể của đức Như Lai, phải cẩn gia tâm kính trọng.

76) KHÔNG NÊN ĐẠI TIỂU TIỆN QUANH BỐN PHÍA THÁP PHẬT KHIẾN HƠI HÔI BAY VÀO, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : **Chữ nhiều :** Nghĩa là bốn phía, với bốn góc vậy, còn bao nhiêu đồng giải như giới trước, nên biết.

77) KHÔNG NÊN ĐEM TƯỢNG PHẬT ĐẾN CHỖ ĐẠI TIỂU TIỆN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Xét đúng thì tượng Phật trọng làm sao, thì kính pháp cũng như vậy, nên biết.

Không phạm là gì ? Hoặc có bệnh như thế, hoặc do con đường phải đi ngang qua đó; hoặc bị kẻ cường lực bắt buộc kêu đi.

78) KHÔNG NÊN NHẢY NHÀNH DƯƠNG (xỉa răng) DƯỚI THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

79) KHÔNG NÊN NHẢY NHÀNH DƯƠNG (xỉa răng) TRƯỚC THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

80) KHÔNG NÊN NHẢY NHÀNH DƯƠNG (xỉa răng) QUANH BỐN PHÍA THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Trong giới này thứ lớp đồng như trước, nên biết. Phạm xỉa răng phải tới chỗ khuất; không những đối với tháp tượng, mà đối trước bậc nhị sư và Thượng Tọa cũng không nên như thế.

81) KHÔNG NÊN HỈ KHẠC DƯỚI THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

82) KHÔNG NÊN HỈ KHẠC TRƯỚC THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

83) KHÔNG NÊN HỈ KHẠC QUANH BỐN PHÍA THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phàm khi khạc nhỏ, phải tới chỗ khuất; khấy móng tay, tăng hắng rồi nhỏ. Nếu người già bệnh, cho để sẵn ống nhỏ.

Phụ văn : Tạp Sự Luận nói : “Dưới bốn góc cột trong chùa phải để bốn cái ống nhỏ”, chữ “Thế” tức là cái nhốt ở trong lỗ mũi; chữ “Thá” thuộc về cái đàm ở trong miệng vậy. Sở dĩ từ lỗ mũi ra, gọi là chữ Thế; từ miệng ra thì gọi là chữ Thá, từ con mắt ra thì gọi là chữ Đế. Nay lấy cái nghĩa nước trong con mắt gọi là Đế, nhốt trong mũi gọi là Thế; chữ Thế, ta lầm đọc “Di” là sai vậy.

84) KHÔNG NÊN NGỒI NGAY CHÂN TRƯỚC THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Không phạm là gì ? Hoặc có bệnh như thế. Hoặc khoảng giữa có cách; hoặc bị người cường lực bắt buộc; nếu trong chùa có tháp, đầy chật, cho ở trong chặng giữa ngồi ngay chân.

85) KHÔNG NÊN ĐỂ THÁP PHẬT Ở PHÒNG HẠ, MÌNH Ở PHÒNG THƯỢNG, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Thượng phòng có hai thứ : 1/ Lấy chỗ ở cao sang gọi là bậc thượng. 2/ Lấy chỗ tốt đẹp rục rờ gọi là bậc thượng. Hạ phòng cũng có hai thứ : 1/ Lấy chỗ thấp hèn gọi là bậc hạ. 2/ Lấy chỗ xấu thô gọi là bậc hạ. Chỗ mình nằm cũng đồng với tháp Phật, ngủ một nhà. Phật nói : Không nên như vậy. Nếu vì muốn giữ gìn cho chắc chắn, cho để trên đầu cột, bên đầu mà ngủ, không nên kẹp tháp dưới

nách mà đi; phải để trên xe ngựa, xe voi hay là trên kiệu cán; hoặc vác ở trên vai, hoặc đội ở trên đầu, phải mặc áo trịch vai lột guốc, rửa chân, đại tiểu tiện rửa cho sạch rồi mới cầm, không nên cầm đi đến chỗ đại tiểu tiện.

Không phạm là gì ? Hoặc gặp mạng nạn, phạm hạnh nạn.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : “Khi làm chùa, trước phải xét độ lượng chỗ đất tốt, chỗ làm tháp phải day cửa về hướng Đông hay hướng Bắc; chỗ đất nào làm nhà cho chúng Tăng, chỗ đất nào làm chính điện, không nên lộn xộn. Không nên làm chỗ chúng Tăng ở mà có dòng nước chảy vào điện Phật; trái lại thì được: nghĩa là nước ở trên điện Phật chảy vào đất của chúng Tăng. Tháp phải làm ở chỗ cao ráo. Không nên ở trong nhà tháp mà giặt nhuộm và phơi y, mang giày, phủ đầu, trùm vai, cùng khắc nhỏ dưới đất; không nên ở trong ao tháp giặt y tắm gội, rửa tay, rửa mặt, rửa bát, dưới đầu dòng nước chảy ra, nên tùy ý dùng”.

86) NGƯỜI NGỒI MÌNH ĐỨNG, KHÔNG NÊN NÓI PHÁP CHO NGHE, TRỪ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phật khi kiết giới rồi; các Tỳ Kheo nghi không dám nói pháp cho người bệnh nghe; cho nên Phật kiết thêm câu : trừ có bệnh, không phạm : từ đây sắp về sau, sánh theo đây nên biết.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : “Nếu Tỳ Kheo vi pháp, vì chúng Tăng đi đến vua, hoặc đến chủ đất; chủ đất nói thầy vì tôi, nói pháp cho tôi nghe.

Không nên bảo phải đứng vì sợ sinh tâm nghi; nếu có người đứng một bên thì dấy ý vì người đứng mà nói, vua tùy nghe, Tỳ Kheo không tội”.

87) NGƯỜI NẪM MÌNH NGỒI, KHÔNG NÊN NÓI PHÁP CHO NGHE, TRỪ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Xét giới trước và các giới sau, người nói, người nghe, hai người đều có lỗi hết; còn giới này tuy mình ngồi nói, mà người nghe không cung kính, cũng không nên vì nói.

88) NGƯỜI NGỒI CHÍNH GIỮA, MÌNH NGỒI MỘT BÊN, KHÔNG NÊN NÓI PHÁP CHO NGHE, TRỪ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : **Chữ Tòa** : Tức là cái ghế cao ngay chính giữa hội. **Chữ phi tòa** : là ghế nhỏ ở một bên, nhân đến ở chỗ gốc cây khô, ở chỗ đất cao, chỗ đất thấp.

89) NGƯỜI Ở TÒA CAO MÌNH Ở TÒA THẤP, KHÔNG NÊN VÌ NÓI PHÁP CHO NGHE, TRỪ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Cao có hai cách : 1/ Thế cao rộng lớn. 2/ Chỗ quý giá xinh tốt. Thấp cũng có hai món: 1/ Thấp. 2/ Thô xấu, hai món đều gọi là xấu (*thấp*)

90) NGƯỜI ĐI Ở TRƯỚC MÌNH ĐI Ở SAU, KHÔNG NÊN VÌ NÓI PHÁP CHO NGHE, TRỪ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Bệnh là gì ? Là hoặc thân bệnh, hoặc mặt bệnh, phải nhờ có người cầm gậy dắt đi, vì người đó nói pháp, không phạm.

91) NGƯỜI ĐI KINH HÀNH CHỖ CAO, MÌNH ĐI KINH HÀNH CHỖ THẤP, KHÔNG NÊN VÌ NÓI PHÁP CHO NGHE, TRỪ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Trong giới này cao thấp có hai nghĩa : 1/ Là gốc tự cao thấp. 2/ Chông đá lên nền. Như Phật cho làm nhà để đi kinh hành, có năm việc tốt : 1/ Được đi xa. 2/ Hay suy nghĩ. 3/ Ít có bệnh. 4/ Tiêu đồ ăn. 5/ Được tâm thường định.

92) NGƯỜI ĐI CHÍNH GIỮA ĐƯỜNG, MÌNH ĐI BÊN LỀ ĐƯỜNG, KHÔNG NÊN VÌ NÓI PHÁP CHO NGHE, TRỪ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Đường là đường chính giữa lộ; không phải đường là bên lề đường không phải chính giữa lộ.

93) KHÔNG ĐƯỢC DẮT TAY ĐI THEO DỌC ĐƯỜNG, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : **Nắm tay ?** Tức là hai tay nắm dính lại; nghĩa là thầy Tỳ Kheo không nên đồng nắm tay nhau đi theo dọc đường.

Không phạm là gì ? Hoặc người đó mù phải điu dắt cho nhau.

94) KHÔNG NÊN TRÈO CÂY CAO QUÁ ĐẦU NGƯỜI, TRỪ KHI CÓ NHÂN DUYÊN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, có một thầy Tỳ Kheo kiết hạ an cư trên cây Đại thọ; ở trên cây đó lại tiểu tiện xuống, ông thân ở dưới gốc cây nổi giận. Vì thế nên Phật cấm : không cho kiết hạ trên cây, không cho tiểu tiện chung quanh cây; nếu

trước ở đó có câu đại tiểu tiện thì tiểu không lỗi. Sau khi khác có Tỳ Kheo đi đường gặp ác thú hoảng sợ lên cây bằng đầu người, không dám trèo lên vượt cao: liền bị thú dữ hại, cho nên Phật chế câu : Trừ có nhân duyên.

Không phạm là gì ? Hoặc bị mạng nạn, phạm hạnh nạn; hay là cần muốn dùng củi khô trên cây, phải buộc cu liềm giứt; hoặc lấy thang bắt bẻ, hoặc lấy dây buộc kéo, nếu hết cả cây đều khô hết, cho leo lên.

95) KHÔNG NÊN TÚI ĐỰNG BÁT, XỎ ĐẦU GẬY, QUẢY TRÊN VAI ĐI, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Ông Bạt Nan Đà lấy túi đựng bát, xỏ đầu gậy quảy tòn ten mà đi; các ông Cư sĩ thấy chê cười, Phật nhân đó liền cấm.

Không phạm là gì ? Hoặc bị kẻ cường lực bắt buộc, và mạng nạn, v.v... Khi đó có thầy Tỳ Kheo già yếu không thể không mang túi đựng bát và không tích trượng mà đi. Phật dạy chúng Tăng cho Tỳ Kheo già yếu chống tích trượng, và túi đựng bát, bạch nhị Yết Ma. Tỳ Kheo già phải đến giữa chúng đủ oai nghi, dấy lời xin như vậy :

“Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, tôi Tỳ Kheo ... già bệnh, không thể không mang túi đựng bát, không tích trượng mà đi. Nay đến trước chúng Tăng xin sắm tích trượng và túi đựng bát; xin chúng Tăng cho tôi Tỳ Kheo... sắm tích trượng và túi đựng bát.

Xin thương xót tôi” (nói ba lần rồi). Chúng Tăng phải làm phép bạch như vậy :

“Thưa Đại đức Tăng lắng nghe, Tỳ Kheo kia... già yếu, không thể không túi đựng bát, và không tích trượng mà đi. Nay đối trước chúng Tăng xin chống tích trượng và mang túi đựng bát, nếu chúng Tăng đến giờ, chúng Tăng bằng lòng cho Tỳ Kheo kia... chống tích trượng và mang túi đựng bát, bạch như vậy tác bạch thành không ? - Đồng đáp : “Thành”.

Thưa Đại đức Tăng lắng nghe, Tỳ Kheo kia... già yếu, không tích trượng và túi đựng bát mà đi. Nay đối trước chúng Tăng xin chống tích trượng và mang túi đựng bát, chúng Tăng nay cho Tỳ Kheo tên kia... chống tích trượng và mang túi đựng bát. Các Trưởng lão nào bằng lòng cho Tỳ Kheo kia chống tích trượng và mang túi đựng bát thì lặng lặng, còn vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? Đồng đáp : “Thành”. Chúng Tăng đã bằng lòng cho Tỳ Kheo kia chống tích trượng và mang túi đựng bát rồi, vì chúng Tăng đã bằng lòng nên im lặng, thì việc này rõ như vậy.

(Đây là tích trượng và túi đựng bát dùng một lượt, nên làm phép Yết Ma chung, nếu dùng riêng thì mỗi món cứ y theo văn đây mà làm).

Khi ấy phái Lục quần sắm tích trượng bông ruột, các Cư sĩ chê cười. Phật nói : Không nên sắm thứ cây bông ruột; các Tỳ Kheo chưa ly dục đi đường thấy rắn, bò cạp và rít v.v... đều sợ. Phật dạy : - Làm cây tích trượng để rung, hoặc là làm ống đựng

đá để rung; hoặc khở ống tre nổi tiếng để loại rắn v.v... lánh đi chỗ khác.

Phụ văn : Xét trong Căn Bản Tập Sự, nhân thấy Tỳ Kheo đi khát thực, lầm vào trong nhà, mà nhà kia nhiều cửa, quên đường đi ra, bèn mắc tai nạn. Phật dạy lấy cơm và bánh làm dấu mỗi cửa, vậy sau mới vào, nhưng khi ông kia vào làm thỉnh thấy việc riêng tư của người, Phật dạy lên tiếng, ông kia lại há há la to rần rộ mà vào. Người thế tục lại chê làm ông thầy không biết liêm sỉ. Phật cấm, không cho, phải gõ cửa nổi tiếng mà vào, người nhà sợ hỏi, làm thỉnh không đáp; Phật cho sắm tích trượng, thầy Tỳ Kheo không biết cách làm. Phật dạy : Đầu cây tích trượng gắn một cái vòng tròn như miệng chén, để trong cán cái hoàn nhỏ, khua động nổi tiếng mà làm tiếng nhắc cho nhớ biết, chó chạy ra sủa ông kia lấy cây tích trượng đánh.

Phật dạy : – Không nên lấy tích trượng đánh chó, phải cầm dọa nó; khi đó có con chó dữ dọa nó sân ngầu; Phật dạy : Lấy chút cơm quăng dưới đất cho nó ăn; đến người nhà không tin, rung tích trượng mỗi tay mà nhà kia không hỏi, Phật dạy : – Nên hai ba lần rung, chừng đó không ai hỏi, thì nên đi, do nhiều việc như thế, nên Phật chế cây tích trượng.

Ký Quy truyện nói : “**Tích trượng là gì ?** Tiếng Phạm nói là : Khế khí la; tức cái nghĩa tiếng kêu. Cổ nhân dịch là : Tích rượng; ý nói cái tiếng kêu lịch tích”.

Tích tượng mặc dầu kêu được, mục đích người ở phương Tây chiêm nghiệm, chỗ tay cầm tích tượng, trên đầu chỉ có bít một cái khoen sắt, chững lọt hai ba tấc; đặt một cái thuẫn quang dài 4, 5 ngón tay, cái cán dùng bằng cây to nhỏ tùy theo thời, cao chừng tới mí mắt, dưới bít miếng sắt cỡ chừng hai tấc; cái hoàn hoặc tròn, hoặc dẹp, co liền ở trong, được lọt ngón tay cái; hoặc 6 cái, hoặc 8 cái, xoi để trên cái cổ; bít bằng đồng bằng sắt mặc tình. Nguyên bản ý của Phật chế đây, để đi khát thực, ngừa loài trâu chó, làm chi cho mệt nhọc vậy, giữ gìn cho lao tâm; mà còn làm cả cây tích tượng đều bằng sắt, trên đầu đặt bốn cái cổ nặng trĩu cầm theo lạnh rít phi thường, chẳng phải bản ý Phật chế vậy.

Lại nữa, bên nước Tây Thiên Trúc, Tăng đồ đi ra ngoài, và khi khát thực, sở hữu : bình bát, y vật tùy thân, đều để trên vai trùm phủ cả sa lên, cầm dù mà đi. - Các việc đây, đều là Phật dạy nghi pháp của người xuất gia; còn cái tay rảnh thì cầm cái xúc bình và dép da. Cây tích tượng kẹp xen, đi đứng vững vàng áo điều dụ, áo nguyệt kinh⁽¹⁾ là cái dạng nhân nhā chính đáng, đến như chốn Vương thành, chốn Giác thọ, chốn Thửu lãnh, chốn Lộc viên, các chỗ Ta la hạc biển, các chỗ Túc điều Thước phong. Khi lễ tháp, bốn phương đều nhóm; Nhật quan thiên số, đều đồng phép này. Có chỗ dịch rằng : - Tích tượng là bởi vì khi rung tiếng kêu lịch tích, cho nên dịch là tích tượng.

⁽¹⁾ Danh từ tuy khác, chữ cũng áo Bá nạp

Thập tụng Luật nói : Tích tượng; thế là lấy cái tiếng mà đặt tên; thế nó mặc dầu bằng đồng, bằng sắt, cũng gọi là tích được. Nếu căn cứ theo kinh tích tượng : gọi là trí tượng hay là đức tượng. Do vì nêu rõ trí thành, cũng làm gốc công đức, cũng là cờ nêu của bậc thánh nhân, cũng là mục tiêu của nhà hiền sĩ, cũng là cây cờ đi đến chỗ đạo chính, cái chí niệm lập nghĩa, ba đời chư Phật, cũng đều cầm cây tích, như vậy trùng trùng nêu giải, tuy lời thí dụ rất hay, nhưng chẳng phải chính hiệu; huống chi kinh này nguyên chẳng phải chính dịch, nên không nêu tên người dịch.

Ông Tăng Hựu Pháp sư, phụ lục bản đời Đông Tấn, bài câu lộn xộn, lời chẳng phải Phật nói; nên đời Thượng cổ chê đó là ngụy, vì cái lý trái với tam tạng kinh điển, phép chế lại khác hơn các bộ, người trí phải dùng một con đường mà thôi, đừng thuận theo cái quấy lâu đời cho là phải, như ngài Nghĩa Tịnh Tam Tạng, phép cây tích tượng, chính mắt ngài thấy ở bên cõi Tây thiên, lục lấy trong bộ Ký Quy, thật đáng nên bắt chước dùng vậy.

96) NGƯỜI CẦM GẬY KHÔNG CUNG KÍNH, KHÔNG NÊN NÓI PHÁP CHO NGHE, TRỪ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Không phạm là gì ? Hoặc người bệnh, hoặc ông vua cùng ông quan đại thần.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : “Nếu Tỳ Kheo khi đi đường hiểm sợ, người theo hộ vệ nói : Thừa Tôn giả vì tôi nói pháp cho tôi nghe, nói thì không phạm”.

97) NGƯỜI CẦM KIẾM KHÔNG NÊN NÓI PHÁP CHO NGHE, TRỪ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Chũ gươm là kiếm xét vậy. Ngừa xét việc phi thường. Nếu người bệnh cầm nó để giữ mình. Nên nói, không phạm.

98) NGƯỜI CẦM DÁO KHÔNG NÊN NÓI PHÁP CHO NGHE, TRỪ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : **Dáo là gì ?** Là cái đồ binh khí vậy.

99) NGƯỜI CẦM DAO KHÔNG NÊN NÓI PHÁP CHO NGHE, TRỪ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : **Dao ?** Hình nó có nhiều cách, cũng là đồ để đề phòng.

100) NGƯỜI CẦM DÙ KHÔNG NÊN NÓI PHÁP CHO NGHE, TRỪ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : **Chũ cái ?** Là tàn lọng hay che được nắng mưa.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : “Nếu vị Pháp sư hay Luật sư, khi gió mưa tuyết lạnh, và nắng gắt cần che, vì nói pháp không tội”.

Bấy giờ ông Bạt Nan Đà đi đường cầm dù tư rất tốt, các Cư sĩ chê rằng : Nhà sư gì mà làm giống in nhà vua, hay là quan đại thần. Phật nói: Không nên cầm cũng không nên sắm, các Tỷ Kheo khi đi trời mưa, đến trên nhà trai thực; hoặc là khi nhóm ban đêm, khi đi Bối tát mưa ướt y hũ, Phật cho che vì hộ y vậy, ở trong chùa cầm cổ cây, hoặc cầm lá cây; hoặc cầm miếng tre làm dù che được, không

nên cầm quạt tơ của vua, hoặc được quạt người ta làm rồi, cho thợ rồi cũng lại cho tháp, có nóng nực cho lấy lá cây, hoặc nhánh cây, hoặc cỏ, hoặc vải làm quạt, không nên sắm quạt bằng lông chim, do hại nhiều loài trùng cỏ vậy.

Nếu sợ trùng, cỏ, bụi, mù sương sa trên thân, cho lấy vỏ cây và lá hoặc lấy chỉ tơ hoặc hàng lụa cắt vụn làm cái phủ phát hoặc được cái phủ phát bằng đuôi, cho sắm đồ hứng tóc dùng vải, hoặc vỏ cây, hoặc đan trúc làm, hoặc lông mũi dài, cho làm nhíp nhỏ; không nên để móng tay dài, dài lắm bằng hột thóc phải cắt; không nên lấy các thứ màu nhuộm móng tay, không nên lấy kéo hớt lông mày.

Tỳ Kheo cạo tóc, không cạo râu, hoặc cạo râu không cạo tóc, Phật nói : Phải cạo tóc cạo râu hết, dài lắm hai ngón tay; hoặc hai tháng phải cạo một lần, không nên chải râu tóc, và lấy dầu thoa vuốt, không nên vận uốn cho quớt; không nên vẽ con mắt và gò má.

Còn con mắt có đau cho xúc thuốc; không nên lấy kiếng và nước soi mặt; nếu mặt bị ghẻ xúc thuốc cho ở phòng riêng soi; không nên cạo lông mình, không nên lỗ tai đeo hoa, đeo hoàn, cổ đeo dây chuỗi anh lạc, đeo kiềng, tay đeo cà rá con dấu, không nên làm dây buộc lưng bằng thiếc, bằng chì, bằng da, bằng chỉ thối, bằng gấm, không nên dùng chỉ màu buộc nách, buộc lưng, buộc cánh tay.

Ở chỗ vắng vẻ, cho làm đồ lấy lửa, làm ống vùi lửa, không nên sắm cái hũ chậu rửa bằng báu, không nên hùn cửa cải với người; không nên đem

của cho vay, và tới nhà người đòi tiền lời, không nên cỡi voi, ngựa, cùng đi xe kiệu, cán chơi, không nên cầm dao kiếm. Lại còn có những việc không nên làm, như trong Đại Luật có nói rõ.

Phụ văn : Tạp Sự Luận : “Nếu muốn coi mọt ghê, hay là hình trạng hồi mấy năm trước, coi già hay trẻ, thì coi kiếng không lỗi”. Ký Quy truyện nói : “Dù có nên dùng, đan bằng tre mỏng, một lớp thì được; tùy ý lớn nhỏ, bề rộng hai ba thước, giữa nóc dù đan hai lớp, tính làm cái cán, cán nó dài vắn, chững bằng cán dù rộng, hoặc phải dùng sơn, kéo sơ một lớp mỏng... hoặc đan bằng lau, hoặc như các loại nón bằng mây, hiệp với giấy cũng chắc”.

Côi Thân châu tuy không làm sẵn, nhưng làm đó cũng là hay lắm, mưa lớn cũng không ướt y phục, nóng nực thì được đỡ mát, đã y luật mà còn lợi ích cho thân, cầm nó vốn không hại.

c/ KẾT HỎI

CHÍNH VĂN : *Thưa chư Đại đức, tôi đã nói pháp chúng học rồi. Nay xin hỏi chư Đại đức trong đây thanh tịnh không ? (3 lần). Thưa chư Đại đức, trong đây thanh tịnh, vì yên lặng thì việc này rõ như vậy.*

CHÚ GIẢI : Sắp về trước mỗi giới riêng giải các tướng, nay sẽ tóm nói rõ phép sám hối; nếu thấy Tỳ Kheo tâm không biết hổ thẹn, không y lời Phật dạy, mà cố tâm phạm thì phải đối trước một ông sám chủ, chỗ có bao nhiêu tội căn bản, và từng sinh (tức là tội chính, hay là từ tội đó mà phạm thêm) danh tội đều phải nhớ, chủng tội, tính tội, tướng tội,

nhieu ít cũng phải xét cho rõ, hết lòng thành cầu thương, tâm trong bật dứt, sửa sang oai nghi đối với ông sám chủ, lễ một lạy, quỳ xuống thưa như vậy : Thưa Đại đức một lòng thương tưởng, tôi Tỳ Kheo pháp danh..., vì cố mặc cái Tăng già lê không ngay thẳng, (có bao nhiêu, tùy nói phạm bao nhiêu) tội Đột Kiết La vì cố tâm phạm vậy; lại phạm (bao nhiêu) sai oai nghi tội Đột Kiết La, nay xin đối trước Đại đức phát lồ sám hối, không dám tái phạm, xin Đại đức thương xót tôi. (nói một lần)

Sám chủ đáp : Ông phải tự trách lấy tâm ông, và phải sinh lòng nhàm chán. Người phạm tội đáp dạ (vâng).

Nếu lầm phạm thì phải sinh tâm tầm quý, sửa sang oai nghi nói lời như vậy : Tôi Tỳ Kheo (mô giáp) lầm mặc cái y Tăng già lê không tề chỉnh, (có bao nhiêu thì nói) phạm tội Đột Kiết La, tôi nay tự trách tâm tôi, và ăn năn tội lỗi. (nói một lần).

BỘ TƯ PHẦN GIỚI BỐN NHƯ THÍCH

(HẾT QUYỂN MƯỜI MỘT)

PHỤ CHÚ :

Tỳ Kheo cũng gọi là Bí Sô. Bí Sô là tên thứ cô có năm tính đức : 1/ Thể tính nhu nhuyễn. 2/ Đủ sức bò lan khắp. 3/ Mùi thơm nghe xa. 4/ Hay chữa lành các chứng đau nhức. 5/ Không sợ ánh nắng mặt trời.

Dụ thầy Tỳ Kheo có năm tính đức tùy nghiệp tính chúng sinh mà hóa độ tất cả không trái ý một người nào nhưng không bị một người nào lôi cuốn ngài được, đủ đức tính Từ Bi Hỷ Xả.

LUẬT TƯ PHÂN GIỚI BỐN NHƯ THÍCH

QUYỂN MƯỜI HAI

Đời nhà Minh, đất Quảng Châu,
thầy Sa môn Thích Hoàng Tân,
hiệu Tại Tham (dịch).

8.- DIỆT TRÁNH PHÁP (chia làm ba)

- a/ Nêu chung
- b/ Chia riêng
- c/ Kết hỏi

a/ NÊU CHUNG

CHÍNH VĂN : Thừa chú Đại đức, đây là 7 pháp Diệt tránh, mỗi nửa tháng tụng, trong giới kinh rút ra. Nếu Tỳ Kheo có xảy ra việc rầy rà liền phải trừ dứt.

CHÚ GIẢI : Bảy pháp Diệt tránh là gì ? Nghĩa là : Tỳ Kheo có xảy ra bốn việc rầy rà, phải dùng 7 pháp này, đúng như pháp, đúng như luật, đúng như lời Phật dạy mà trừ diệt đó, cho nên gọi là 7 pháp Diệt tránh. Có bốn cách rầy rà : 1.- Lời nói rầy rà. 2.- Tìm lỗi rầy rà. 3.- Phạm tội rầy rà. 4.- Việc rầy rà.

Sao gọi là lời nói rầy rà ? Nghĩa là : Tỳ Kheo với Tỳ Kheo tranh luận rầy rà dẫn đến 18 việc : pháp, phi pháp, cho đến đáng nói, không nói v.v...

nếu dùng sự tương như đây, nói năng rầy nhau, đó gọi là ngôn tránh.

Sao gọi là tìm tội rầy rà ? Nghĩa là : Tỳ Kheo này cùng Tỳ Kheo khác tìm tội gây ra 3 việc : phá giới, phá chính kiến, phá oai nghi, thấy, nghe, nghi, thế gọi là tìm tội rầy rà.

Sao gọi là phạm tội tương rầy rà ? Nghĩa là : phạm 7 thứ tội : 1.- Ba La Di. 2.- Tăng tàng. 3.- Ba Dật Đề. 4.- Hối quá pháp. 5.- Thâu Lan Giá. 6.- Ác tác. 7.- Ác thuyết. Đó gọi là phạm tội rầy rà.⁽¹⁾

Sao gọi là việc rầy rà ? Nghĩa là : trong lời nói rầy rà đó mà kéo ra, trong cái việc tìm lỗi rầy rà mà bươi móc ra, trong việc phạm tội rầy rà mà khêu vạch ra, thế là việc rầy rà (*sự tránh*). Thân phạm gọi là tội Ác tác, khẩu phạm gọi là tội Ác thuyết.

b/ CHIA RIÊNG

Pháp thứ nhất

HIỆN TIÊN DIỆT TRÁNH

CHÍNH VĂN : Đáng cho phép Tỳ Ni có mặt thì cho phép Tỳ Ni có mặt.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, ông Ca Lưu Đà Di, cùng với phái Lục quần tắm dưới sông, tắm rồi lên trước mặc lộn y của bọn Lục quần mà đi, bọn Lục quần khi tắm rồi lên bờ thấy mất y, bèn nói ông Ca Lưu Đà Di trộm y đi rồi, vì ông Ca Lưu Đà Di không có ở đó, mà mấy ông làm phép Yết Ma

⁽¹⁾ 5 Thiên, thêm 6 Ác tác và 7 Ác thuyết là Thất tụ.

diệt tẩn. Phật nói : – Không có tâm gian trộm không phạm, nhưng không nên không nhìn cho kỹ cái y của mình mà mặc, cũng không nên người không có mặt ở đó, mà làm phép Yết Ma diệt tẩn và làm phép Yết Ma y chỉ, với làm phép Yết Ma ngăn không đến nhà người bạch y, làm phép Yết Ma cử tội, làm phép Yết Ma diệt tẩn, nếu cưỡng làm, thì phép Yết Ma ấy không thành, mà còn phạm tội Đột Kiết La.

Sao gọi là có mặt ? Là pháp, Tỳ Ni, người, chúng Tăng, giới.

Sao gọi là pháp hiện tiền có mặt ? Nghĩa là : đưa pháp ra giữa đôi bên, phán đoán để dứt rầy vậy.

Sao gọi là Tỳ Ni có mặt ? Nghĩa là : đưa giới luật ra giữa đôi bên để phán đoán dứt rầy vậy.

Sao gọi là người có mặt ? Nghĩa là : lời lẽ hỏi đáp qua lại vậy.

Sao gọi là chúng Tăng có mặt ? Nghĩa là : chúng Tăng đồng làm phép Yết Ma hòa hiệp nhóm một chỗ, ai không đến thì nhắn gửi, đặng cho chúng Tăng hiện tiền, đáng quở mà không quở vậy.

Sao gọi là giới hiện tiền ? Nghĩa là : phép Yết Ma ở tại trong giới đó, kiết làm giới hạn vậy.

Nếu việc rầy rà đã dứt rồi, lại bươi móc ra nữa, thì phạm tội Đọa. Nếu Tỳ Kheo kia đến sau mà Tỳ Kheo đó mới thọ giới, tức là việc mới rầy, lại bươi móc ra nữa, và có dự dục rồi, sau lại ăn năn cũng

bằng cách : **a) Không đến gần và không lễ bái, b) Không thưa hỏi, c) Không cúng dường,** ba pháp Yết Ma này mà thôi.

Phép thứ hai ỨC NIỆM DIỆT TRÁNH

CHÍNH VĂN : *Đáng cho pháp Tỳ Ni nhớ nghĩ, sẽ cho pháp Tỳ Ni nhớ nghĩ.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại thành Vương Xá, ông Ma La Tử không phạm tội trọng, các Tỳ Kheo đều nói ông phạm tội đó, hỏi rằng : ông có nhớ phạm tội trọng không ?... Ông Ma La Tử không nhớ có phạm tội, bèn đáp rằng : tôi không nhớ phạm tội trọng như thế, các Trưởng lão đừng cật hỏi tôi lắm, mà các Tỳ Kheo cứ cố tâm cật hỏi không thôi, Phật dạy chúng Tăng bạch tứ Yết Ma, làm phép Tỳ Ni nhớ nghĩ, ông Ma La Tử phải đến giữa chúng Tăng xin rằng :

Thưa Đại đức Tăng lắng nghe, tôi là Ma La Tử Tỳ Kheo, không phạm tội trọng mà các Tỳ Kheo nói tôi phạm tội trọng, tội Ba La Di, tội Tăng tàng, tội Thâu Lan Giá. Các Tỳ Kheo hỏi tôi rằng : ông nhớ có phạm không ?... Tôi không nhớ tôi có phạm tội trọng, tôi đáp rằng : “Tôi không nhớ phạm tội trọng như thế, các Trưởng lão đừng nên cật vấn tôi hoài hoài, mà các Tỳ Kheo cố tâm cật vấn mãi không thôi, tôi nay không nhớ nghĩ. Tôi nay tới chúng Tăng xin phép Tỳ Ni nhớ nghĩ, xin chúng Tăng cho tôi phép Tỳ Ni nhớ nghĩ, xin thương xót tôi” (nói ba lần).

Như thế ba lần xin rồi, chúng Tăng phải vì ông bạch tứ Yết Ma mà cho phép (*phép Yết Ma cứ theo lời xin mà làm*).

Sao gọi là phép Tỳ Ni nhớ nghĩ ? Tỳ Kheo kia phạm tội này, đều không nên cử tội, không nên làm phép Yết Ma nhớ nghĩ. Nếu việc rầy đó đúng như pháp dứt rồi, sau còn khởi nữa, thì phạm tội Đọa, theo như văn trước, nên biết.

Phụ văn : Do các Tỳ Kheo thường thường khiến cho ông kia nhớ nghĩ không thôi, cho nên Phật dạy, cho làm phép Tỳ Ni nhớ nghĩ, và khiến cho các Tỳ Kheo không nên hỏi nữa.

Tát Bà Đa Luận nói : “Đây là giữ gìn pháp Tỳ Ni, các Tỳ Kheo không nên xả tội ông kia và cũng không nên làm phép cho ông nhớ nghĩ”.

Phép thứ ba BẤT SI DIỆT TRÁNH

CHÍNH VĂN : *Đáng cho phép Tỳ Ni bất si, sẽ cho phép Tỳ Ni bất si.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại thành Vương Xá, ông Nan Đề Tỳ Kheo tâm loạn cuồng si, phạm nhiều tội lỗi, sau khi tỉnh tâm các Tỳ Kheo cất hỏi hoài. Phật dạy cho chúng Tăng làm phép Tỳ Ni bất si bạch tứ Yết Ma, ông Nan Đề Tỳ Kheo nên đến giữa chúng Tăng xin rằng :

“Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, tôi Tỳ Kheo Nan Đề khi trước bị tâm loạn, cuồng si, phạm nhiều tội lỗi, qua lại ra vào, không thuận theo oai nghi sau

lại tâm định tĩnh. các Tỳ Kheo hỏi rằng : “Ông có nhớ ông phạm tội trọng không ?”. Tôi đáp rằng : “Trước khi tâm loạn cuồng si, phạm nhiều tội lỗi, qua lại ra vào, không thuận theo oai nghi, nhưng chẳng phải tôi cố làm thiệt là tâm điên cuồng vậy, các Trưởng lão không nên thường thường nạn hỏi tôi mà các Tỳ Kheo cứ cố nạn không thôi. Tôi nay hết si, tới chúng Tăng xin phép Tỳ Ni bất si, xin chúng Tăng cho tôi phép Tỳ Ni bất si, xin thương xót tôi” (nói ba lần).

Như vậy nói ba lần rồi, chúng Tăng phải vì ông làm phép bạch tứ Yết Ma mà cho (cứ theo lời xin mà làm).

Sao gọi là pháp Tỳ Ni bất si ? Nghĩa là : Tỳ Kheo phạm tội này, đều không nên cử, cũng không nên làm phép nhờ nghĩ, nếu việc rầy này đúng như pháp dứt rồi, sau còn bước móc ra nữa, thì phạm tội Đọa đồng như giới trước, nên biết.

Tát Bà Đa Luận nói : “Đây là giữ gìn pháp Tỳ Ni”.

Phép thứ tư TỰ NÓI DIỆT TRÁNH

CHÍNH VĂN : Đáng cho phép tự nói mà trị, sẽ cho phép tự nói mà trị.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại thành Chiêm Bà, khi đó ngày rằm Bồ tát, chúng Tăng trước sau xoay quanh, có ông phạm tội ngồi ở trong chúng. Đầu đêm, giữa đêm và sau đêm đã qua, mà đức Thế Tôn vẫn ngồi im không tụng giới. Ông Mục Kiên Liên

dùng thiên nhân thấy biết, bèn nắm tay ông kia ra ngoài cửa. Phật nói không nên làm như vậy nữa, bảo ông kia thú tội, vậy sau rồi cho tội, không nên không tự thú tội, mà cho tội (*làm phép xả tội*).

Sao gọi là tự nói ? Nghĩa là : Phép thì ông kia phải tự nói danh tội, chủng tội, mà sám hối vậy.

Sao gọi là tự trị ? Nghĩa là : Bảo ông kia rằng : “Tự trách lấy tâm ông và sinh lòng nhàm chán vậy”. Nếu việc rầy này dứt rồi, còn khui ra nữa thì phạm tội Đọa, còn bao nhiêu đồng giải như văn trước.

Ngài Ưu Ba Ly bạch Phật rằng : “Phép tự nói mà trị, có được mỗi mỗi như pháp không ?”. Phật nói : “Không được mỗi mỗi đúng như pháp”. Vì sao ?

1.- Nếu Tỳ Kheo, không phạm tội đuổi, chúng Tăng không làm phép cử tội, cũng không làm phép nhớ nghĩ, mà ông tự nói ông phạm tội đuổi, các Tỳ Kheo bèn cho ông phạm tội đuổi mà trị, đó là phi pháp, tự nói mà trị.

2.- Nếu Tỳ Kheo, không phạm tội đuổi, chúng Tăng kia không làm phép cử tội, không làm phép nhớ nghĩ, ổng tự nói ổng phạm tội Tăng tàng, các Tỳ Kheo bèn làm phép cho ổng phạm tội Tăng tàng mà trị, đó là phi pháp, nhân đến ông tự nói ông phạm tội ác thuyết cũng như vậy. (*câu kế : Tội Tăng tàng làm đầu, cho đến câu ác thuyết làm đầu, mỗi mỗi lập câu cũng như vậy, lại dùng câu làm phép cử tội, câu làm phép nhớ nghĩ, mỗi mỗi câu cũng đồng như văn trước*).

3.- Nếu Tỳ Kheo, phạm tội tứ khí, mà chúng Tăng không làm phép cử tội, không làm phép nhớ nghĩ, ổng lại nói ổng phạm tội Tăng tàng, các Tỳ Kheo bèn cho ổng phạm tội Tăng tàng mà trị, đó là phi pháp, cho đến ổng tự nói ổng phạm tội ác thuyết cũng vậy.

4.- Nếu Tỳ Kheo, phạm tội Tăng tàng, chúng Tăng không làm phép cử tội và không làm phép nhớ nghĩ, mà ổng tự nói ổng phạm tội khí, các Tỳ Kheo liền cho ổng phạm tội khí rồi trị, đó là phi pháp.

5.- Nếu Tỳ Kheo, phạm tội Tăng tàng, chúng Tăng không làm phép cử tội và không làm phép nhớ nghĩ, mà ổng tự nói ổng phạm tội Đọa, các Tỳ Kheo bèn cho ổng phạm tội Đọa rồi trị, đó là phi pháp. Cho đến ổng nói ổng phạm tội ác thuyết, lẫn nhau làm câu đầu, cũng như vậy. (*làm phép cử làm phép nhớ nghĩ, lẫn nhau làm câu đầu, mỗi mỗi cũng đồng như trước*). Trái lại, như pháp tự nói mà trị.

Sao gọi là đúng như pháp tự nói mà trị ?

1.- Nếu Tỳ Kheo, phạm tội khí, chúng Tăng không làm phép cử, không làm phép nhớ nghĩ, ổng tự nói ổng phạm tội khí, các Tỳ Kheo bèn cho là ổng phạm tội khí rồi trị, đó là đúng như pháp, cho ổng tự nói mà trị, cho đến tội ác thuyết cũng lại như vậy.

2.- Nếu Tỳ Kheo, phạm tội khí, chúng Tăng làm phép cử tội, làm phép nhớ nghĩ, ổng tự nói ổng phạm tội khí, các Tỳ Kheo liền y lời ổng nói mà trị,

đó là như pháp và tự nói mà trị, cho đến ác thuyết cũng như vậy.

Phép thứ năm MÍCH TỘI DIỆT TRÁNH

CHÍNH VĂN : *Đáng cho phép tìm tướng tội, sẽ cho phép tìm tướng tội.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Thích Thị, ông Tượng Lực Tỳ Kheo ưa nghị luận, luận với ngoại đạo, gặp khi họ hỏi nghệt, rồi trước sau nói lời tự ngữ tương vi (nghĩa là lời ý trái nhau), khi ở giữa chúng Tăng hỏi, cũng nói như vậy, trước sau trả lời trái hẳn. Ở trong chúng cố ý nói vọng ngữ, bọn ngoại đạo chê cười, các Tỳ Kheo bạch Phật, Phật dạy chúng Tăng kết tội ông, bạch tứ Yết Ma nhóm chúng Tăng rồi cử tội, cử tội rồi làm phép nhớ nghĩ, làm phép nhớ nghĩ rồi, mới cho tội, vị làm Yết Ma bạch như vậy :

“Thưa Đại đức Tăng lắng nghe, Tỳ Kheo (*mỗ giáp*)... đây ưa nghị luận với kẻ ngoại đạo, gặp khi họ hỏi nghệt, trước sau nói lời trái nhau dầu ở giữa chúng Tăng hỏi trước sau cũng nói lời trái hẳn, lại ở trong chúng cố ý nói vọng ngữ.

Nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, xin chúng Tăng bằng lòng cho; chúng Tăng nay làm phép Yết Ma kết tội Tỳ Kheo Tượng Lực, vì ông Tượng Lực không lợi ích, không được tốt, ông gặp khi ngoại đạo hỏi nghệt, trước sau lời nói trái hẳn, dầu đến trong chúng Tăng hỏi cũng nói như vậy; ở trong chúng Tăng cố ý nói vọng ngữ. Bạch như vậy tác bạch

thành không ?” – Đồng đáp : “Thành”. (*Phép Yết Ma chuẩn theo lời bạch mà làm, làm phép Yết Ma rồi. Tỳ Kheo Tượng Lục phải hành 35 việc v.v...*). Chử Mịch tội tướng : – Cũng nói là kiết tội xử sở.

Sao gọi là tội xử sở ? ... – Nghĩa là Tỳ Kheo kia phạm tội này, cho làm phép cử tội, làm phép nhớ nghĩ như vậy.

Phụ văn : Căn Bản Luật nói : “Tìm tội trong tinh mình”.

Lặc Già Luận nói : “Thật tìm tội đó, trước phạm tội đã phát lộ, sau lại che giấu”.

Tất Bà Đa Luận nói : “Đây là lấy pháp Tỳ Ni mà bề dẹp”.

Phép thứ sáu ĐA NHÂN NGŨ DIỆT TRÁNH

CHÍNH VĂN : Đáng cho nhiều người tìm tướng tội, sẽ cho nhiều người tìm tướng tội.

CHÚ GIẢI : Nếu các Tỳ Kheo hiện tiền có xảy ra việc rầy rà không dứt được, thì phải cùng thầy Tỳ Kheo thông hiểu kinh luật bỏ thăm dứt rầy, vì thế làm nhiều biểu ngữ vậy.

Khi ấy ở nước Xá Vệ, Tỳ Kheo cùng nhau rầy rà, chúng Tăng dùng đúng như pháp làm cho dứt rầy, Tỳ Kheo rầy kia không chịu cho chúng Tăng dứt rầy, bèn đến bạch Phật, Phật bèn nhóm chúng Tăng, quở trách ông ấy rồi, dạy chúng Tăng phải dứt việc rầy rà này, lấy phần nhiều người nói (nghĩa là

lấy phần nhiều người biết pháp luật) cho bỏ thăm, bạch nhị Yết Ma.

Có 5 phép không nên sai người bỏ thăm :

1. - Là người thương
2. - Người giận
3. - Người sợ
4. - Người si
5. - Người không biết ai kia bỏ thăm rồi hay chưa bỏ thăm.

Trái lại như trên, nên sai. Có 3 pháp bỏ thăm:

1.- Bỏ trước mặt. 2.- Bỏ thăm kín. 3.- Kê lỗ tai nói.

Sao gọi là bỏ thăm trước mặt ? Nghĩa là : Trong chúng tuy nhiều thầy Tỷ Kheo phi pháp, nhưng bậc Nhị sư kia đều đúng pháp, lại là bậc Thượng Tọa, bậc Trí nhân trí ba tạng kinh điển, đều nói đúng pháp cần phải bỏ thăm trước mặt, nên làm hai thứ thăm : 1.- Lá rách. 2.- Lá lành.

Phải làm phép bạch như vậy : Ai nói mà đúng như pháp thì bắt lá thăm không rách, ai nói lời không đúng như pháp, thời bắt lá thăm rách. Giao như vậy rồi bỏ thăm. Sau khi khai thăm thì người đúng như pháp nhiều hơn. Thượng Tọa kia phải làm phép bạch nói lời như vậy : “Chấm dứt chuyện rầy rà”. Trái lại, nếu người đúng như pháp ít quá thì nên tác lễ rồi đứng dậy đi, về chùa sai người đáng tin, qua chỗ các Tỷ Kheo khác ở, bạch rằng : “Chỗ ở kia phần nhiều Tỷ Kheo sai phép. Hay thay Trưởng lão ! Nên qua đến nhóm Tỷ Kheo; nếu Tỷ Kheo kia, nếu

Tỳ Kheo phần nhiều nói đúng như pháp chấm dứt việc rầy, thì công đức của Trưởng lão nhiều lắm, Tỳ Kheo đó nghe chịu đi thì thôi, bằng không đi phải đúng như pháp mà trị”.

Sao gọi là bỏ thăm kín ? Nghĩa là : trong chúng phần nhiều Tỳ Kheo đúng pháp, nhưng bậc Nhị sư kia và bậc Thượng Tọa lại không đúng pháp, nếu bỏ thăm trước mặt sợ các Tỳ Kheo vị tinh bậc Nhị sư, Thượng Tọa v.v... đó bắt thăm, nên bỏ thăm kín.

Sao gọi là bỏ thăm kê tai nói ? Nghĩa là : trong chúng tuy phần nhiều Tỳ Kheo đúng pháp, nhưng bậc Nhị sư kia bằng nhau, mà nói phi pháp, nên bỏ thăm bằng kê tai nói. Khi bỏ thăm, phải ngồi thưa thưa cách khoảng lọt một thân người che khuất một chút; Tỳ Kheo kia giỡn tai nói, bảo rằng: - Hòa Thượng của các ông đã bắt thăm, lành thay, ông cũng phải bắt thăm, xin thương xót ! Nếu phần nhiều Tỳ Kheo đúng pháp, việc rầy được dứt thì được công đức nhiều, bỏ thăm rồi ngồi lại một phía đếm thăm. Nếu việc rầy đúng như pháp dứt rồi, sau còn khởi lại, và ông sau mới đến, và ông mới thọ giới, ông mới rầy mà phát khởi đó, ông gửi dục rồi sau trách đó, đều phạm tội Đọa.

Có 10 điều bỏ thăm không đúng pháp :

- 1) Không hiểu cách bỏ
- 2) Không chịu đồng bỏ cho ông đúng pháp
- 3) Phần nhiều muốn bỏ cho người sai pháp
- 4) Biết Tỳ Kheo sai pháp phần nhiều bỏ thăm
- 5) Muốn cho chúng Tăng phá Tăng, nên cố bỏ

- 6) Biết chúng Tăng bỏ thăm phá Tăng, nên cố bỏ.
- 7) Bỏ phi pháp
- 8) Bỏ riêng chúng
- 9) Vi phạm tội nhỏ nên cố bỏ
- 10) Không đúng như chỗ thấy mà cố bỏ, nghĩa là : Thấy khác nhận khác vậy.

Trái lại trên đó, là 10 điều bỏ thăm đúng pháp.

Phụ văn : Thập Tụng Luật nói : dạy làm thăm dài ngắn trắng đen, thăm nói đúng pháp dùng tay bên hữu cầm thăm, thăm nói không đúng pháp dùng tay bên tả cầm thăm. Thăm nói đúng pháp cầm chậm, thăm nói phi pháp cầm lẹ, bỏ thăm nói đúng pháp trước, bỏ thăm nói phi pháp sau, hết thấy chúng Tăng phải hòa hiệp một chỗ, không cho thuyết dục.

Tăng Kỳ Luật nói : Nếu thăm phi pháp cho đến nhiều hơn một thăm, không nên nói nhiều người phi pháp, ít người đúng pháp, phải làm phép phương tiện v.v... rồi đứng dậy.

Nếu muốn ăn, trước đến đó, phải bảo ông kia (*ông phi pháp*) ăn trước, nếu sau khi ăn, khi tắm, khi nói pháp, khi nói luật, tùy nên bảo đó, nếu ông phi pháp biết nói chúng tôi được hơn (*đắc thắng*), vì chúng tôi cho nên giải giới đứng dậy, cần yên ngồi ở đây, quyết đoán các việc này. Bấy giờ bên tịnh xá có cốc nhỏ không trùng thì nên dạy ông tịnh nhân, phóng lửa rồi la lên rằng : Lửa cháy ! Lửa cháy ! Tức thì chúng Tăng chạy cứu lửa, mới tìm người bạn đúng pháp.

Tát Bà Đa Luận nói : “Câu đa mịch Tỳ Ni” đây tức là tìm nhiều nhân duyên phán đoán, nên gọi là mịch Tỳ Ni.

Phép thứ bảy THẢO PHÚ ĐỊA DIỆT TRÁNH

CHÍNH VĂN : *Đáng cho như cỏ che đất, sẽ cho như cỏ che đất.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, các Tỳ Kheo rầy rà với nhau, nhiều người phạm giới, chẳng phải phép của hàng Sa môn cũng làm, cũng nói, ra vào không chừng. Sau các Tỳ Kheo đề nghị như vậy : Bọn ta lại hỏi, hoặc có thể làm cho việc rầy rà này càng lừng lẫy trải qua nhiều năm tháng, không được như pháp dứt trừ làm cho chúng Tăng không được an vui, vì lẽ đó mới bạch Phật. Phật nói : Phải dứt việc rầy rà này, như cỏ phủ đất, trong một chúng kia, có thầy Tỳ Kheo trí huệ kham nổi, từ tòa đứng dậy, đắp y bày vai bên hữu, đầu gối bên hữu chấm đất, chấp tay nói lời như vậy :

Thưa chư vị Trưởng lão, sự rầy rà của chúng tôi đây, có phạm nhiều lỗi, sai phép của thầy Sa môn, nói không chừng không đối, ra vào qua lại không thuận oai nghi. Nếu chúng tôi tìm xét việc này, sợ có phạm lần tới trọng tội, không được như pháp, như luật, như lời Phật dạy, dứt việc rầy rà này, khiến cho các Tỳ Kheo không được vui vẻ ở yên. Nếu các Trưởng lão bằng lòng thì tôi nay vì các Trưởng lão làm phép như cỏ che đất, và sám hối tội

này. Ở trong chúng ông thứ hai cũng nói như vậy, các Tỷ Kheo kia phải tác bạch cũng như vậy :

Thưa Đại đức Tăng lắng nghe, nếu chúng Tăng phải thời đốn, chúng Tăng bằng lòng cho chúng Tăng nay vì việc rầy này, làm phép như cỏ che đất và sám hối.

Bạch như vậy tác bạch thành không ? – Toàn chúng (*nếu xét được*) chấp tay nói : “Thành”. Làm phép bạch rồi, kế đó làm phép như cỏ che đất và sám hối; trong chúng này cử một ông trí tuệ và rành phép bạch, từ chỗ ngồi đứng dậy đầu gối bên hữu chাম đất, chấp tay đảy lời bạch như vậy :

Thưa các Trưởng lão, tôi nay vì các việc rầy này, đã phạm tội lỗi, trừ tội trọng ra, làm phép Yết Ma ngăn không cho đến nhà bạch y. Nếu các Trưởng lão cho, tôi vì các Trưởng lão và tôi, làm phép sám hối như cỏ che đất.

Ông thứ hai cũng nói như vậy (*Đây là phạm rầy rà do hai pháp dứt mà dứt*). Nghĩa là : “Phép Tỷ Ni có mặt, và phép như cỏ che đất” chớ không dùng phép “tự nói mà trị”.

Sao gọi là phép như cỏ che đất ? Nghĩa là : Không xưng nói danh tội, chủng tội, mà sám hối đó vậy, nếu việc rầy dứt rồi, sau còn khui ra nữa thì phạm tội Đọa.

Phụ văn : Thập Tụng Luật nói : Cỏ che đất có hai ý nghĩa :

1.- Khởi rầy rà hoài. người rầy cũng nhiều, việc đó càng ngày càng đông, xét nguồn gốc khó mà biết mối manh được. Phạt dạy phép trái cỏ trừ dứt.

Dụ như : Cỏ mọc loạn, khó mà sửa trị được, bò loạn cho đến thành cỏ hoang.

2,- Phải nhờ đến bậc Thượng Tọa có đức khuyên dỗ các ông rầy đó, bảo hai chúng đối diện với nhau, tọa cụ lót bốn phía xin sám hối, hai chúng đó, mỗi chúng đều có phe giúp cho nên dạy mỗi chúng ở riêng một chỗ.

Ngũ Phần Luật nói : Tỳ Kheo rầy rà kia, phải đi đến trong chúng Tăng đắp y bày vai bên hữu, quỳ gối tự trần việc của mình xin phép sám hối như cỏ che đất; ba lần xin rồi, đều đưa tay rời gót chân ngó thầy Yết Ma, nhất tâm lắng nghe, để lãnh thọ pháp Yết Ma, kia mới vì ông bạch tử Yết Ma, đó gọi là phép Tỳ Ni có mặt, phép như cỏ che đất, dứt tội phạm rầy.

Sao gọi là phép như cỏ che đất ? Nghĩa là : Các Tỳ Kheo kia không còn nói gốc rầy, chúng Tăng cũng không hỏi cội gốc đó nữa.

Tỳ Ni Mẫu kinh nói : Nếu Tỳ Kheo rầy nhau, muốn trừ dứt tội đó thì trước đồng sám hối tội rầy, như cỏ phủ trên bùn, cho người đi qua khỏi lấm bùn nhau, hòa hiệp sám hối, phủ trên ác được sinh thiện, sau rồi mới sám hối tội phạm giới vậy.

Luật Nhiếp nói : Nếu kia đây làm hai phe cùng nhau so đo điều chấp tri kiến của mình, ỷ cậy sinh tâm khinh mạn, có Tỳ Kheo tài đức, ở giữa hai phe,

đều bảo dứt rầy, cùng nhau sám tạ nói sám hối tội đó, dấy tâm hạ mình, đừng chống chỏi với nhau, dùng phép như cỏ trái đất, mà trừ dứt vậy.

c/ KẾT HỎI.

CHÍNH VĂN : *Thưa chư Đại đức, tôi đã nói 7 pháp dứt rầy rồi. Nay xin hỏi chư Đại đức trong đây được thanh tịnh không ? (3 lần). Thưa chư Đại đức trong đây thanh tịnh vì im lặng, thì việc này rõ như vậy.*

CHÚ GIẢI : Trước đã mỗi mỗi riêng giải giới tướng, nay sẽ tóm nói rõ phép trừ dứt, trong bốn việc rầy :

Sao gọi là diệt trừ ? Ông kia nói rầy, dùng hai phép Tỳ Ni này mà diệt, nghĩa là “phép hiện tiền” và “phép nhiều người nói” (*đồng như trong pháp thứ sáu nói*). Hoặc dùng một pháp dứt mà dứt, nghĩa là phép Tỳ Ni có mặt.

Sao gọi là phải ư ? Hoặc một Tỳ Kheo, vì một Tỳ Kheo có mặt khéo lời dạy, đúng phép, đúng luật, đúng như lời Phật dạy bảo rằng :

Thầy phải làm đúng pháp, đúng luật, đúng như lời Phật dạy, đành chịu tội đó, như thế việc rầy này mới được dứt, đó là ngôn tránh, do một pháp dứt mà dứt.

Nếu một Tỳ Kheo vì hai ba Tỳ Kheo, và cả chúng Tăng, cũng lại như vậy, cho đến cả chúng Tăng, vì một, hai, ba Tỳ Kheo, và cả chúng Tăng cũng khuyên như vậy.

Nếu Tỳ Kheo ưa rầy kia không bằng lòng chịu chúng Tăng làm phép dứt trừ như vậy, nghe chỗ khác có ông Tăng tốt, vị Thượng Tọa tốt có trí huệ, chịu đi đến chỗ đó, hoặc nửa đường hay tin họ đúng như pháp, đúng như luật, đúng như lời Phật dạy, dứt được rồi thì cũng là ngôn tránh dùng một pháp dứt mà dứt; nếu đi nửa đường không hay tin đúng như pháp mà dứt thì đến trong chúng Tăng kia, đối trước vị Thượng Tọa nói lời như vậy :

Tôi vì việc rầy này phải khởi ra như thế, thật do như thế nên mới khởi ra, chúng Tăng phải dứt việc rầy này, nhưng tôi không bằng lòng, cho nên tôi mới đi đến Trưởng lão, hay thay Trưởng lão vì tôi mà làm đúng pháp, đúng luật, đúng như lời Phật dạy, mà dứt việc rầy này cho, nếu Trưởng lão có thể vì chúng tôi dứt việc rầy này, thì chúng tôi sẽ đối trước Trưởng lão xả việc rầy này; nếu Trưởng lão không thể đúng như pháp, đúng như luật, đúng như lời Phật dạy, dứt trừ, để chúng tôi tự do gây mãi, càng kết thêm tội sâu nặng, các Tỳ Kheo nương ở không được an vui.

Tỳ Kheo rầy kia nên làm thế này : Đối trước chúng Tăng xả việc rầy đó, chúng Tăng đây cũng phải bảo ông kia rằng :

Trưởng lão ! Việc này rất có phải như vậy mà khởi, có đúng như thật nhân đó mà khởi ư ! Bằng chúng Tăng kia dẹp được sự rầy nếu nói chắc chắn, thì chúng tôi nên lượng xét, có thể dứt được việc rầy này chăng ?

Nếu ngài nói không thật, thì việc rầy này càng ngày càng thêm phi pháp, phi luật, phi lời Phật dạy, việc rầy này không dứt được, các Tỷ Kheo cũng không được yên vui mà ở, nếu chúng Tăng kia bằng lòng nhận lời ông rầy kia thưa như vậy rồi, nên quyết đoán việc này : nếu người rầy kia là bậc hạ tọa, thì nên bảo rằng :

Đại đức ra ngoài một chút, chúng tôi cùng nhau phán đoán việc này, đúng như pháp, đúng như luật, đúng như lời Phật dạy. Nếu ông rầy là bậc Thượng Tọa, chúng Tăng phải tự lánh ra ngoài, đến chỗ khác cùng nhau phán đoán.

Chúng Tăng nghĩ như vậy : nếu chúng ta ở trước chúng Tăng mà phán đoán việc này, sợ còn có nhiều chuyện khác xảy ra khiến cho hai bên phải quấy, cãi lầy nhau không rồi, chúng ta thà nên cùng với các ông trí huệ nhóm riêng một chỗ mà phán đoán, thì nên dấy lời bạch rằng :

Thưa Đại đức Tăng lắng nghe, nếu chúng Tăng đến giờ, xin chúng Tăng bằng lòng cho, chúng Tăng nay nhóm các ông trí huệ, để cùng nhau phán đoán các việc, bạch như vậy, bạch rồi, đồng cùng nhau phán đoán.

Có 10 pháp, việc phán đoán nên sai khác :

- 1) Ông giữ giới thanh tịnh
- 2) Ông đa văn
- 3) Ông tụng lâu hai bộ luật
- 4) Ông rộng nói các nghĩa

- 5) Ông nói năng khéo léo, luật biện rành rẽ, kham được việc vấn đáp, khiến cho kia vui vẻ.
- 6) Nếu việc rầy xảy ra thì dứt được
- 7) Không thương
- 8) Không giận
- 9) Không sợ
- 10) Không si

Trong các Tỳ Kheo đoán việc, có ông không thuộc giới, có ông không biết giới luật, bèn bỏ chính pháp, nói lời phi pháp, hoặc có ông thuộc giới, có ông không thuộc giới luật mà lại bỏ chính pháp nói những lời lẽ mọn mạy, hay có ông pháp sư, bỏ chính pháp, dùng lời cưỡng thuyết, chúng Tăng đều phải làm lời bạch, đuổi ông ra; nếu thuộc giới luật, thuận theo chính pháp, nói lời đúng pháp, chúng Tăng nên để ông giúp việc.

Nếu ông Tăng kia không đúng pháp, đúng luật, đúng lời Phật dạy, mà dứt việc rầy đó, nay chúng Tăng phải đúng pháp, đúng luật, đúng lời Phật dạy mà dứt, nếu chúng Tăng kia đúng như pháp mà dứt, và chúng Tăng ở đây cũng bằng lòng việc này, chúng Tăng nên nói với Tỳ Kheo rầy kia rằng :

Nếu chúng Tăng kia đúng pháp, đúng luật, đúng lời Phật dạy dứt việc này, chúng tôi cũng bằng lòng việc ấy. Như pháp đã dứt rầy, nay chúng tôi phải làm phép dứt rầy đúng như thế, bằng làm vậy thì được dứt rầy, ấy là phép ngôn tránh, dùng một pháp dứt mà dứt, nếu đã như pháp dứt rồi, sau còn khởi ra nữa thì phạm tội Đọa.

Nếu Tỳ Kheo rầy kia, không bằng lòng chúng Tăng thứ hai làm như vậy mà dứt. Nghe ông kia ở chỗ nào có chúng Tăng Tỳ Kheo đông, thật hành kinh luật luận, đến chỗ kia, hoặc ở giữa đường mà dứt, nếu ở giữa đường không dứt được, phải đến chỗ các Tỳ Kheo trì pháp, trì luật kia mà thưa rằng :

Thưa Trưởng lão, cái việc rầy của tôi đây, nhân như vậy mà khởi, thật do như vậy mà khởi, còn chúng Tăng làm như vậy mà dứt, chúng Tăng thứ hai cũng làm như vậy mà dứt, nhưng tôi không bằng lòng cho nên nay mới đến chỗ Trưởng lão, hay thay Trưởng lão ! Hãy vì tôi mà làm đúng pháp, đúng luật, đúng lời Phật dạy, dứt giùm việc rầy này, thì tôi sẽ ở chỗ Trưởng lão mà xả việc này vậy.

Nếu Trưởng lão không thể không đúng pháp, đúng luật, đúng lời Phật dạy mà dứt, thì chúng tôi tự do rầy mãi, càng ngày càng kết thêm tội lỗi, các Tỳ Kheo không được an vui yên ở. Ông kia phải đối trước chúng Tỳ Kheo đông nhiều mà xả việc này. Chúng Tỳ Kheo đông nhiều cũng phải nói với Tỳ Kheo kia rằng :

Trưởng lão việc rầy này, đúng thật chỗ sở nhân nói mà khởi như lời chúng Tăng thứ hai dứt, nói chắc chắn xả rầy, chúng tôi sẽ lượng xét có thể dứt được việc rầy này chăng ? Nếu không nói như thật thì việc rầy này mặc dầu rầy mãi, càng ngày càng sinh nhiều tội lỗi các Tỳ Kheo không được ở yên vui vẻ.

Tỳ Kheo đông nhiều phải dấy lời như vậy, lãnh việc rầy, lãnh việc rồi thì quyết đoán : ông rầy kia

nếu là bậc hạ tọa hay là bậc Thượng Tọa, phải như vãn trước “đuổi” và “lánh”. Nếu chúng Tăng thứ nhất không như pháp, như luật, như lời Phật dạy mà dứt, chúng Tăng thứ hai cũng không như pháp mà dứt, chúng Tỳ Kheo đông nhiều (*thứ ba*) phải đúng như pháp mà dứt. Nếu chúng Tăng thứ nhất và chúng Tăng thứ hai đúng như pháp mà dứt. Tỳ Kheo đông nhiều kia cũng phải bằng lòng việc ấy, phải nói với Tỳ Kheo rầy rằng : Như chúng Tăng kia dứt rầy : chúng tôi cũng bằng lòng, nay sẽ làm như vậy mà dứt, đó là ngôn tránh dùng một pháp dứt mà dứt. Nếu như pháp dứt rồi, mà còn khởi ra nữa, thì phạm tội Đọa.

(*Như đi đến chỗ Tỳ Kheo đông nhiều đông thật hành kinh luật luận hay là đến Tỳ Kheo thứ hai. Tỳ Kheo thứ nhất cùng trì kinh, luật, luận cũng như vậy*). Còn pháp Mịch tránh đây dùng bốn pháp Tỳ Ni mà dứt, nghĩa là : phép hiện tiền, phép nhớ nghĩ, hoặc phép hiện tiền, phép bất si hoặc phép hiện, phép tội xử sở.

Sao gọi là pháp hiện tiền và phép nhớ nghĩ ?

Nghĩa là : Tỳ Kheo này không phạm tội trọng, mà các Tỳ Kheo kia đều nói ông phạm tội trọng cật hỏi không thôi, ông kia tới chúng Tăng xin phép nhớ nghĩ. Chúng Tăng bạch bốn lần Yết Ma làm phép nhớ nghĩ cho ông. Có ba việc phi pháp cho phép Tỳ Ni nhớ nghĩ :

1.- Nếu Tỳ Kheo phạm tội trọng, các Tỳ Kheo đều nói ông phạm tội đó, cật hỏi không thôi, nên

ông tới chúng Tăng xin phép nhớ nghĩ, nếu chúng Tăng cho đó tức là phi pháp.

2.- Nếu Tỳ Kheo có phạm tội trọng, các Tỳ Kheo hỏi rằng : ông có nhớ ông phạm tội trọng không ? Đáp : Tôi nhớ tôi không phạm tội trọng, tôi nhớ tôi phạm tội khinh, tôi sẽ như pháp sám hối dừng gạn hỏi tôi hoài, ông kia tới chúng Tăng xin phép nhớ nghĩ, nếu chúng Tăng cho đó là phi pháp.

3.- Nếu Tỳ Kheo phạm tội trọng, khi các Tỳ Kheo hỏi, ông đáp rằng : Tôi không nhớ phạm tội trọng, tôi nhớ tôi phạm tội khinh, tôi đã đúng như pháp sám hối, các Tỳ Kheo cật hỏi không thôi, ông kia tới chúng Tăng xin phép nhớ nghĩ; nếu chúng Tăng cho đó tức là phi pháp (*trái lại như trên, tức là ba món đúng pháp*).

Lại có năm món không đúng pháp nữa, cho phép Tỳ Ni nhớ nghĩ :

- 1.- Ông đó không có mặt
- 2.- Ông đó không tự nói
- 3.- Ông đó không thanh tịnh
- 4.- Ông đó phi pháp
- 5.- Ông đó riêng chúng.

(*Trái lại trên tức là năm món đúng pháp*).

Sao gọi là phép hiện tiền bất si ? Nghĩa là : Tỳ Kheo đó tâm cuồng si phạm nhiều tội lỗi, khi tỉnh lại, các Tỳ Kheo đều nói : Ông phạm tội trọng, cật hỏi không thôi, Phật dạy chúng Tăng kia bạch tử Yết Ma, cho ông phép Tỳ Ni bất si. Có ba việc phi pháp cho phép Tỳ Ni bất si :

Nếu Tỳ Kheo không si, mà giả đò si, phạm nhiều tội lỗi, các Tỳ Kheo cất hỏi không thôi, ông kia tới chúng Tăng xin phép bắt si, nếu chúng Tăng cho, tức là phi pháp.

Đây là câu ban đầu, câu thứ hai cũng đồng như thế, cho đến chính như tôi nhớ phạm các tội, như người làm việc ở trong chiêm bao v.v... Câu thứ ba cũng đồng chính là nói tôi phạm các tội, như người từ trên cao rớt xuống, bấu nắm chút đỉnh vật, tôi cũng như thế. Trái lại như trên, tức là ba việc như pháp; (*còn năm việc cho phi pháp và năm việc đúng như pháp đều đồng như giới trước*).

Vì sao gọi là pháp hiện tiền cần phải trị ?

Nghĩa là : Tỳ Kheo ưa luận nghĩa, khi luận với kẻ ngoại đạo, nhấn đến luận ở trong chúng Tăng mà cố nói vọng, chúng Tăng phải trị tội ông đó, bạch tử Yết Ma. Có ba việc phi pháp cho phép Tỳ Ni cử tội :

- 1.- Là không làm phép cử tội
- 2.- Không nghĩ
- 3.- Không làm phép tự nói

Lại có ba việc nữa :

- 1.- Là không phạm
- 2.- Là phạm tội không còn sám hối được
- 3.- Hoặc phạm tội đã sám hối

Lại có ba việc phi pháp :

- 1.- Không có mặt
- 2.- Làm phi pháp
- 3.- Làm riêng chúng

(Trái lại trên là ba việc như pháp)

Lại nữa có năm việc phi pháp :

- 1.- Không có mặt
- 2.- Không phép tự nói
- 3.- Không thanh tịnh
- 4.- Làm sai phép
- 5.- Làm việc riêng chung.

(Trái lại trên đây là năm việc đúng pháp)

Đây là phép mịch tránh, dùng bốn phép Tỳ Ni mà dứt. Như phép đã dứt rồi, mà còn khởi ra nữa, thì phạm tội Đọa, còn người phạm tội rầy rà, dùng ba phép Tỳ Ni mà dứt, nghĩa là : phép có mặt, phép tự nói mà trị, hoặc phép có mặt và như cỏ che đất mà trị v.v...

Sao gọi là pháp có mặt và pháp tự nói mà trị ? Nếu Tỳ Kheo phạm tội, muốn đối trước một Tỳ Kheo mà sám hối, phải đến chỗ một Tỳ Kheo thanh tịnh, đắp y bày vai bên hữu hoặc là vị Thượng Tọa, lễ dưới chân, rồi đầu gối bên hữu quỳ chầm đất, chắp tay phát lồ danh tội, chủng tội, như vậy bạch rằng :

Thưa Trưởng lão một lòng thương tưởng, tôi Tỳ Kheo... có phạm tội... tới Trưởng lão cầu xin sám hối, không dám che giấu, nhẫn đến nhờ tôi thanh tịnh giới thân cụ túc, thanh tịnh Bồ tát (*lời quả trách và lập thế đồng như văn trước, nên biết*)

Trong đây pháp hiện tiền (*có mặt*), đúng như pháp, luật v.v... đồng như văn trước. Người có mặt ?

– Là ông thọ lãnh sám hối vậy. Việc rầy dứt rồi mà còn khởi ra nữa, thì phạm tội Đọa, trừ thọ dục rồi, còn bao nhiêu đồng như vẫn trước.

Nếu muốn ở hai bên thấy Tỳ Kheo sám hối thì phải đến chỗ hai thầy Tỳ Kheo thanh tịnh, như vẫn trên, phải đủ oai nghi phát lồ danh tội, chửi tội mà sám hối (*pháp sám đồng như trước*). Ông bị sám phải trước hỏi ông đệ nhị Tăng rằng : “Nếu Trưởng lão cho tôi thọ Tỳ Kheo (*mỗ giáp*) sám hối, thì tôi sẽ thọ”. Tỳ Kheo đệ nhị phải đáp rằng : “Được”.

Nếu muốn ở một bên ba thầy Tỳ Kheo mà sám hối, ông bị sám phải hỏi hai Tỳ Kheo kia, hứa khả rồi, mới thọ sám. Nếu muốn ở trong chúng Tăng mà sám hối, thì phải đến trong chúng Tăng, đắp y bày vai bên hữu bỏ guốc, lễ dưới chân chúng Tăng, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay bạch rằng :

“Thưa Đại đức Tăng lắng nghe, tôi Tỳ Kheo (*mỗ giáp*)... có phạm ... nay đối trước chúng Tăng cầu xin sám hối” (*nói ba lần*). Ông bị sám phải làm phép bạch, rồi sau mới thọ làm ông chủ sám, bạch rằng :

“Thưa Đại đức Tăng lắng nghe, Tỳ Kheo (*mỗ giáp*) kia có phạm tội... nay đối trước chúng Tăng cầu xin sám hối, nếu chúng Tăng phải thời đến, chúng Tăng bằng lòng cho tôi thọ Tỳ Kheo (*mỗ giáp*) sám hối”. Bạch như vậy rồi thọ làm ông chủ sám, nhãn đến quả trách, lập thế đồng như vẫn trước. Như pháp dứt rầy rà, sau còn khởi ra nữa, thì phạm tội Đọa.

Sao gọi là pháp có mặt và pháp như cỏ che đất ?... – Như trong pháp thứ bảy nói : – Ông đó phạm rầy rà dùng ba pháp Tỳ Ni mà dứt. **Còn việc rầy rà ?** – Là dùng tất cả pháp Tỳ Ni mà dứt. Tùy phạm tội chi...

PHẬT DẠY

Nếu Tỳ Kheo nào giữ đủ 22 hạnh như đây, thời biết người đó là xử đoán công bình :

- 1) Giữ đủ 250 giới.
- 2) Đa văn
- 3) Thông Tạng Luận
- 4) Hiểu Tạng Luật
- 5) Không gây với ai
- 6) Cũng không nề việc đó (gây)
- 7) Đáng quở thì quở, vậy sau mới yên ở
- 8) Đáng dạy thì dạy, vậy sau mới ở yên
- 9) Đáng diệt tận thời diệt tận, vậy sau mới yên ở.
- 10) Không thương bên này
- 11) Không ghét bên nọ
- 12) Không sợ bên kia
- 13) Không si mê bên khác
- 14) Không ăn đồ ẩm thực của phái bộ bên này
- 15) Cũng chẳng thọ đồ ẩm thực của phái bộ bên kia.

- 16) Không thọ y, bát, tọa cụ, ống kim của phái bộ bên này.
- 17) Cũng chẳng thọ y, bát, tọa cụ, ống kim của phái bộ bên kia.
- 18) Không cung cấp phái bộ bên này.
- 19) Cũng chẳng cung cấp phái bộ bên kia.
- 20) Không chung với phái bộ bên này cùng đi vào làng.
- 21) Cũng chẳng cùng chung với phái bộ bên kia đi vào làng.
- 22) Không hứa hẹn với phái bộ bên này và cũng chẳng đến phái bộ bên kia, đến sau thì ngồi sau (*không chấp tướng địa vị*).

Phụ văn : Luận Mục Đắc Ca nói : Có hai ông Tỳ Kheo cùng nhau ngánh nghịch, kiếm đủ thứ chuyện quái lạ để gây kinh, rồi đi chê bai lẫn nhau. Trong hai ông ấy ta nên tin ông trì giới.

- Nếu cả hai ông trì giới, ta nên tin ông đa văn.
- Nếu cả hai ông đồng đa văn, ta nên tin ông thiếu dục.
- Nếu cả hai ông đồng thiếu dục, ta nên tin ông cực thiếu dục.
- Nếu cả hai ông đồng cực thiếu dục, mà sinh tâm ngánh nghịch chỉ trích nhau, thì không có lý.

KẾT LỜI KHUYÊN HỒI HƯƠNG

(Phân làm bốn)

1. Tóm kết tiền tướng
2. Khuyến học các pháp
3. Bày đức Phật nói giới kinh
4. Kết lời tụng hồi hương.

1.- TÓM KẾT TIỀN TƯỚNG

CHÍNH VĂN : Thừa chư Đại đức, tôi đã nói lời tựa giới kinh, đã nói bốn pháp Ba La Di, đã nói 13 pháp Tăng già Bà Thi Sa, đã nói hai pháp bất định, đã nói 30 pháp Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề, đã nói 90 pháp Ba Dật Đề, đã nói 4 pháp Ba La Đề Đề Xá Ni, đã nói 100 pháp Chúng học, đã nói 7 pháp Diệt tránh. Đây là lời Phật nói, thường nửa tháng tụng một lần, trong giới kinh rút ra.

CHÚ GIẢI : Ý kết trong đây, vì muốn cho biết giới tụ thứ lớp lại muốn nói rõ, lời lẽ không có sai sót, câu nghĩa đều đủ, 8 tụ đã xong, 250 giới trọn vậy. Đây là lời Phật nói, chứng cứ rõ ràng, chớ chẳng phải tôi (Hoàng Tán) bịa đặt, cũng chẳng phải người khác nói. Người khác là : như vị Pháp sư, Luật sư, hàng Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát vậy. Trong giới kinh rút ra đã chẳng phải người khác nói, mà cũng chẳng phải trong kinh khác rút ra.

2.- KHUYẾN HỌC CÁC PHÁP

CHÍNH VĂN : Nếu còn có những pháp Phật dạy, trong đó đều đồng hòa hiệp, cần nên học.

CHÚ GIẢI : Còn có những pháp Phật dạy ?

Nghĩa là : ở trong những pháp kiến độ, đức Như Lai chế ra những pháp học, và tất cả tạng kinh, tạng luật, các pháp định huệ nhờ pháp này hay vượt khỏi cõi khổ mà thẳng đến cõi Niết bàn vậy.

Trong đây là gì ? Nghĩa là : chẳng những 250 giới pháp. hòa hiệp đồng tu mà thôi. Trong các pháp này đều phải hòa hiệp đồng học.

Hòa hiệp ? Nghĩa là : vui vẻ đồng học một thầy, không rầy rà, không sinh tâm tà kiến, như nước và sữa pha chung nhau.

Cần nên học ? Nghĩa là : là chính việc này thầy Tỳ Kheo cần nên học chớ sinh tâm buông lung, phải cần tu tập.

Tu đa la ? Là tạng kinh, thuộc về định học.

A Tỳ Đàm ? Là tạng luận, thuộc về huệ học.

3.- BẢY ĐỨC PHẬT LƯỢC NÓI GIỚI KINH

CHÍNH VĂN : *Nhẫn nhục là đạo thứ nhất, Phật nói vô vi tội, xuất gia khuấy rối người, không gọi là Sa môn.*

Đây là Phật Tỳ Bà Thi Như Lai vô sở trước chính giác nói trong giới kinh.

CHÚ GIẢI : Trong tâm mình hay yên ổn, nhẫn nại thì cảnh ở bên ngoài không làm ô nhục mình được, gọi là nhẫn nhục. Nhẫn nhục có hai món : 1.- Sinh nhẫn. 2.- Pháp nhẫn.

Sinh nhân có hai : 1.- Là đối trong cảnh thuận cung kính cúng dường nhân được không dính mắc thì không sinh tâm lung lảng. 2.- Là đối trong cảnh nghịch, giận, mắng, đánh giết, nhân được, thì không sinh tâm buồn giận, oán ghét, ấy là sinh nhân.

Pháp nhân cũng có hai : 1.- Là phi tâm phi pháp, nghĩa là : lạnh, nóng, gió, mưa, đói, khát, già, bệnh, chết v.v... 2.- Là tâm pháp : nghĩa là : đối sân, giận, lo rầu nghi nan, dâm dục, kiêu căng, các tà kiến v.v... Nếu đối với hai pháp này mà nhân được không động, đó gọi là pháp nhân.

Lại dùng chính huệ quan sát sinh nhân và pháp nhân : tính không thì nhục từ đâu mà có, quán vô thường, khổ, không, vô ngã, thì ai mà nhân đó... Bây giờ cái nhục và cái nhân đã không, lý vô sinh hiện bày, bèn chứng được lý viên tịch, vì nhân nhục này là nẻo tắt cõi Niết bàn viên tịch, cho nên gọi là đạo thứ nhất.

Vô vi ? Tức là Niết bàn, lặng vậy thường vắng, không có tạo tác, nó vượt khỏi những cảnh giới hữu vi, và vòng sinh tử không còn là pháp nào hơn pháp này, nên gọi là tốt.

Sa môn ? Là nghĩa tịch tịnh, bản cựu dịch là : Cần hành : nghĩa là cần tu chứng quả Niết bàn vậy. Hoặc dịch là : cần tức. Cần ? Nghĩa là : cần tu đạo nghiệp. Tức ? Nghĩa là : dứt dũ làm lành.

Cho nên trong kinh A Hàm nói : bỏ lia việc ân ái, xuất gia tu hành, đóng chặt sáu căn, không nhiễm ngoài ngũ dục, tâm thương tất cả, không chõ

hại ai, gặp vui không mừng, gặp khổ không buồn, nhẫn được như đất, nên đặt hiệu là Sa môn. Nếu người xuất gia không tu hành nhẫn nhục, mà trở báo oán người ta thì trái hẳn với đạo quả Niết bàn vô tránh, đâu xứng là hạnh cần tức, hạnh nếu không còn xứng được, thời chẳng phải là Sa môn, muốn được đạo thứ nhất, thì không hại người ta, nếu muốn vui vẻ về cõi vô vi, phải đủ pháp Sa môn.

Chữ nhẫn nhục là cái nhẫn ra khỏi đời, chữ vô vi là cái quả ra khỏi đời. Nào hại người ta là cái nhân sinh tử, chẳng phải hạnh Sa môn, là cái quả sinh tử; lành dữ trọn bày, tịnh uế đều mở, ai là người trí được như con nga vương lựa sữa, chọn điều lành vâng làm, không trái với hạnh Sa môn, cái hạnh đã tốt bậc, thì cái quả vượt khỏi cõi trời Hữu đánh (*cõi trời Cútu Cánh, ở cõi Sắc giới*) vậy.

Nếu căn cứ trong bộ Căn bản : khi đức Phật Tỳ Bà Thi ra đời, các chúng đệ tử ngài, và các ngoại đạo tà sư, hay ưa khổ hạnh tu thân, quấy cầu quả vui. Bấy giờ Phật vì phá cái chấp ấy, vì các ông đệ tử nói lời lược giáo này :

“Nhẫn nhục là trên các bậc cần năng hay chứng quả Niết bàn, người xuất gia mà nào hại người ta, không gọi là Sa môn”. Nói chữ nhẫn là trên các bậc tinh cần, không do mình khổ thân, mà chứng thẳng quả Niết bàn, lại chính xét pháp nhẫn, do vì hiểu rõ các pháp, trọn được quả Niết bàn, không do khổ thân, mà chứng ngộ được, lại vì ngăn các bọn ngoài đạo tà kiến xuất gia kia, vọng nói pháp lạ, dạy dỗ người ta khổ thân vô ích, biểu đồng

làm theo mình, mình và người đều làm, rốt cuộc rồi không được quả chi; cho nên nói người xuất gia mà nào hại người ta, không gọi là Sa môn.

(Bên nước Ấn Độ, có 96 phái ngoại đạo xuất gia đều xưng hiệu là Sa môn, chỉ có đệ tử của đức Như Lai, biệt hiệu là Thích Ca Sa môn).

Vô sở trước đấng chính giác ? Nghĩa là : Khi đức Như Lai chứng quả Niết bàn, dứt hết tất cả tâm phiền não, khiến cho thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp thanh tịnh không còn nhiễm ô, không còn dính mắc nên gọi là vô sở trước. Dùng tất cả pháp bình đẳng, khai ngộ cho tất cả chúng sinh, thành bậc vô thượng giác, nên hiệu là chính đấng giác.

CHÍNH VẤN : *Thí như người mắt sáng hay tránh đường hiểm ác, đời có người thông minh, hay xa lìa các điều dữ. Đây là lời của đức Thi Khí Như Lai vô sở trước đấng chính giác nói trong giới kinh.*

CHÚ GIẢI : Dụ như người mắt sáng, không tới những đường hiểm nạn, đều đến chỗ yên ổn. Nếu trong đời có người thông minh trí huệ, thì biết đường nào phải, và đường nào không phải.

Đường không phải ? Là con đường hiểm trong sáu thú. **Còn đường phải ?** Là con đường Bát chính đạo bằng thẳng. **Đường hiểm ?** Do tâm không lành gây nên. **Đường bằng ?** Là do nhân thẳng huệ mới đến. Nếu phải lánh xa các nhân ác, chuyên tu quả xuất thế, đều đến chỗ Niết bàn an ổn thường vui.

CHÍNH VẤN : *Đừng chê cũng đừng ghét, vâng giữ theo giới pháp; ăn uống biết vừa đủ, thường ưa chỗ*

vắng lặng, tâm định ưa tinh tấn là lời chư Phật dạy. Đây là lời của đức Phật Tỳ Diệp La Như Lai vô sở trước đẳng chính giác nói trong giới kinh.

CHÚ GIẢI : Chê : Thuộc về khẩu nghiệp gây tội. **Ghét :** Thuộc về ý nghiệp gây tội, muốn khỏi hai lỗi này, vâng giữ theo giới pháp giới tịnh thì ba nghiệp đều không, thì khẩu nghiệp và ý nghiệp do nơi đâu mà có được, vì muốn giữ trọn tịnh giới, nên bảo đừng chê, cũng đừng ghét vậy.

Ăn uống : Thuộc về cái miệng. **Thường ưa muốn :** Thuộc về cái ý. Biết đủ thì dứt vọng tâm dong ruổi tìm cầu, ở chỗ vắng lặng thì các vọng niệm đều yên, lại làm sao tâm không định, vì muốn thành tựu pháp định, nên dạy biết đủ, và ở chỗ vắng lặng, trí huệ sinh ra thì dứt vọng hoặc, cho nên nói tâm định ưa tinh tiến.

Vắng lặng ? Là chỗ A Lan Nhã, vắng vẻ, nường ở đó mà cần tu các pháp định, chắc được chứng quả Niết bàn. Ba đời đức Như Lai đã đồng đi con đường này, nay đem dạy các đệ tử, cho nên nói : là lời chư Phật dạy. Phật Tỳ Diệp La, tức là Phật Tỳ Xá Phù, như lời giải trước.

CHÍNH VẤN : Ví như ong hút hoa, không mất màu và thơm; chỉ lấy vị bay đi; Tỳ Kheo vào làng xóm, không trái ngăn việc người, chẳng xem làm cũng chẳng làm, chỉ quán thân hạnh mình được chính hay không chính. Đây là lời của đức Phật Câu Lưu Tôn Như Lai vô sở trước đẳng chính giác nói trong giới kinh.

CHÚ GIẢI : Ví như ong hút hoa, chỉ lấy chất vị mà đi chớ không tổn sắc và hương của hoa; Tỳ Kheo vào làng khát thực cũng thế, không trái việc người ? Nghĩa là : Tỳ Kheo xin ăn, vừa được nuôi thân để hành đạo, tùy người thí chủ mà lãnh thọ, đừng vì tham lăm mà trái tâm người kia, hư lòng tin kính của họ, chính như con ong lấy mật, không mất màu và thơm của hoa vậy.

Chẳng xem làm, cùng chẳng làm ? Nghĩa là : đã không trái tâm người, cũng đừng xem chỗ đặc thất của người, mà loạn thân tâm, hai chỗ chứng ngộ của mình.

Quán thân hạnh mình ? Nghĩa là : chỉ xét mình, nếu mình không lỗi thì thân ắt được vững, có lỗi thì hạnh không chính, nên nói chỉ quán thân hạnh mình, được chính hay không chính.

CHÍNH VĂN : *Tâm chớ để buông lung, pháp thánh phải cần học, như vậy hết lo râu, tâm định vào Niết bàn. Đây là lời của đức Phật Câu Na Hàm vô sở trước đấng chính giác nói trong giới kinh.*

CHÚ GIẢI : Do không buông lung, nên hay cần học pháp Thánh, do học đạo Thánh nên dứt hết được các việc lo râu lăm lạp, nên tâm được định, do vì được định, mới thẳng tới quả Niết bàn. Niết bàn, Trung Hoa dịch là : Tịch diệt, văn đây ý nói : Biết Khổ, đoạn Tập, tu Đạo, chứng Diệt vậy.

Nếu để tâm buông lung, gây các nhân ác tập, thì cảm lấy quả khổ lo râu, nếu không tu Đạo, thì làm sao thấy rõ được chỗ chứng diệt, tuy được tâm

định, nhưng tâm phiền não vọng hoặc chưa hết, luân chuyển trong ba cõi, đâu khỏi cái khổ lo rầu ư ? !

CHÍNH VĂN : *Tất cả việc ác đừng làm, vâng làm các việc lành, trong sạch ý chí mình, là phép chư Phật dạy. Đây là lời của đức Phật Ca Diếp Như Lai vô sở trước đấng chính giác nói trong giới kinh.*

CHÚ GIẢI : **Tất cả ác ?** Tức là thân khẩu 7 chi, trái hẳn về Tịnh, giá hai tội. **Các việc lành ?** Là không trái Tịnh tội Giá tội, do đó mà nó ngăn tội thô ác về thân khẩu ở cõi Dục giới kia, nhưng mà tội vi tế chưa dứt, không được vượt khỏi cảnh Dục giới, chưa được xưng là lành. Đã tự mình giới Thi la trong sạch, cái chí khí ở chốn thiền môn, chuyên tu năm pháp thiền, thì cõi Sắc giới, thân tử đại thanh tịnh, tự hiện trong thân, thi nhân đó theo thứ lớp mới được căn bản tử thiền, sinh ra đủ thứ công đức chỉ làm tốt đẹp, ấy là cái nhân vượt khỏi lưới dục, quả ở cõi Sắc giới mới xưng là thiện.

Tự tịnh nơi ý chí mình ? Nghĩa là : Nhân pháp Thiền định, phát chân trí huệ vô lậu, phá hết những tâm tà đạo, dứt hoặc hư vọng, dẹp hết tâm cấu, sạch cả bợn nhơ, gương tâm chiếu rõ cùng các pháp, đều không thể kể được, cho nên nói trong sạch ý chí mình.

Biển pháp tuy rộng, nhưng ba pháp này thu hết, ba đời đức Như Lai, tùy căn cơ mà lợi người, không khác nơi đây; cho nên nói là lời chư Phật dạy, (chữ chi lâm ấy, cõi sơ thiên có 5 chi : 1/ Giác. 2/ Quán. 3/ Hỷ. 4/ Lạc. 5/ Nhất tâm).

Côi nhị thiên có 4 chi : 1/ Nội tịnh. 2/ Hỷ. 3/ Lạc. 4/ Nhất tâm.

Côi tam thiên có 5 chi : 1/ Xả. 2/ Niệm. 3/ Huệ. 4/ Lạc. 5/ Nhất tâm.

Côi tứ thiên có 4 chi : 1/ Không khổ không vui. 2/ Xả. 3/ Niệm. 4/ Nhất tâm. Rõ như chỗ khác có giải.

CHÍNH VĂN : *Khéo giữ gìn nơi lời nói, tự tịnh trong ý chí mình, thân đừng làm các việc ác, ba đường nghiệp đều thanh tịnh, hay làm được như vậy, ấy là đạo bậc Đại Tiên. Đây là lời của đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai vô sở trước đặng chính giác trong 12 năm, vì các ông vô sự Tăng nói ra giới kinh này, từ đây sắp về sau rộng nói phân biệt. Các Tỳ Kheo tự ưa giáo pháp, ưa làm Sa môn, biết hổ biết thẹn, ưa học giới nên học trong đây.*

CHÚ GIẢI : Chư Phật ra đời, quán cơ trong ba cõi lập giới pháp không có nhất định, đức Thích Tôn ra đời, trong cõi ngũ trược này, người phần nhiều ưa đấu tranh, không hộ nơi miệng và lời nói, và tâm nhớ cấu trọc, dầu nó không hiện nơi cảnh, nhưng mà nó trử trong tâm chất chồng nhiều lớp, một khi tâm ưa muốn móng lên ra làm thân nghiệp không lành, cho nên đức Như Lai dạy rằng : Dừng thứ lớp, ngừa trước khi chưa móng. Lại nữa chúng Tăng nhờ tu pháp Lục hòa làm quý, nên phải lấy giới hòa làm đầu, nếu có thể khéo giữ thân, khẩu, ý ba nghiệp được thanh tịnh như thế, đều tịnh nơi ý nghiệp, ý nghiệp không khởi, thì thân nghiệp, không làm được

vậy, thì ba đường nghiệp tịnh, tịnh hạnh được như thế, tức là đạo của đấng Như Lai đại tiên vậy.

Như Lai là Trời trong hàng Trời, Tiên ở trong hàng Tiên, lớn trong loài người, cho nên nói bậc đại tiên vậy.

Tăng vô sự ? Nghĩa là các bậc La Hán, các lậu đã dứt rồi, phạm hạnh đã nên, việc làm đã xong hết, cho nên nói là vô sự.

Đức Như Lai thành bậc chính giác rồi, trong 12 năm đầu chưa sinh pháp hữu lậu, chỉ vì chư A La Hán chúng Tăng vô sự, mà nói lời lược giáo này, ông chưa chứng quả A La Hán, thì nên học giới đây; tịnh được ba nghiệp rồi, thì liền chứng ngộ. Ngoài 12 năm sau lần lần sinh ra pháp hữu lậu; Phật bèn rộng kiết 250 giới pháp, phân biệt có giới tướng, khinh, trọng, khai, giá, trì, phạm.

Có lời hỏi rằng : “Vi sao đức Thế Tôn không ngay đó mà chế giới để đợi người phạm, vậy sau mới kiết giới ư ?”.

Đáp rằng : “Đức Như Lai khi mới thành bậc chính giác, 250 giới pháp đã định rồi, nhưng vì căn tính của chúng sinh, nên chưa kham chế liền, cho nên tùy phạm một giới nào, ghi vào giới ấy”.

Nên Văn Thù Văn kinh nói : Ông Văn Thù bạch Phật rằng : Thưa đức Thế Tôn, đời sau có người tà kiến, sẽ chê báng Phật, họ nói lời như vậy: Nếu cho đức Như Lai là bậc Nhất Thế Trí, cơ sao đợi chúng sinh phạm tội, vậy sau mới chế giới ư ! ?

Phật bảo Văn Thù : “Như thế mới là Nhất Thế Tri chớ, nếu ta nghịch chế giới, họ sẽ chê ta, vì cỡ gì tôi chưa phạm tội, mà ngài cưỡng chế, ấy là không phải bậc Nhất Thế Tri, vì cỡ sao, tôi không lỗi, đức Như Lai không có tâm tử bi, không lợi ích, không bảo hộ cho chúng sinh, như người không có con mà nói có con, biết đời nào sẽ sinh, mà nói như vậy tức là lời nói suông làm sao mà tin được, vì sao ? Vì nói không chân thật vậy, nếu thật có con, thì tôi mới sinh tâm tin. Như thế đó Văn Thù, họ chưa phạm tội, cõi trời cõi người họ chưa thấy phạm, làm sao mà nghịch chế giới, cần yếu họ phải thấy tội, sau mới chế giới chớ”.

Lại nữa, trong Thiện Kiến Luật Phật nói : “Người chưa có lỗi mà đức Như Lai kiết giới, chúng sinh họ sinh lòng chê báng nói các đệ tử của ngài là dòng quý phái, hoặc là ngôi vua, bỏ ngọc ngà châu báu cung điện, xa lánh quyến thuộc vợ con, không tiếc thân mạng, đều là bậc tri túc, ở trong đời không có chỗ trông cầu, làm sao mà Thái tử Cù Đàm, lại dưng giới Ba La Đề Mộc Xoa buộc đó, thiệt Cù Đàm chưa từng biết người đời như vậy”. Nếu ta kiết giới trước thì người đời nói ý quyền cậy thế, rồi họ không sinh tâm kính trọng. Thí như ông thầy thuốc chưa từng trị bệnh, thấy người mới ướm ướm sinh ghê, tuy có ghê nọc nhưng mà chưa lở lớn, bèn phá đi, máu ra lai láng, chịu đau đớn rất khổ sở, lấy thuốc thoa vào ghê bèn lành lại liền, thầy thuốc nói: “Tôi vì trị bệnh các ông, các ông phải cho tôi tiền”.

Bấy giờ người bệnh đáp rằng : “Thầy thuốc si này, nếu thật tôi bệnh thì ông nên vì tôi trị, tôi vốn không bệnh, mà ông cưỡng phá cho thịt tôi chảy máu, thiệt là đau đớn khổ sở, rồi trở lại đòi tiền tôi, đâu không phải cưỡng ư ?”. Trong hàng đệ tử Thanh Văn, cũng in như vậy.

Nếu ta kiết giới trước, chỉ cho khỏi họ sinh lòng chê bai và chửi lại : “Vốn tôi vô tội mà ngài lại cưỡng kiết giới cấm”. Vì thế, nên đức Như Lai không kiết giới trước. Nếu ai có phạm, khi ấy Như Lai sẽ vì đệ tử mà kiết giới chỉ bày giới Ba La Đề Mộc Xoa.

Sở dĩ đem giới Ba La Đề Mộc Xoa ra, ví như ông lương y cho thuốc nhằm bệnh, làm cho bệnh nhân được lành, bấy giờ thầy thuốc sẽ được phần thưởng rất to. Lại được người khen ngợi, chính là ông thầy thuốc hay, khéo trị bệnh tôi, Như Lai cũng lại như vậy, tùy phạm mà chế giới vui vẻ vâng làm, không có lời thán oán.

Cho nên trong Luật bốn, Xá Lợi Phát bạch Phật rằng : “Cúi xin Đại Thánh kiết giới cho các Tỷ Kheo, vì thuyết giới cho các tu phạm hạnh chính pháp mới được lâu còn”. Phật nói : Xá Lợi Phát thôi đi, Phật chính biết thời, vì sao vậy ? Trong các Tỷ Kheo chưa có ai phạm phép hữu lậu, nếu có phạm phép hữu lậu rồi, vậy sau mới vì kiết giới, khiến cho dứt pháp hữu lậu kia. Xá Lợi Phát ! Tỷ Kheo cho đến chưa được lợi dưỡng danh vọng và người quen biết đa văn, cho đến gia nghiệp tài sản nhiều. Nếu đã được lợi dưỡng, danh khen, cho đến tài sản nhiều, bèn sinh ra pháp hữu lậu, khi sinh pháp hữu

lậu rồi, vậy sau đức Thế Tôn sẽ vì đó mà kiết giới cho dứt pháp hữu lậu vậy.

Hỏi rằng : “Làm sao mà phép hữu lậu sinh ra. Phần nhiều phái Lục quần, mặc dầu cố làm mà chỉ vô tâm phạm ư?”. Đáp rằng : “Phái Lục quần Tỳ Kheo chính là bậc Đại thừa Bồ Tát quyền hiện, thông hiểu Phật giáo, trong làm ruộng cật cho pháp môn, ngoài thì làm đại hộ cho Phật giáo, chẳng phải tâm lượng của người phạm mà bàn xét được đâu”.

Đời nay có hạng người ngu, không thuộc giáo pháp, lung ý tạo tội, tâm không biết hổ thẹn, lại nói khi Phật ở đời, bọn Lục quần cũng phạm như ai, chẳng phải riêng có mình tôi ở đời này mà thôi, đâu biết bậc hiền xưa, chính vì người ở đời sau mà mở đạo, mà trở lại cho những vị hiền xưa là quấy. Than ôi ! Chính pháp đã muốn hết vậy, phần nhiều người hay giải đãi, phước mỏng huệ ít, không kham nổi giáo pháp của đức Như Lai, trái lại sinh tâm chê báng, gây đủ thứ nghiệp, cho nên trong kinh Bách Dụ nói : “Người đời không hiểu Phật là ngôi Pháp vương, vì chúng sinh cho nên dùng đủ thứ phương tiện, hiện đủ điều thiếu kém, bèn sinh lòng hủy báng, bất chước chỗ không phải, do vì lẽ đó, ở trong Phật pháp, hằng mất giống lành, đọa trong ba đường ác”.

Phương Đăng Đại Văn kinh nói : “Ông Đề Bà Đạt Đa, hay mở bày cho người, khiến cho a tăng kỳ vô lượng chúng sinh, an trụ trong thiện căn, ông Đề Bà Đạt Đa, sở hữu cảnh giới, thật chẳng phải bậc Thanh Văn, bậc Duyên Giác biết được đâu, phái Lục

quần Tỳ Kheo, cũng là bậc Đại Bồ Tát, cùng nhau đồng làm với ông Đề Bà Đạt Đa, rõ ràng không còn gì nghi ngại, phải biết người đó, thật là chân Phật đệ tử, công đức của Phật hai phần, cũng lãnh được một phần: được một con mắt của Phật, được nửa thân mình của Phật. Nếu nói chỗ xấu của ông Đề Bà Đạt Đa, là người phá hoại trong chúng Tăng đấy, phải biết đó là phương tiện khéo vậy”.

Minh vì ưa pháp, ưa làm Sa môn ? Pháp : là nhân quả của hàng Sa môn, nếu nhân không làm, thì quả không do đâu mà được.

Người đời nay không học pháp Sa môn, mà xưng là Sa môn thật là lảm lảm vậy, mà lại muốn được quả Sa môn, cách đó càng xa. Hoặc có người nói : tôi không phải vì tôi; ôi ! Nếu mình chưa hiểu, mà muốn thông hiểu cho người, thì cũng như mình rớt trong biển cả, mà muốn cứu người chết chìm, đâu khỏi hai người đều chết đấy ư !

Hoặc họ nói : sẵn có pháp Đại thừa, đâu có dùng pháp Tiểu thừa làm chi, đó là người chưa thông pháp Đại thừa, nên mới nói lời này. Như nói bọn người là bậc Đại thừa Bồ Tát, nào lại bày cái hạnh nhỏ ? – Đâu lại không biết họ mình họ người, chính là bản ý của Bồ Tát và tâm rộng lớn của bậc Đại sĩ, một chút lành không bỏ; huống nữa Đại thừa Tiểu thừa chung đường, đều quy về nghĩa đế thứ nhất, trau dồi cái thân vạn đức, đâu nên xả độ ư ?

Xét rõ kinh luật đại thừa, chỉ quả hàng Thanh Văn tự độ đó là tiểu tâm, chằng phải trách hàng

Thanh Văn nghiêm giữ các giới hạnh. Đại thừa Tiểu thừa gồm tu, tính giới giá giới đều giữ, mới thuận cái bản ý giải thoát, không trái lời dạy của đức Từ Tôn.

Cho nên trên hộ Bát Nhã, nói các vị Bồ Tát tu hạnh Bát Nhã Ba La Mật : Phải khéo tu mà hiểu biết tất cả các oai nghi, giới hạnh của hàng Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát; nếu thấy những vị oai nghi không xứng đấy, ta liền phải lánh xa, nếu mà có vị Sa môn giới hạnh oai nghi, thì phải nương gần.

Bảo Tích kinh nói : Bồ Tát nếu suy nghĩ như vậy : “Pháp này rất cao, pháp kia rất thấp, pháp kia trong sạch, pháp kia ế nhiễm, pháp này là pháp của chư Phật, pháp kia là pháp của Duyên Giác, pháp này là pháp của Thanh Văn, đây là pháp nên làm, đây là pháp không nên làm, đây là pháp sâu rộng, đây là pháp cạn cợt, đó gọi là người Tăng thượng mạn (*thêm lớn lòng ngā mạn*).

Lại Bồ Tát Giới Bổn kinh nói : Nếu Đại thừa Bồ Tát chấp như thế, nói lời như vậy : “Bồ Tát không nên nghe kinh pháp của hàng Thanh Văn không nên thọ, không nên học, Bồ Tát đâu còn dùng pháp Thanh Văn làm chi, đó là người phạm ở trong nhiều chỗ phạm”.

Nội Pháp truyện nói : “Nếu lễ các vị Bồ Tát, tụng kinh Đại thừa, gọi là người Đại thừa, không làm việc này, kêu là Tiểu thừa, chỗ nói Đại thừa không qua hai pháp :

- 1.- Là pháp trung pháp quán
- 2.- Là pháp Du Đà.

Pháp trung quán là gì ? Là tục đế, thì có, mà chân như thì không, cái thể nó trống không và như huyễn.

Pháp Du Đà là gì ? Là ngoài cái trống không, trong thời có tất cả muôn sự toàn là duy thức”.

Ấy cũng nói lời Phật dạy, quán như thế thì có chi phải, có chi quấy; đồng khế hiệp với lý Niết bàn, nào chân nào ngụy, ý ở chỗ dứt phiền não vọng hoặc, cứu giúp chúng sinh, đâu muốn rộng để lãng xãng mà càng kết thêm sự chìm đắm : làm y đó thì đồng về cõi Phật, trái bỏ thì đều chìm ở biển sinh tử.

Ở bên Ấn Độ, Đại thừa Tiểu thừa gồm tu, lý không trái nghịch, đã chưa có con mắt huệ, đâu soi được chỗ phải quấy, mặc dầu quen đâu tu đó, xin đừng nhọc ở nơi hai mình (*phân biệt Đại, Tiểu*). Như trên đã nói, mình phải suy nghĩ lại, đừng mượn chỗ khác mà nói lầm.

Có hổ, có thẹn, ưa học giới là gì ? Mình không làm tội gọi là người biết hổ; không dạy người làm. Gọi là người biết thẹn. Đối với các việc ác mình tự hổ, gọi đó là người biết hổ, đối với việc ác thẹn với người khác, gọi là người biết thẹn. Trong đời nếu không ai biết hai pháp hổ và thẹn, trái bỏ tất cả điều thanh tịnh của đạo Thánh, cứ theo con đường hiểm : sinh, già, bệnh, chết. Nên trong Đại kinh nói : Chư Phật Thế Tôn thường nói lời này : “Có hai pháp trong sạch hay cứu chúng sinh :

1.- Là biết hổ.

2.- Là biết thẹn

Biết hổ là mình không gây tội, biết thẹn là không xúi người khác gây tội. Hổ đó là tự hổ trong tâm, thẹn đó là nó bày lộ ra trước người”.

Lại có hai người trí :

- 1.- Là không tạo các điều ác.
- 2.- Là có phạm biết sám hối, ăn năn.

Cũng có hai hạng người ngu :

- 1.- Là cứ gây tội ác mãi
- 2.- Có lỗi phạm lại che giấu.

Giới Ba La Đề Mộc Xoa này đây, chẳng phải không người biết hổ thẹn, và người vô trí, mà có thể ưa tu học vậy.

Phải ở trong đây mà học ? Nghĩa là : Phải ở trong 250 giới Biệt giải thoát luật nghi đây và giới kinh của 7 đức Phật lược nói, gắng tu học tập được độ cái khổ : sinh, già, bệnh, chết.

Nếu mà không học, thì pháp tri, pháp phạm đều mờ, thì chi cho khỏi mang danh là á dương (*dē cam*), nếu giới vô tác đã không thời thể thấy Tỳ Kheo đâu còn, cho nên Đại thừa, Tiểu thừa, đều nhờ ba pháp học gây dựng mà giới là dạy trước, đồng tu năm phần, mà ba pháp học là mở đầu, sở dĩ hằng dùng tu học ba pháp ấy, mà chứng được quả năm phần pháp thân. Phải biết năm phần pháp thân, ba phần trước là từ cái nhân mà rõ đức, hai phần sau là bày công năng chỗ kết quả tốt, cái trí,⁽²⁾ và tập⁽³⁾

⁽²⁾ Tri đức

⁽³⁾ Đoạn đức. Nghĩa là : Dùng chính trí đoạn trừ tập khí.

đều dứt, gọi là giải thoát pháp thân, vô sinh trí rành rành tỏ soi, đó gọi là tri kiến bậc Bồ Tát gáp ở nơi dạy người, cho nên thêm ba pháp : Thí, Nhẫn, Tấn, dùng tu pháp Lục độ, còn hàng Thanh Văn, do độ phần mình, chỉ tu ba pháp học.

Cho nên trong Trí luận : Dùng pháp Lục độ, để làm pháp độ sinh, ba pháp học là pháp Niết bàn, tất cả pháp môn do học đó mà tới, ba pháp học không tu, thì quả Niết bàn không đường về, giới Mộc Xoa không giữ, thì định huệ không có nhân, đâu hay vượt khỏi tứ lưu,⁽⁴⁾ mà về cõi Phật ư !

4.- KẾT LỜI TỤNG HỒI HƯỚNG

(Cộng có 14 bài tụng, đều do người kết tập để vào, nay phân làm 6 mà giải).

CHÍNH VĂN : Người thông hay giữ giới, sẽ được ba điều vui : Tiếng khen và lợi dưỡng, chết được sinh cõi trời, phải xem như thế ấy, người trí gắng giữ giới, giới tịnh có trí huệ, bền được đạo thứ nhất.

⁽⁴⁾ Tứ lưu :

- 1) Kiến lưu : Là kiến hoặc trong ba cõi.
- 2) Dục lưu : Là tất cả các hoặc về cõi Dục giới chỉ trừ kiến hoặc và vô minh hoặc.
- 3) Hữu lưu : Là tất cả các hoặc hai cõi trên (Dục giới, Sắc giới) chỉ trừ kiến hoặc, vô minh hoặc. Chữ Hữu là nghĩa sinh tử nhân quả bất vong.
- 4) Vô minh lưu : Chính vô minh hoặc trong ba cõi, loài hữu linh do bốn pháp này mà trôi lăn trong ba cõi không dứt nên gọi là Lưu (như trong Khoa bản Phụ hành quyển 1 và quyển 3 có nói).

CHÚ GIẢI : Một bài tụng trước là nhân quả trong đời, một bài tụng sau là nhân quả ra khỏi đời, nói nhân quả trong đời để rõ nhân quả ra khỏi đời vậy.

Người thông là gì ? Là rõ thông các khổ trong ba đường “Khổ đế”, là cái nhân ác chiêu cảm “Tập đế”, cội vui nhân thiên “Đạo đế”, là do gây nghiệp lành đời lấy “Diệt đế”. Cho nên phải xả các nhân ác mà tu các pháp lành, giới là cội gốc các pháp lành, chính là người trí rõ thông mới giữ được, người ngu ám không thể biết quả báo lành dữ, thì đâu có thể giữ được.

Ba món vui là gì ? Tiếng khen và lợi dưỡng, là cái quả báo vui ở đời hiện tại; được sinh lên cõi trời, là cái quả báo vui ở đời vị lai. Tiếng : là danh tiếng. Khen : là khâm khen. Lợi dưỡng : tức là bốn món thánh (tứ sự) nghĩa là : người hay trì giới, thì giới đức được thơm tho, mười phương khắp đôn, trời người tán thán, ai ai cũng đều cúng dường vậy.

Trời ? Là lý thiên nhiên, tự nhiên thanh tịnh, đó là cội vui tối thắng tối lạc vậy, nếu chẳng phải cái nhân tối thắng trong sạch há được sinh chỗ tối thắng trong sạch ư ! Song, nhân trong sạch là do giữ giới cấm phải vậy.

Phải quán xét chỗ như vậy ? Nghĩa là : Phải suy nghĩ quán sát trong đời này có ba quả báo vui, đều do giữ giới mà có thì biết cái đạo thứ nhất xuất thế, phải từ nơi giới tinh mà được.

Người trí cần phải giữ giới ? Người thông mới được sinh lên cõi trời, muốn ra khỏi đời, chẳng phải người trí thì đâu biết được, chẳng phải người biếng nhác mà giữ giới được, do giữ tịnh giới, thân tâm trong sạch, thân tâm được trong sạch, thì trí huệ vô lậu phát ra do vì sức trí huệ, nên phá các phiền não, mà chứng được quả Niết bàn thứ nhất vậy.

CHÍNH VĂN : *Chư Phật đời quá khứ, nhẫn đến Phật đời vị lai, Thế Tôn đời hiện tại, thắng được tất cả sâu, đều nhờ tôn kính giới, ấy là pháp chư Phật, nếu có người vì mình, muốn cầu nơi quả Phật, phải tôn trọng chính pháp, ấy là lời chư Phật dạy.*

CHÚ GIẢI : Một bài rưới tụng trước, nói chư Phật đều tôn kính giới mà được thành đạo, để làm chứng cứ, một bài tụng sau : chỉ chỗ muốn cầu Phật, phải trọng chính pháp, để khuyên lớn đó, tất cả các phiền não mê lầm, ràng buộc chúng sinh, cho nên gọi là sâu, ba đời đức Như Lai đều giữ giới Ba La Đề Mộc Xoa, để đối trị với các vọng hoặc, mà được giải thoát, cho nên gọi là thắng được.

Vì thân mình ? Nghĩa là : Chuyên vì một thân này, vượt khỏi đường sinh tử, cúng chứng được quả Phật, chẳng phải trông cái vui ở đời mà cầu quả Phật.

Cầu Phật đạo ? Lựa chẳng phải cầu quả Thanh Văn, Duyên Giác, chí quyết cầu quả Phật, trọng tu cấm giới, chẳng phải vì bậc Nhị thừa, vâng giữ luật nghi, ý nhiệm của tạng Tỳ Ni, thật tại đây vậy. Người học đạo, xin chớ lầm chỗ Tông Thú, mà sa vào hầm nhỏ hẹp (*nhị thừa*), kể công mau phải

tỉnh hôn cho khỏi cái tội chê bai, dẫu mà có hiện thân Tiểu thừa đi nữa, bản ý Phật dụ dỗ, đem về Đại thừa. Hướng nữa là biển giới không bờ mé sánh đồng hư không, tùy người được lợi đồng ra không hai, chỉ căn khí riêng có Đại thừa, Tiểu thừa khác nhau, nhưng pháp không có cái lỗi rộng hẹp, muốn khỏi cái hố sâu nhị tử (tức là *phân đoạn* và *biến dịch sinh tử*) phải sớm để tâm ở nơi đất giới, ngõ hầu được mình làm khỏi trái, cầu Phật có ý chỉ vậy.

Chính pháp ? Là giới pháp vậy, sở dĩ cổ làm phép Yết Ma tụng giới, thì chính pháp mới trụ lâu ở đời, vì chính pháp này là chiếc bè qua khỏi sinh tử, cũng là đường tắt về Niết bàn, không đồng với kẻ ngoại đạo tà giáo, cũng đồng giới vị Chuyển luân vương tu thập thiện đều là cái chức trị đời, nên giới này riêng kêu là chính pháp.

CHÍNH VĂN : *Bảy đức Phật Thế Tôn, dứt hết các kiết sử, nói ra 7 giới kinh, các buộc được giải thoát, ta đã vào Niết bàn, các hí luận bật dứt. Vâng theo bậc Đại tiên, Thánh hiền đồng khen giới, chỗ làm của đệ tử, vào Niết bàn vắng lặng.*

CHÚ GIẢI : Một bài rưỡi tụng trước, nói các đệ tử của chư Phật, đều vâng giữ giới kinh, được mở các sự ràng buộc sẽ vào cõi Niết bàn, nên nói để làm chứng cứ. Một bài tụng sau, nói các đệ tử của Phật hiện nay, tuân theo giới của Phật dạy mà tu hành, được chứng quả Niết bàn, nên để khuyên đó.

Kiết sử ? Nghĩa là các phiền não ràng buộc, xúi cho tâm thần người tu trôi lăn trong ba cõi không được giải thoát. Lược nói đó thì có tam kiết,

thập sử, nói rộng thì có 88 sử, nhân đến 500 kiếp sử, 7 lớp Phật làm đạo sư ở trong đời, vì muốn dứt hết các kiếp sử của đệ tử, cho nên mới nói ra giới kinh đây, kể đệ tử vâng làm, thì các việc phiền não ràng buộc kia, nhân nơi đây mà được giải thoát, chứng quả vô sinh, vào được Niết bàn, thì tất cả hữu vô hí luận thấy đều dứt hết vậy. 7 lớp Phật là 7 vị Đại tiên nói ra các giới kinh, là giới mà tất cả Thánh hiền đều khen ngợi. Nếu nay đệ tử của ta tuân theo đây mà tu hành, thì đâu không chứng quả Niết bàn tịch diệt.

Niết bàn : Là tiếng Phạm ở phương Tây.

Tịch diệt : Là lời nói bên Trung Hoa, Hoa Phạm đều bày, nên gồm cả hai mà nói vậy.

CHÍNH VĂN : Thế Tôn khi sắp Niết bàn, còn đầy lòng Đại bi, nhóm các chúng Tỳ Kheo, dạy bảo cho như vậy, đừng nói ta vào Niết bàn, không hộ người tịnh hạnh. Ta nay nói giới kinh, cũng khéo lập Tỳ Ni, ta tuy vào Niết bàn, xem giới cũng như Phật, kinh này còn ở đời, Phật pháp được hưng thịnh, vì hưng thịnh như vậy nên vào được Niết bàn. Nếu không giữ giới này, y pháp mà Bồ tát, như khi mặt trời lặn, thế giới đều tối đen.

CHÚ GIẢI : Một bài tụng trước luận đức Phật để pháp dạy. Hai bài rưỡi tụng kế đó, nói rõ Phật chỉ dạy, một bài tụng sau là dạy bảo thêm cho rõ vậy. Đức Như Lai nói pháp 49 năm, duyên hóa độ đã xong, gần sắp Niết bàn để lại giới pháp, khẳng định dặn dò kể đệ tử. Phải biết giới này, thật là cái cương lĩnh ở trong Phật pháp, cũng là mạng

mạch của Tăng già, cũng là cầu bến qua biển khổ, cũng là ải mầu về cõi Niết bàn, nếu không đầu đội vầng giữ, đầu những chìm đắm bến sinh tử, lại phụ cái lòng phú chúc của đức Như Lai nữa vậy.

Phàm chúng ta là Phật tử phải nhớ lời từ hồi, thà táng thân mà giữ chính pháp để nối truyền, kính Mộc Xoa cho trọn đời, khiến chính pháp được cứu trụ, và hưng thịnh mãi ở trong đời, đó mới là thật người biết ơn trả ơn, nhớ đức phải báo đức đó vậy.

Giới kinh ? Là 250 giới Biệt giải thoát luật nghi vậy.

Tỳ Ni ? Là pháp trừ dứt tội vậy.

Bát Niết bàn ? Trung Hoa dịch : Nhập tịch diệt. Nghĩa là : bật dứt đường sinh tử hằng yên lặng vậy, cũng nói là : Diệt độ, nghĩa là khổ lớn đã dứt vượt khỏi tử lưu vậy.

Xem giới như Phật còn ? Nghĩa là : giới kinh này còn ở đời tức là pháp thân thường trụ bất diệt của đức Như Lai, cho nên kêu giới là Thầy.

Di Giáo kinh nói : Đức Như Lai ở giữa Ta La Song Thọ, sắp vào Niết bàn, bảo các đệ tử rằng : Nay các Tỳ Kheo, sau khi Ta diệt độ rồi, phải tôn kính giới Ba La Đề Mộc Xoa như người đi đêm tối gặp đèn, như người nghèo được của báu, phải biết giới này là thầy của các ông, cũng như Ta ở đời, không khác giới này vậy.

Kinh này cứu trụ ở đời ? Nghĩa là : Như có người nào y giới này mà tu hành, tức là kinh này còn trụ thế, kinh này trụ thế thì chính pháp được quang minh hừng thạnh bất diệt, do vì ánh quang minh ấy, nên được thấy đế lý, thẳng tới quá Niết bàn, thiết là Giáo, Hạnh, Lý, Quả cũng đều thịnh hành, nếu không giữ giới và Bồ tát, cho dứt tội lỗi, thì tội lỗi càng ngày càng thêm mất trí huệ sáng, thời không thấy đạo Thánh, bèn đọa trong ba đường, dụ như mặt trời lặn, thế giới đều tối đen, không còn thấy nữa, tức phải sa hầm sụp hố vậy.

CHÍNH VĂN : *Phải giữ gìn giới này, như mao ngưu tiếc đuôi, hòa hiệp ngôi một chỗ, như lời chư Phật dạy.*

CHÚ GIẢI : Bài tụng này, răn bảo giữ giới, phải tuân theo lời Phật chế, nghĩa là người tu hành, nhờ giữ giới, mà được trời người kính trọng, thà chết chớ không phạm, như con Mao ngưu tự tiếc cái đuôi của nó không đoái đến thân mạng.

Hòa hiệp ngôi một chỗ ? Là cho khỏi cái lỗi riêng chúng.

Như lời chư Phật dạy ? Là khiến cho dứt cái hại phi pháp. Tóm lại mà nói, người tu hành phải dùng giới mà tiếc mình trông cầu đừng phạm, thường mỗi nửa tháng, nhóm lại một chỗ, như lời Phật dạy mà làm phép Bồ tát tụng giới vậy.

CHÍNH VĂN : *Tôi đã nói giới kinh, chúng Tăng Bồ tát xong, lời nay nói giới kinh, chớ có bao công đức, thí cho cả chúng sinh, đồng chung thành quả Phật.*

CHÚ GIẢI : Nửa bài tụng trước : Nói rõ mình cùng người làm việc xong, một bài tụng sau, đem việc mình làm hồi hướng thí cho chúng sinh, đồng thành Phật đạo.

Nói việc làm ? Tức là các công đức vậy, các công đức đó, là cái công đức ở trong mỗi giới, mỗi giới sinh ra.

Thí cho cả chúng sinh ? Nghĩa là : Trước làm phép Bố tát tụng giới, là chỉ lợi cho mình, nay đem công đức ấy thí cho chúng sinh, đó là lợi cho người.

Đồng chung thành Phật đạo ? Chỗ gọi không cho có một người nào riêng được diệt độ, đều dùng pháp diệt độ của đức Như Lai, mà diệt độ đó phải vậy, cũng là Bồ Tát mới phát tâm đại thừa, bèn cùng với tất cả chúng sinh đồng cầu quả Phật, phát lời hoằng thệ đến chỗ cứu cánh Niết bàn. Hỏi rằng : “Những pháp của hàng Thanh Văn, đâu dùng cầu về quả Phật làm chi ?”.

Đáp : “Đây chính chỗ gọi thật là hàng Thanh Văn, nhờ nghe Phật thuyết pháp khiến cho tất cả cái nghe, chỉ có một pháp nhất thừa không hai cũng không ba. Lại nữa, giới bốn là ngăn quấy dứt dứt, chẳng phải hàng Thanh Văn riêng giữ, Tỳ Kheo là cái thể chung của Đại thừa và Tiểu thừa đâu chỉ gọi là một thân La Hán mà thôi”.

Giới Bồ Tát vốn chia : tại gia và xuất gia đều giữ, giới Tỳ Kheo đâu đồng với người tục, nếu không giữ giới này mà tu thân, lại lấy pháp gì mà thành ông Tăng. Cho nên nói : Ông tại gia Bồ Tát phải giữ

giới tại gia, ông Bồ Tát xuất gia, phải giữ giới xuất gia, ông Bồ Tát tại gia, gọi là người Cận sự, ông Bồ Tát xuất gia gọi là Tỳ Kheo, nên biết những giới của thầy Tỳ Kheo, chẳng phải cuộc hạn cho kẻ tiểu tâm. Ông Bồ Tát xuất gia, đâu cho không giữ. Ba đời chư Phật, đồng dạy pháp này, không những để cho thầy Tỳ Kheo đời nay riêng giữ vậy.

Hoặc có người nói rằng : “Hàng Thanh Văn giữ giới, gọi là bậc Bồ Tát phá giới, hàng Thanh Văn phá giới, gọi là Bồ Tát giữ giới nghĩa đó rằng sao ? Đáp rằng : “Đó là nói hàng Thanh Văn tự độ làm gấp, nếu không rộng làm các việc lành, gọi đó là phạm, đó chính là trách, cái tâm nhỏ hẹp tự lợi là quấy, chớ chẳng phải nói bậc Bồ Tát, có cho ngăn đó gọi là giữ, còn Bồ Tát vì lợi sinh làm gấp đại tâm lợi người đồng thành quả Phật; dầu rằng lợi mình, mà thiệt ra cũng gồm lợi cho người nữa, cho nên ở trong mỗi giới. Mỗi giới không lia hộ người đó. Thật là đức Như Lai ngài có phương tiện khéo léo riêng lấy hạt ngọc để trong tay áo chúng sinh, khiến cho họ trọn đời được chỗ đại dụng. Người đời nay không rõ ý Phật, đối với Mộc Xoa mà trở lại háy nguýt, nếu ngộ rồi, thì mỗi pháp, mỗi pháp đâu không phải là diệu hạnh, tức là được cỡi xe bạch ngưu mà về nhà bảo sở vậy”.

BỘ TƯ PHẦN GIỚI BỒN NHƯ THÍCH

(HẾT QUYỂN MƯỜI HAI)

Kỷ niệm những ngày giảng Luật này trong hai Trường Hương năm 1956 và 1959 tại Phật Học Đường Giác Nguyên Saigon

Do lời toàn thể chư Tăng yêu cầu dịch để lại tương lai. Tôi nguyện đem công đức này hồi hướng trên bốn ơn ba cõi và cả pháp giới chúng sinh nhất thời đồng sinh Cực Lạc quốc.

PHỤ THÍCH

Tam kiết : thân kiến, giới thủ, nghi

Thập sử : tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, tà kiến, giới thủ, kiến thủ.

Mao ngưu : là con thú ở nước Nam Di (xứ mại) hình như con trâu, đuôi có năm sắc, dài trắng, tự yêu tiếc cái đuôi, không đoái đến thân mạng.

CÙNG MỘT DỊCH GIẢ

- KINH A DI ĐÀ SỞ SAO
- KINH PHẠM VÕNG BỒ TÁT GIỚI
- KINH VỊ TĂNG HỮU THUYẾT NHÂN DUYÊN
- KINH HIỀN NHÂN (ÔNG BỤT)
- KINH TRỪ KHỦNG TAI HOẠN
- SA DI LUẬT GIẢI
- QUY SƠN CẢNH SÁCH

MỤC LỤC

	Trang
Lời tựa	5
Luật Tử Phần Giới Bốn Như Thích	
Quyển nhất.....	15
Quyển nhì.....	63
Quyển ba	137
Quyển tư.....	213
Quyển năm	277
Quyển sáu	337
Quyển bảy	393
Quyển tám.....	461
Quyển chín	529
Quyển mười	591
Quyển mười một	657
Quyển mười hai	733